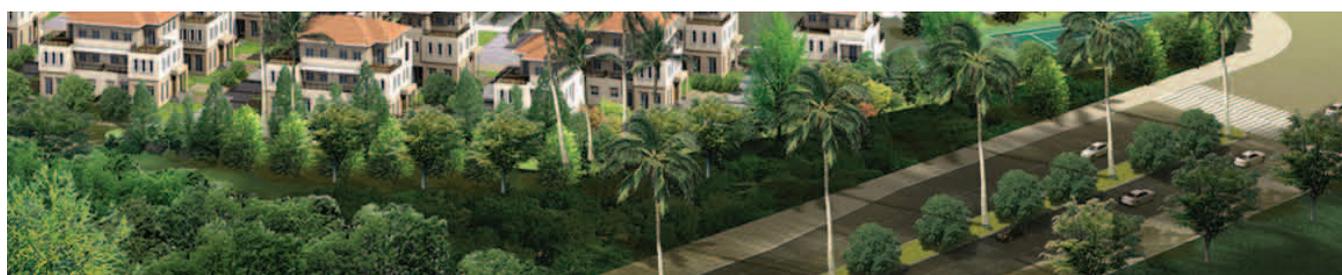


BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**



MỤC LỤC

TẦM NHÌN

VINACONEX hướng tới vị thế tập đoàn hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực xây dựng và bất động sản, trở thành thương hiệu đẳng cấp quốc tế.

SỨ MỆNH

Vinaconex nỗ lực hết mình thực hiện sứ mệnh cao cả mang lại lợi ích, niềm vui và hạnh phúc cho khách hàng, cổ đông, đối tác và xã hội.

04 Giới thiệu chung

- 06 Thư ngỏ của Chủ tịch HĐQT
- 08 Lịch sử hình thành
- 10 Các lĩnh vực hoạt động
- 12 Sơ đồ tổ chức
- 15 Trách nhiệm xã hội
- 16 Các sự kiện và thành tích tiêu biểu năm 2010

19 Báo cáo hoạt động và quản trị

- 20 Thành viên của HĐQT
- 22 Báo cáo của HĐQT
- 28 Thành viên Ban Kiểm Soát
- 30 Báo cáo Ban Kiểm Soát
- 34 Thành viên Ban Tổng Giám Đốc
- 37 Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc
- 24 Kế hoạch và định hướng kinh doanh năm 2011

54 Thông tin bổ sung

64 Báo cáo Tài chính

- 66 Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
- 108 Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010



Vinaconex luôn luôn nỗ lực mang lại
Niềm vui và Hạnh phúc
cho mọi người

GIỚI THIỆU CHUNG

Thư ngỏ

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị



Thư các Quý cổ đông,

Năm 2010 là một năm khó khăn của nền kinh tế nước ta nói chung và hoạt động của các doanh nghiệp nói riêng. Mặc dù được đánh giá đã thoát ra khỏi khủng hoảng, nhưng nguy cơ lạm phát cùng sự thiếu ổn định của thị trường tiền tệ đã tác động không nhỏ đến hoạt động của các doanh nghiệp, trong đó có Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam. Xác định trước những khó khăn đó, ngay từ đầu năm, Hội đồng quản trị đã chủ động cùng Ban Điều hành và tập thể cán bộ công nhân viên Tổng công ty cố gắng, nỗ lực vượt qua khó khăn, hoàn thành cơ bản các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao với tổng doanh thu thuần đạt 15.062 tỷ bằng 115,7% so với năm 2009; lợi nhuận trước thuế đạt 741 tỷ bằng 387% so với năm 2009; giá trị đầu tư đạt 7.393,49 tỷ bằng 108,67% so với năm 2009; lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt 972 đồng/cổ phiếu.

Các lĩnh vực hoạt động chính của Tổng Công ty là xây lắp, đầu tư kinh doanh bất động sản... đều đạt được những thành công. Tổng công ty đã hoàn thành đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng các công trình trọng điểm quốc gia chào mừng 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội mà điển hình là Dự án Đại lộ Thăng Long, Bảo tàng Hà Nội, các công trình thủy điện tại miền Trung và Tây Nguyên, mở rộng địa bàn hoạt động tại khu vực miền Nam, miền Trung, các dự án bất động sản do Vinaconex và các đơn vị thành viên triển khai nhận được sự quan tâm lớn của các nhà đầu tư... Đặc biệt, năm 2010 Tổng công ty đã thực hiện thành công việc phát hành tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ đồng, bổ sung nguồn vốn quan trọng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Những kết quả tốt đẹp từ hoạt động kinh doanh năm vừa qua đã giúp cho Vinaconex tiếp tục khẳng định thương hiệu của mình trong lĩnh vực xây dựng và đầu tư kinh doanh bất động sản, được xếp thứ 32 trong bảng xếp hạng 500 doanh nghiệp lớn Việt Nam (VNR 500) và lần thứ hai liên tiếp được lựa chọn tham gia Chương trình Thương hiệu Quốc gia cùng nhiều danh hiệu cao quý khác.

Bước sang năm 2011, trong bối cảnh kinh tế trong nước và quốc tế tiếp tục gặp nhiều khó khăn, Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên Vinaconex quyết tâm hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông đề ra, thực hiện các biện pháp linh hoạt để nâng cao năng lực tài chính, đổi mới phương thức quản trị điều hành nhằm tối ưu hóa các nguồn lực, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh theo hướng chuyên môn hóa ở hai lĩnh vực chính là xây lắp và đầu tư kinh doanh bất động sản.

Thay mặt Vinaconex, tôi xin bày tỏ lòng cảm ơn chân thành đến các Quý cổ đông, các đối tác đã tin tưởng, ủng hộ sát cánh cùng Vinaconex trong suốt thời gian qua. Chúng tôi tin tưởng rằng, với sự ủng hộ, sẻ chia và thiện chí hợp tác từ các quý vị, Vinaconex sẽ tiếp tục vượt qua thách thức, khó khăn để phát triển bền vững hơn trong năm 2011 và các năm tiếp theo, đưa thương hiệu Vinaconex lên một tầm cao mới trong mắt bạn bè trong nước và quốc tế.

Trân trọng,

Nguyễn Văn Tuấn

Lịch sử hình thành

2010

Tháng 11/2010 Tổng Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu và Xây dựng Việt Nam phát hành thành công cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ đồng.

2008

5/9/2008 – Cổ phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu và Xây dựng Việt Nam (mã VCG) chính thức giao dịch trên sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

2006

01/12/2006 - Tổng Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu và Xây dựng Việt Nam chính thức đi vào hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần.

1995

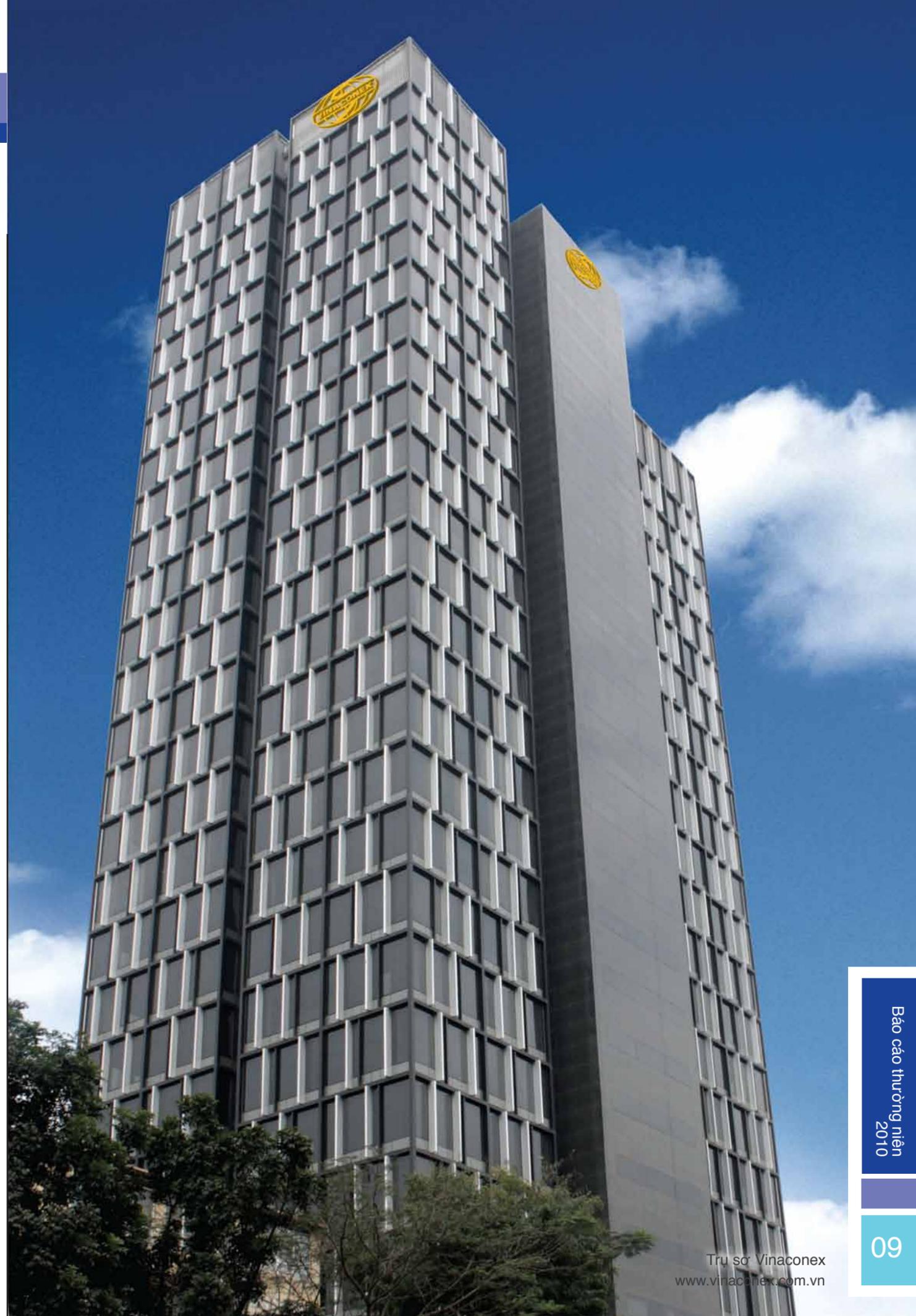
20/11/1995 - Tổng Công ty Xuất Nhập Khẩu Xây dựng Việt Nam được lập theo mô hình Tổng công ty 90. Theo đó, Tổng công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam được Bộ Xây dựng cho phép tiếp nhận một số công ty xây dựng trực thuộc Bộ về Tổng Công ty.

1991

10/8/1991 - Công ty Dịch vụ và Xây dựng nước ngoài đổi tên thành Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, xuất nhập khẩu và xuất khẩu lao động.

1988

27/9/1988 – Công ty Dịch vụ và Xây dựng nước ngoài - tiền thân của Tổng Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu và Xây dựng Việt Nam được thành lập.





Nhà máy Thủy điện Cửa Đạt



Công ty Cổ phần Ống sợi thủy tinh



Bảo tàng Hà Nội



Dự án Splendor

Các lĩnh vực hoạt động

XÂY LẮP

ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH
BẤT ĐỘNG SẢN

SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP
VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

TƯ VẤN THIẾT KẾ

GIÁO DỤC ĐÀO TẠO

ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

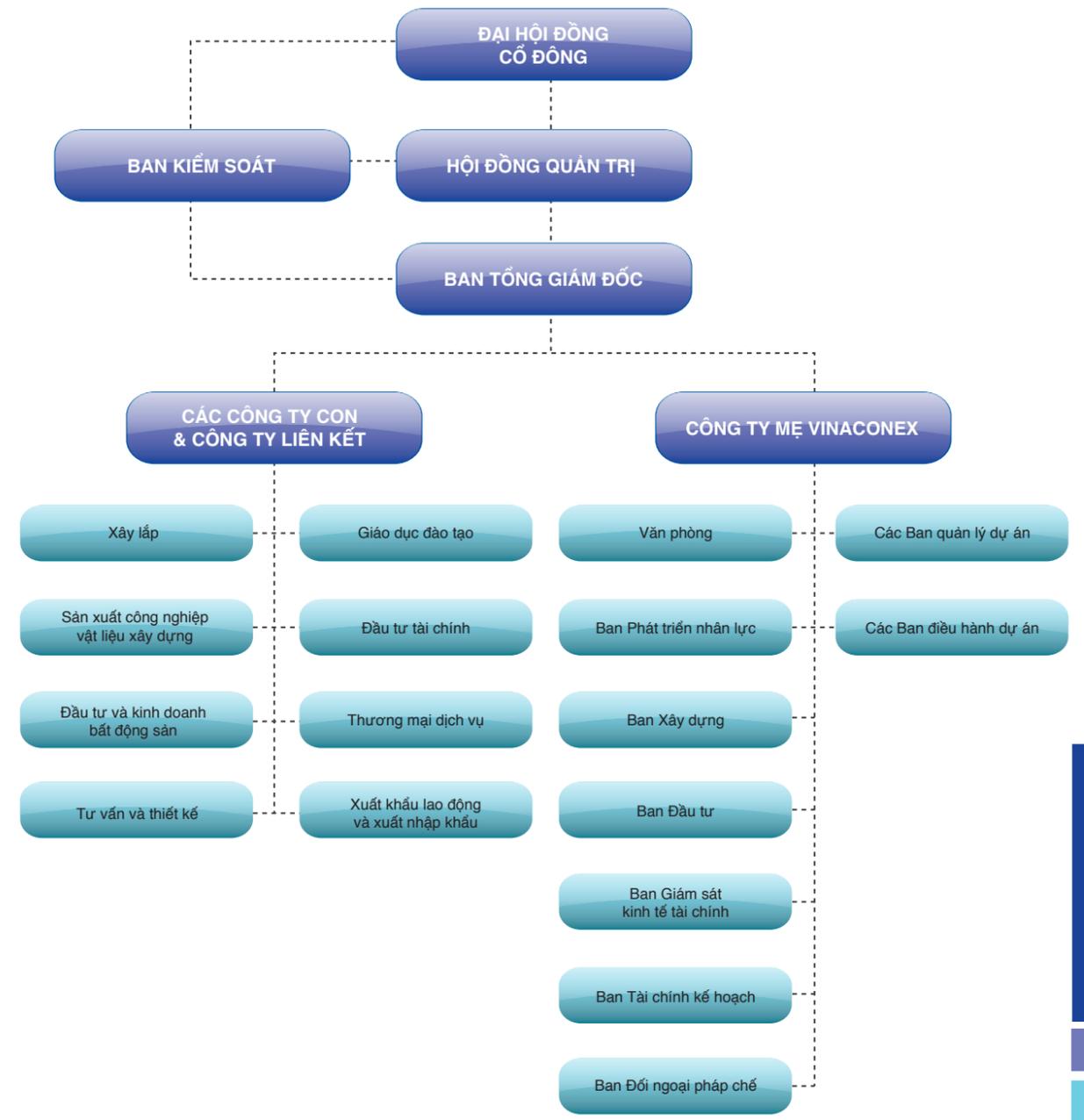
THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG
VÀ XUẤT NHẬP KHẨU



Nhà máy Xi măng Cẩm Phả

Sơ đồ tổ chức





Trách nhiệm Xã hội

VỚI TÔN CHỈ “MANG LẠI NIỀM VUI VÀ HẠNH PHÚC CHO MỌI NGƯỜI”, VINACONEX LUÔN TIN TƯỞNG VÀ NỖ LỰC ĐỂ THƯỞNG HIỆU VINACONEX ĐỒNG HÀNH CÙNG SỰ PHÁT TRIỂN CỦA ĐẤT NƯỚC VIỆT, “XÂY NHỮNG GIÁ TRỊ, DỰNG NHỮNG ƯỚC MƠ” CHO NHỮNG CON NGƯỜI VIỆT. VÌ VẬY, MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CÓ HIỆU QUẢ CỦA VINACONEX LUÔN GẮN LIỀN VỚI MỤC TIÊU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI VÀ THAM GIA TÍCH CỰC CÁC HOẠT ĐỘNG TỪ THIỆN VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI KHÁC.

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Ý thức được đặc thù và sự ảnh hưởng của hoạt động ngành nghề của Tổng công ty với môi trường, Vinaconex đã sớm đưa ra những chủ trương nhằm bảo vệ môi trường và định hướng rằng đây chính là một trong những nền tảng để doanh nghiệp phát triển bền vững. Các công trình, dự án đã và đang thi công của chúng tôi đều tuân thủ các quy định an toàn và bảo vệ môi trường, các nhà máy sản xuất như Nhà máy xi măng Cẩm Phả, nhà máy kính an toàn... đã được xây dựng thành công theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 14001:2000. Bên cạnh việc tuân thủ các quy định bảo vệ môi trường trong thi công và sản xuất, chúng tôi còn nỗ lực nghiên cứu và tập trung sản xuất những sản phẩm có chất lượng, góp phần nâng cao năng suất lao động đồng thời thân thiện môi trường, như sản phẩm và các chế phẩm bê tông cốt thép dự ứng lực (đạt Giải thưởng Khoa học công nghệ Nhà nước năm 2005 - Giải thưởng Nhà nước về khoa học công nghệ duy nhất đến nay trong lĩnh vực xây dựng), sản phẩm đá ốp lát cao cấp nhân tạo, sản phẩm ống nhựa sợi thủy tinh... Hơn thế, trong mọi dự án đầu tư, Vinaconex luôn ưu tiên các phương án thiết kế và quy hoạch theo hướng hài hòa với thiên nhiên, đảm bảo cân bằng môi trường cảnh quan.

BẢO ĐẢM QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN LỰC

Con người là nguồn tài sản vô giá, là sức mạnh của Vinaconex. Chính vì vậy, Vinaconex luôn chú trọng đảm bảo cho tập thể cán bộ, công nhân viên của mình có một môi trường làm việc an toàn, công bằng và bình đẳng. Việc thực hiện chế độ tiền lương, nâng lương, nâng bậc, bảo hiểm xã hội và giải quyết các chế độ chính sách cho người lao động luôn được đảm bảo kịp thời, đúng quy định. Ngoài ra, chúng tôi còn liên tục xây dựng chiến lược thu hút, đào tạo và phát triển người tài, không ngừng cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động. Trong năm 2010, thu nhập bình quân của người lao động trong toàn Tổng công ty đạt 4,34 triệu đồng/người/tháng, bằng 123,5 % so với năm 2009.

HOẠT ĐỘNG TỪ THIỆN VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI KHÁC

Ngay từ những năm đầu hoạt động, Vinaconex đã luôn chủ trương chú trọng tới các hoạt động từ thiện và các hoạt động xã hội khác bên cạnh hoạt động kinh doanh sản xuất của Tổng công ty. Trong những năm qua, Vinaconex đã tài trợ xây dựng 10 nhà trẻ mẫu giáo ở 8 tỉnh nghèo trên cả nước với tổng giá trị 700 triệu đồng; xây dựng 3 trường học phổ thông cho các tỉnh Đồng Tháp, Huế, An Giang; hiến tặng 60 căn nhà tình nghĩa trị giá trên 1 tỷ đồng cho các đối tượng chính sách ở Điện Biên, Quảng Nam, Sơn La, Lai Châu, Hậu Giang; tu bổ nghĩa trang liệt sĩ ở Quảng Trị; phụng dưỡng 33 bà mẹ Việt Nam anh hùng; ủng hộ quỹ người nghèo, quỹ chất độc màu da cam, giúp đỡ đồng bào lũ lụt với số tiền gần 10 tỷ đồng...

Các sự kiện tiêu biểu năm 2010

1

Đại hội đại biểu Đảng bộ Tổng công ty lần thứ III nhiệm kỳ 2010-2015 thành công tốt đẹp; Tổ chức thành công Đại hội Đoàn thanh niên Tổng công ty lần thứ III nhiệm kỳ 2010-2015, Đại hội công đoàn cơ quan Tổng công ty.

2

Hoàn thành các dự án trọng điểm quốc gia chào mừng Đại lễ kỷ niệm 1000 năm Thăng Long – Hà Nội như Đại lộ Thăng Long, Bảo tàng Hà Nội, Khách sạn Hanoi Plaza, Trường PTTH Hà Nội – Amsterdam, Khu luyện tập vận động viên thành tích cao, Công viên Hòa Bình.



Vinaconex tham gia Chương trình Thương hiệu Quốc gia



Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đến thăm và làm việc tại Nhà máy Xi măng Yên Bình



Đại lộ Thăng Long

3

Tiếp tục thực hiện thành công công tác đổi mới doanh nghiệp, tái cấu trúc tài chính, thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực tài chính doanh nghiệp góp phần thực hiện thắng lợi chiến lược phát triển toàn Tổng công ty giai đoạn 2010 - 2015.

4

Năm thứ tư liên tiếp hoạt động theo mô hình cổ phần hóa đã hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch SX – KD năm 2010 trong bối cảnh khó khăn chung của cả nước, tạo đà phát triển ổn định cho năm 2011.

5

Tiếp tục củng cố và nâng cao vị trí thương hiệu mạnh quốc gia: đứng thứ 32/500 trong bảng xếp hạng 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500), được bình chọn là 1/20 nhãn hiệu hàng đầu Việt nam, lần 2 liên tiếp được lựa chọn tham gia Chương trình Thương hiệu quốc gia và tiếp tục được trao giải Thương hiệu mạnh, Cup vàng chất lượng xây dựng Việt Nam cho công trình Nhà máy Xi măng Cẩm Phả, nhà máy nước Sông Đà, giải thưởng “Thương hiệu chứng khoán uy tín”.

6

Hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản trị doanh nghiệp, tăng cường năng lực chuyên môn và phát triển nguồn nhân lực của Tổng công ty.

7

Hoàn thành các dự án thủy lợi, thủy điện lớn thủy điện Buôn Kuốp, Buôn Tua Srah, công trình thủy lợi - thủy điện Cửa Đạt.

8

Địch chuyển vốn đầu tư, tăng cường ứng dụng công nghệ mới, bước đầu chiếm lĩnh thị trường miền Trung và miền Nam qua tham gia đầu thầu và thắng thầu nhiều dự án như Khu dân cư Phong Bắc và Nại Hiền Đông tại TP Đà Nẵng, nhà máy Xi măng Hiệp Phước, Khu ký túc xá sinh viên Đại học Quốc gia TP HCM, tiếp tục đầu tư 2 nhà máy bê tông dự ứng lực tại Đà Nẵng và Long An.

9

Tiên phong trong triển khai thực hiện Chương trình phát triển nhà ở xã hội của Chính phủ với việc triển khai hàng loạt dự án như xây dựng nhà ở công nhân tại Khu công nghiệp Bắc Phú Cát, khu nhà ở sinh viên trường Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Dự án nhà ở xã hội Vinaconex tại Đà Nẵng, Dự án nhà ở sinh viên Mỹ Đình II tại Hà Nội, Dự án nhà ở xã hội tại Thái Bình, Dự án xây dựng ký túc xá sinh viên Trường Đại học Thái Nguyên.

10

Nêu cao tinh thần chia sẻ khó khăn, thực hiện nghĩa vụ xã hội và phát huy truyền thống “ Uống nước nhớ nguồn” qua việc quyên góp ủng hộ đồng bào vùng lũ lụt, đóng góp cho quỹ trẻ em nghèo, xây dựng nhà tình nghĩa, phụng dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng, ...

Phối cảnh Dự án Khu văn phòng và nhà ở cao cấp Vinaconex 1





BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG VÀ QUẢN TRỊ



Thành Viên Hội Đồng Quản Trị

1. NGUYỄN VĂN TUÂN

Ông Tuân là người có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng và quản trị doanh nghiệp với gần 40 năm trong nghề. Ông Tuân cũng có gần 10 năm học tập và làm việc tại Bulgaria với vai trò trưởng Đại diện Vinaconex, Giám đốc Vinasoftroi. Tại Vinaconex, ông Tuân đã lần lượt trải qua các chức vụ Trưởng đại diện Việt Nam tại Bulgaria, Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng số 7, Phó Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc và Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty từ tháng 9 năm 2006. Ngoài ra, ông Tuân còn là Chủ tịch HĐQT Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex – Viettel.

3. NGUYỄN MẠNH HÙNG

Ông Hùng là Ủy viên HĐQT Vinaconex từ tháng 04/2009. Bên cạnh đó, ông Hùng hiện đang là Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Viễn thông Quân đội, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Quân đội, Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex- Viettel và Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty Đầu tư Quốc tế Viettel.

2. NGUYỄN THÀNH PHƯƠNG

Ông Phương hiện là Bí thư Đảng ủy - Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc. Với 37 năm hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và gắn bó với Vinaconex từ những ngày đầu thành lập, ông Phương có nhiều kinh nghiệm làm việc tại liên doanh với nước ngoài, thi công các dự án trọng điểm quốc gia, quản trị doanh nghiệp trong ngành xây dựng. Bên cạnh đó, ông Phương còn đang đảm nhận các chức danh như Phó chủ tịch Hội nhà thầu Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng thành viên Liên doanh TNHH Phát triển Đô thị mới An Khánh (Vinaconex – Posco), Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Vinaconex P&C, Phó chủ tịch HĐQT Công ty Phát triển Đô thị mới Vinaconex – Viettel.

4. TÔ NGỌC THÀNH

Ông Thành là Ủy viên HĐQT Vinaconex từ tháng 11/2003. Trước đó, ông Thành là Phó Vụ trưởng vụ Kế hoạch thống kê Bộ xây dựng. Hiện nay, ông Thành là Chủ tịch HĐQT của các công ty: Công ty Cổ phần Xây dựng số 21 và Công ty Cổ phần Ống sợi Thủy tinh Vinaconex.

5. PHAN MINH TUẤN

Ông Tuấn tham gia Hội đồng quản trị Tổng Công ty ngay từ những ngày đầu khi Vinaconex chuyển sang hoạt động theo mô hình cổ phần. Hiện ông đang là trưởng đại diện Dragon Capital tại Hà Nội. Ông Tuấn là người có nhiều kinh nghiệm và am hiểu sâu sắc thị trường tài chính Việt Nam. Ông cũng từng nắm giữ chức vụ Chánh văn phòng Hà Nội của Công ty BHP (1991-1994) và Giám đốc Chi nhánh Hà nội của Công ty Peregrine Capital Việt Nam.

7. TRỊNH HOÀNG DUY

Ông Duy hiện là Ủy viên Hội đồng quản trị Vinaconex. Ông Duy gia nhập Vinaconex ngay từ những ngày đầu thành lập. Từng có thời gian học tập và làm việc tại Bulgaria, ông Duy là người có nhiều kinh nghiệm làm việc với các đối tác nước ngoài. Tại Vinaconex, ông Duy đã từng là đại diện Vinaconex tại Hàn Quốc, Phó giám đốc Công ty Liên doanh Vinagib, Phó Tổng Giám đốc Công ty liên doanh Vinata. Hiện ông Duy còn là Chủ tịch HĐQT các công ty như Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex (ITC), Công ty Cổ phần Phát triển điện miền Bắc 2, Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Vinaconex Thanh Hoá, Phó chủ tịch HĐQT thành viên Công ty Liên doanh Vinata.

6. NGUYỄN THIỀU QUANG

Ông Quang là đại diện quản lý vốn của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) tham gia Hội đồng quản trị Vinaconex từ tháng 6 năm 2008. Ngoài ra, ông Quang hiện đang là Phó chủ tịch HĐQT Techcombank; Chủ tịch HĐQT các công ty Đa My, La Giang, Sài Gòn – Senco, Hoa sen vàng; thành viên HĐQT Công ty Masan Consumer và Công ty Cổ phần Bất động sản Masan.

8. HOÀNG NGUYỄN HỌC

Ông Học đảm nhận vị trí ủy viên HĐQT Vinaconex từ tháng 6 năm 2008. Từng đảm nhận cương vị Cục trưởng cục Tài chính doanh nghiệp của Bộ Tài chính, ông Học là người có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp. Hiện ông đang là Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Đầu tư Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC). Ông Học còn là thành viên không chuyên trách Công ty Cổ phần Sửa Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà Constrexim.

9. HOÀNG ANH XUÂN

Ông Xuân là Ủy viên HĐQT Vinaconex từ tháng 04 năm 2009. Ông Xuân đang là Tổng Giám đốc Tập đoàn Viễn thông Quân đội, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex – Viettel, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel và Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Công nghệ Viettel.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 2010

www.vinaconex.com.vn

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Nhận thức năm 2010, nền kinh tế trong nước còn gặp rất nhiều khó khăn, nguy cơ lạm phát cao cùng sự thiếu ổn định của các chính sách tiền tệ sẽ tác động không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, ngay từ đầu năm, Hội đồng quản trị đã cùng Ban Tổng Giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên Tổng công ty cố gắng, nỗ lực vượt qua khó khăn, phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao:

I. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2010

1. Về hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2010, Hội đồng quản trị đã tổ chức họp định kỳ hàng quý và bất thường với tổng số 06 cuộc họp để thảo luận tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư và chiến lược phát triển của Tổng công ty, theo đó các thành viên Hội đồng quản trị đã phát huy năng lực, kinh nghiệm, trí tuệ và sức mạnh tập thể để từ đó thông qua các chủ trương, chính sách lớn của Tổng công ty. Ngoài ra, Hội đồng quản trị Tổng công ty cũng đã thông qua nhiều chủ trương, chính sách, quyết định bằng hình thức xin ý kiến bằng văn bản. Nhìn chung, Hội đồng quản trị đã luôn tạo dựng được môi trường làm việc dân chủ, khoa học, phát huy năng lực, kinh nghiệm, trí tuệ của từng thành viên và nhiều quyết sách của Hội đồng quản trị đã được ban hành kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tế của doanh nghiệp và đã hỗ trợ tích cực Ban Tổng Giám đốc trong việc điều hành hoạt động hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng công ty năm 2010.

Ngoài ra, thực hiện cơ chế phân cấp của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị cùng các ủy viên HĐQT chuyên trách tại doanh nghiệp đã luôn chủ động trong công tác đối nội, đối ngoại, đồng hành cùng Ban Tổng Giám đốc trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh để từ đó đưa ra những chỉ đạo, quyết sách phù hợp, kịp thời giải quyết các công việc của Tổng công ty, góp phần tạo dựng sự ổn định và phát triển của Tổng công ty.

2. Tình hình thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và một số quyết sách lớn của Hội đồng quản trị Tổng công ty trong năm 2010

2.1 Tình hình thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2010:

Xác định những khó khăn chung của thị trường để đưa ra các quyết sách, Hội đồng quản trị Tổng công ty năm 2010 đã đưa ra các quyết sách phát triển hợp lý nên hầu hết các chỉ tiêu phát triển của năm 2010 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đều được hoàn thành, cụ thể:

+ Hoàn thành Kế hoạch sản xuất kinh doanh do Đại hội Cổ đông thường niên Tổng công ty năm 2010 đặt ra với một số chỉ tiêu chính như sau:

Chi tiêu	Công ty Mẹ			Hợp nhất Tổng công ty
	Kế hoạch 2010	Thực hiện 2010	Tỷ lệ % TH/KH	
Tổng doanh thu thuần	6.185	6.319,6	102,2%	15.062,5
Lợi nhuận trước thuế	563.4	601,3	106,7%	740,8

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

+ Hoàn thành việc lựa chọn đơn vị kiểm toán theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, theo đó, Hội đồng quản trị đã lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất Tổng công ty năm 2010. Đây là năm thứ 2 liên tiếp, Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán này.

+ Hoàn thành việc chi trả cổ tức năm 2009 với mức 12%/năm và trích lập các quỹ theo phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông; thực hiện tạm ứng chi trả cổ tức năm 2010 với tỷ lệ 7% cho năm 2010.

+ Hoàn thành việc tăng vốn điều lệ Tổng công ty lên 3.000 tỷ đồng.

+ Hoàn thành việc ban hành Điều lệ sửa đổi theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2.2 Các quyết sách lớn của Hội đồng quản trị trong năm 2010

• Về công tác tài chính :

Ngay từ đầu năm 2010, tình hình tài chính của Tổng công ty đã gặp nhiều áp lực như phải trả nợ vay ngân hàng, trả nợ trái phiếu 2007, góp vốn đầu tư vào các công ty con, thực hiện đầu tư các dự án của Tổng công ty. Trước tình hình này, Hội đồng quản trị đã quyết liệt chỉ đạo việc triển khai công tác tạo vốn cho doanh nghiệp, cụ thể:

+ Quyết định chủ trương phát hành trái phiếu doanh nghiệp 2.000 tỷ đồng với thời hạn 2 năm. Việc phát hành thành công trái phiếu với lãi suất cạnh tranh đã tạo nguồn vốn không nhỏ cho Ban Tổng Giám đốc triển khai các dự án đầu tư và hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

+ Chỉ đạo quyết liệt chủ trương tăng vốn điều lệ của Tổng công ty từ 1.850 tỷ đồng lên 3.000 tỷ đồng theo đúng phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua với tổng số tiền thu về khoảng 1.153 tỷ đồng.

+ Thông qua chủ trương tái cấu trúc doanh nghiệp, theo đó trong năm 2010, Tổng công ty đã tái cấu trúc được 07 đơn vị, thu về hơn 605 tỷ đồng, đặc biệt việc tái cấu trúc thành công Công ty cổ phần nước sạch Vinaconex đã mang về cho Tổng công ty 327 tỷ đồng lợi nhuận đồng thời tạo cho doanh nghiệp cổ phần có một hệ thống quản trị tiên tiến theo tiêu chuẩn nước ngoài.

+ Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc triển khai quyết liệt công tác thu hồi công nợ để đảm bảo dòng tiền cho hoạt động của Tổng công ty.

Ngoài ra, để Tổng công ty có được tình hình tài chính ổn định, Hội đồng quản trị đã thông qua mục tiêu thực hiện về tài chính năm 2011 của Tổng công ty như sau:

- Đảm bảo đủ dòng tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư của Tổng công ty.

- Tỷ suất đòn bẩy tài chính ($k = \text{nợ}/\text{vốn chủ sở hữu}$) giảm so với năm 2010, thực hiện các biện pháp về tài chính nhằm phấn đấu đưa tỷ lệ $K \leq 2$ trong vòng 03 năm tới.

• Về công tác quản trị doanh nghiệp:

Hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản trị doanh nghiệp, tăng cường năng lực chuyên môn và phát triển nguồn nhân lực của Tổng công ty luôn là một trong nhiệm vụ trọng tâm của Hội đồng quản trị. Năm 2010, Hội đồng quản trị đã thực hiện việc ban hành nhiều quy chế, quy định tạo hành lang pháp lý nhằm hoàn thiện công tác này, cụ thể:

+ Ban hành các quy chế về đào tạo, quy chế khen thưởng thi đua, quy chế khen thưởng doanh nghiệp, đơn vị và nhà quản lý giỏi Vinaconex.

+ Thực hiện chiến lược thay đổi người đại diện vốn tại doanh nghiệp theo nguyên tắc chiếm đa số trong số thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện quản lý vốn không nhất thiết phải là người của văn phòng Tổng công ty và đã trao quyền quản lý vốn của Tổng công ty cho các Giám đốc, Phó Giám đốc Công ty. Việc thay đổi này được thực hiện với mục tiêu nâng cao công tác bảo toàn và phát triển vốn đầu tư của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác đồng thời tạo sự năng động, gắn kết giữa Tổng công ty và doanh nghiệp có vốn góp.

• Về công tác đầu tư phát triển:

Đánh giá công tác đầu tư, đặc biệt là đầu tư bất động sản là một trong 2 lĩnh vực then chốt của Tổng công ty, Hội đồng quản trị đã luôn sát cánh cùng Ban Tổng Giám đốc trong việc tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới cho Tổng công ty. Trong năm 2010, Hội đồng quản trị đã thông qua một số chủ trương đầu tư như sau:

+ Quyết định chủ trương đầu tư dự án cụm nhà ở hỗn hợp tại ô đất B3, Khu đô thị Nam Cầu Trần Thị Lý, Thành phố Đà Nẵng; chủ trương đầu tư dự án Tòa nhà Vinaconex Thanh Hóa.

+ Hoàn thành việc phê duyệt giá trị quyết toán một số dự án của Tổng công ty: Dự án Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây – Hòa Lạc- Xuân Mai – Miếu Môn – Hà nội, giai đoạn 1, công suất 300.000 m³/ngày-đêm và phê duyệt giá trị chuyển giao tài sản hình thành sau đầu tư dự án trên cho Công ty cổ phần; quyết toán Dự án Khu nhà ở 15T, Dự án Bắc Phú Cát.

+ Tiếp tục chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc hoàn thành các dự án đang được triển khai theo đúng tiến độ đề ra như dự án nhà chung cư cao cấp NO5, khu biệt thự D3, Tây Hồ để đảm bảo uy tín cũng như để tạo dòng tiền cho Tổng công ty.

• Về công tác đầu tư vốn vào các doanh nghiệp thuộc ngành nghề kinh doanh chính và công tác tái cấu trúc doanh nghiệp:

+ Trong năm 2010, Hội đồng quản trị đã rất thận trọng khi tham gia góp vốn bổ sung vào các doanh nghiệp khác và chỉ quyết định góp vốn bổ sung vào 14 đơn vị với tổng số tiền là 299,2 tỷ đồng theo kế hoạch tăng vốn điều lệ của Công ty. Đây là các doanh nghiệp làm ăn có lãi hoặc đang thực hiện các dự án bất động sản lớn dự kiến sẽ mang lại lợi nhuận cao cho Tổng công ty.

+ Đánh giá việc tái cấu trúc được tiến hành chậm do nhiều nguyên nhân khác nhau, Hội đồng quản trị quyết liệt chỉ đạo đẩy mạnh công tác tái cấu trúc, theo đó đã có Nghị quyết phê duyệt việc giữ lại 22 đơn vị nòng cốt làm đơn vị thành viên. Đối với các đơn vị còn lại, Tổng công ty sẽ tiếp tục tiến hành tái cấu trúc trong năm 2011 và các năm tiếp theo.

+ Đối với Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả, xác định việc tái cấu trúc thành công sẽ giảm tải được gánh nặng tài chính của Tổng công ty, Hội đồng quản trị đã ra nhiều nghị quyết, quyết định thể hiện sự quyết tâm và quyết liệt trong công tác tái cấu trúc dự án này tuy nhiên do nhiều nguyên nhân như quy mô dự án lớn, thị trường tài chính diễn biến không thuận lợi... nên công tác tái cấu trúc Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả vẫn chưa được hoàn thành trong năm 2010. Hiện nay, Tổng công ty vẫn đang tiếp xúc với các đối tác quan tâm để triển khai việc tái cấu trúc dự án trên và phấn đấu thoái vốn tại Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả trong thời gian sớm nhất.

+ Cũng trong năm 2010, Hội đồng quản trị đã thông qua chủ trương chuyển đổi mô hình hoạt động của Công ty TNHH MTV nước Dung Quất sang Công ty cổ phần.

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

II. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH :

Trong năm 2010, Ban Tổng Giám đốc đã rất nỗ lực trong việc điều hành các hoạt động của Tổng công ty, hoàn thành các chỉ tiêu cơ bản theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Tổng công ty, ngoại trừ chỉ tiêu về cổ tức do theo văn bản số 508/UBCK – QLPH ngày 18/2/2011 của Ủy ban chứng khoán thì việc chi trả cổ tức khác với các quy định trước đây là căn cứ vào báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ, thì nay phải căn cứ trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Vì vậy năm 2010, Tổng công ty đã không hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch cổ tức cho các cổ đông. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế của Công ty Mẹ còn dư là 354.697.675.235 đồng. Việc để lại không phân phối hết lợi nhuận sau thuế sẽ tạo nguồn lợi nhuận để có thể thực hiện phương án tạm ứng cổ tức hoặc chia cổ phiếu thưởng khi chưa hạch toán lợi nhuận ở các kỳ sau.

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban Tổng Giám đốc luôn thực hiện đúng chiến lược phát triển của Tổng công ty là Xây dựng và Kinh doanh Bất động sản và đã gặt hái được nhiều thành công trong 2 lĩnh vực này, cụ thể:

+ Trong lĩnh vực xây lắp: Hội đồng quản trị đánh giá cao sự cố gắng, nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc trong việc hoàn thành đúng tiến độ các dự án đang thực hiện, đồng thời tích cực tìm kiếm các dự án xây lắp mới nhằm duy trì công việc ổn định cho cán bộ công nhân viên và thu nhập cho Tổng công ty. Nhiều dự án xây lắp tại khu vực miền Trung, miền Nam cũng được Ban Tổng Giám đốc tìm kiếm và thắng thầu, góp phần nâng cao uy tín và khẳng định thương hiệu Vinaconex trên cả nước. Đặc biệt, trong năm 2010, bằng trách nhiệm và tình cảm với Thủ đô yêu dấu, với sự chỉ đạo quyết liệt của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã hết sức nỗ lực, quyết liệt hoàn thành đúng tiến độ các công trình trọng điểm chào mừng Đại lễ 1.000 năm Thăng Long, để lại nhiều dấu ấn, được lãnh đạo và nhân dân Thủ đô đánh giá cao. Thương hiệu Vinaconex một lần nữa được khẳng định trên thị trường trong nước. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc cần chỉ đạo, tổ chức công tác lập hồ sơ quyết toán

+ Trong lĩnh vực bất động sản: năm 2010, mặc dù thị trường bất động sản có những diễn biến không thuận lợi do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế, nhưng lĩnh vực bất động sản của Tổng công ty vẫn đạt được những thành công đáng ghi nhận. Trong năm, Ban Tổng Giám đốc đã triển khai bán hàng tại nhiều dự án do Tổng công ty làm chủ đầu tư cũng như tại các công ty thành viên, công ty liên doanh liên kết, được khách hàng đón nhận và đánh giá cao. Đồng thời, nhiều dự án đầu tư mới cũng đang được Tổng công ty xúc tiến và hứa hẹn sẽ mang lại nhiều thành công trong tương lai gần. Những thành công trên đã thể hiện sự cố gắng nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc trong việc phát triển một trong những lĩnh vực quan trọng, then chốt của Tổng công ty.

Ngoài ra, trong công tác tạo dòng tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban Tổng Giám đốc đã luôn chủ động tìm các giải pháp cụ thể đề xuất với Hội đồng quản trị để giảm bớt căng thẳng tài chính cho Tổng công ty như chủ động tìm kiếm các đối tác để thực hiện chủ trương tái cấu trúc doanh nghiệp, đề xuất các giải pháp tăng vốn điều lệ, phát hành trái phiếu. Với những nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc, năm qua được đánh giá là năm thành công trong công tác tạo dòng tiền cho doanh nghiệp hoạt động, góp phần quan trọng vào việc thực hiện thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh 2010.

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2011

Năm 2011, nhận thức nền kinh tế thế giới và trong nước còn rất nhiều khó khăn, các kênh huy động vốn sẽ tiếp tục bị hạn chế đặc biệt là lĩnh vực bất động sản và chứng khoán, Hội đồng quản trị đã xác định những nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2011 như sau:

1. Rà soát lại toàn bộ các dự án của Tổng công ty, cắt giảm hoặc giãn tiến độ các dự án đầu tư chưa cấp bách theo đúng tinh thần Nghị quyết 11/CP của Chính Phủ và trên cơ sở đó, tập trung các nguồn lực của Tổng Công ty để thúc đẩy các dự án dự kiến mang lại lợi nhuận cao, đảm bảo tiến độ và chất lượng dự án; Tìm kiếm đề xuất để được nghiên cứu phát triển các dự án bất động sản quy mô lớn, mang lại lợi nhuận cao cho Tổng Công ty, đảm bảo sự phát triển ổn định lâu dài, nâng cao uy tín và thương hiệu của Tổng Công ty. Ngoài ra, sẽ tiếp tục nghiên cứu đầu tư trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng mới như dự ứng lực tiền chế, gạch bê tông chưng áp ABC, vữa khô trộn sẵn, bê tông bọt khí.

2. Tiến hành cân đối các nguồn lực về tài chính, nhân lực để thực hiện thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011 do Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua, góp phần thực hiện thành công chiến lược phát triển Tổng công ty đến 2015.

3. Triển khai thành công việc tăng vốn điều lệ Tổng công ty lên 5.000 tỷ đồng để tạo dòng tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

4. Triển khai mạnh mẽ việc tái cấu trúc vốn của Tổng công ty tại các đơn vị lộ trình đã được Hội đồng quản trị thông qua, đặc biệt là thực hiện thành công việc thoái vốn tại Công ty CP Xi măng Cẩm Phả, góp phần lành mạnh hóa hệ thống tài chính của Tổng công ty. Đồng thời, thực hiện mạnh mẽ các giải pháp tài chính để đưa tỷ lệ Nợ/Vốn chủ sở hữu của Công ty Mẹ tiến dần về mức 2:1, làm tiền đề để Tổng công ty hỗ trợ các Công ty thành viên chủ chốt giảm tỷ lệ này ở đơn vị mình, từng bước đưa cả hệ thống vào vị thế ổn định và chủ động về tài chính theo chuẩn mực quốc tế đối với các doanh nghiệp trong ngành.

5. Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ mới, coi đó là một trong giải pháp trọng yếu giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo lợi thế để thâm nhập thị trường xây dựng và bất động sản, khẳng định vị thế và thương hiệu doanh nghiệp.

6. Đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực của Tổng công ty để có đội ngũ kế cận công tác quản trị và quản lý doanh nghiệp cho nhiệm kỳ mới.

7. Kiện toàn và nâng cao vai trò người đại diện quản lý vốn tại các doanh nghiệp có vốn của Tổng công ty để bảo toàn và phát triển vốn đầu tư của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác.

8. Tiếp tục hoàn thiện và phát triển công tác quản trị thương hiệu Vinaconex, khẳng định vị thế thương hiệu Vinaconex trong nước và quốc tế.

IV. KẾT LUẬN

Năm 2011 tiếp tục là năm “Vượt qua thách thức” để chuyển sang thời kỳ tăng trưởng bền vững, đẩy mạnh quá trình đổi mới doanh nghiệp, phát huy những lợi thế cạnh tranh tiềm năng, sớm bước vào giai đoạn phát triển tăng tốc. Hội đồng quản trị Tổng công ty Vinaconex đã, đang và sẽ tiếp tục chỉ đạo quyết liệt để có những giải pháp mang tính đột phá nhằm triển khai thành công chiến lược phát triển của Tổng công ty trong thời gian tới, phấn đấu đưa Vinaconex trở thành một tập đoàn Xây dựng – Bất động sản hàng đầu của Việt Nam, vươn lên cạnh tranh bình đẳng và có hiệu quả tại thị trường khu vực và quốc tế vào năm 2015 và các năm tiếp theo.



Thành viên Ban kiểm soát

1. ĐẶNG THANH HUẤN

Ông Huấn giữ chức vụ Trưởng Ban kiểm soát từ tháng 12 năm 2006. Ông có 14 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kiểm toán và tài chính. Bên cạnh đấy, ông còn là Trưởng Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Xây dựng số 2, Công ty Cổ phần Xây dựng số 9, Công ty Cổ phần Xây dựng số 11, Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 và Công ty Cổ phần Xây dựng số 25, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex E&C...

2. PHẠM PHÚ TRƯỜNG

Ông Trường là thành viên Ban kiểm soát từ tháng 4 năm 2010. Ông có hơn 13 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực xây dựng và đầu tư kinh doanh bất động sản tại Tập đoàn Takenaka (Nhật Bản), Công ty TNHH Kumagai Gumi (Nhật Bản), Công ty Tư vấn Nippon Koei và các Đối tác (Nhật Bản), Công ty Cổ phần Xây dựng Vinashin và Tập đoàn Viễn thông Quân đội. Hiện tại, ông Trường còn giữ chức vụ Trưởng phòng Dự án Công ty Bất động sản Viettel – Tập đoàn Viễn thông Quân đội.

3. PHẠM CHÍ SƠN

Ông Sơn là thành viên Ban kiểm soát từ tháng 12 năm 2006. Ông Sơn tham gia vào Vinaconex từ năm 2002. Ông Sơn đã từng là luật sư nội bộ, Phó Giám Đốc Ban Đối ngoại - Pháp chế. Hiện nay ông Sơn giữ chức vụ Chánh văn phòng Vinaconex.

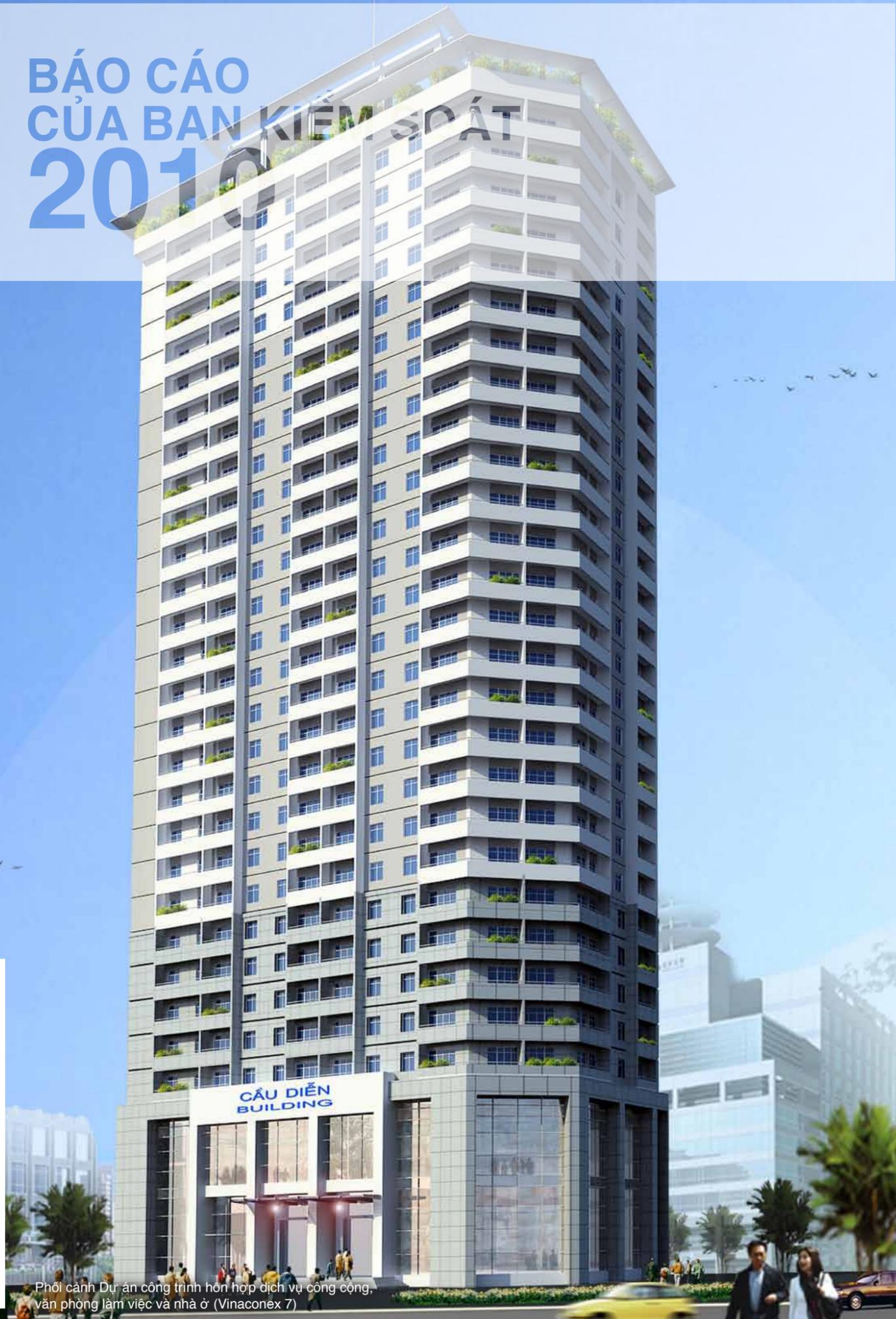
5. CÙ ANH TUẤN

Ông Tuấn là thành viên Ban kiểm soát từ tháng 6 năm 2008. Ông Tuấn có 17 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kế toán, tài chính. Hiện tại ông giữ chức vụ Trưởng Ban Tài chính Kế toán của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC).

4. KHỔNG VĂN MINH

Ông Minh là thành viên Ban kiểm soát từ tháng 12 năm 2006. Ông Minh có 17 năm làm việc trong lĩnh vực kế toán và đầu tư tài chính. Ngoài ra, ông Minh còn là Giám đốc đầu tư, Quỹ đầu tư Jaccar, thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT 2010



Báo cáo của Ban kiểm soát

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2010

Trong năm 2010, Ban Kiểm soát đã hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng Công ty trong việc quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong năm 2010.
- Tham gia ý kiến và đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty trong năm.
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2010 đối với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.
- Thẩm tra các Báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính; giám sát việc thực thi những kiến nghị do Công ty kiểm toán độc lập đưa ra.
- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông

tin của Tổng Công ty theo các quy định pháp luật.

Bên cạnh đó, Ban Kiểm soát đã phối hợp với Người Đại diện quản lý vốn Tổng công ty tại các đơn vị thành viên, với các Ban chức năng của Tổng công ty thực hiện một số cuộc kiểm tra, kiểm soát trực tiếp tại các đơn vị thành viên như Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả, Công ty Cổ phần Xây dựng số 11, Công ty Cổ phần Vinaconex Đà Nẵng, Công ty Cổ phần Vinaconex Quyết Thắng (Đắk Lắk) và một số đơn vị thành viên khác.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị đã tổ chức đầy đủ các kỳ họp định kỳ quý, năm (và bất thường) theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty. Hội đồng quản trị cũng đã thông qua nhiều quyết định bằng hình thức xin ý kiến bằng văn bản. Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm phù hợp với quy định pháp luật (và Tổng công ty), đáp ứng kịp thời với yêu cầu quản lý, điều hành mọi hoạt động của Tổng Công ty trong năm.

Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT.



Phối cảnh Dự án Monorail

Báo cáo của Ban kiểm soát

HĐQT đã giám sát hoạt động đồng thời phối hợp tốt cùng với Ban Tổng giám đốc chỉ đạo, điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty góp phần quan trọng vào việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Tuy nhiên, công tác quản lý của HĐQT vẫn còn một số nhiệm vụ cần đẩy mạnh:

- HĐQT đã có Nghị quyết phê duyệt kế hoạch tái cấu trúc vốn (thoái vốn) tại các đơn vị thành viên. Tuy nhiên, công tác tái cấu trúc còn chậm, đặc biệt là việc thoái vốn tại Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả, đơn vị có số vốn góp lớn nhất của Tổng Công ty vẫn chưa thực hiện xong.

- Tổng Công ty vẫn chưa hoàn thành một số chỉ tiêu kinh tế theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 như: giá trị đầu tư; cổ tức trả cho cổ đông.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc với trách nhiệm trực tiếp điều hành mọi hoạt động của Tổng công ty năm 2010 đã có nhiều cố gắng trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị như:

- Hoàn thành kế hoạch về doanh thu, chi phí, lợi nhuận;
- Triển khai các dự án đầu tư tại khu vực miền Trung và miền Nam theo đúng chủ trương do HĐQT thông qua.
- Chỉ đạo hoàn thành việc phát hành 2.000 tỷ đồng trái phiếu với lãi suất cạnh tranh.
- Hoàn thành phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 1.850 tỷ đồng lên 3.000 tỷ đồng.
- Thực hiện thoái vốn tại 7 đơn vị, nâng tổng số các đơn vị tiến hành tái cấu trúc là 23 đơn vị, đặc biệt là đã thực hiện thành công tái cấu trúc tại Công ty Cổ phần Nước sạch Vinacorex.

Tuy nhiên, vẫn còn có những tồn tại trong phạm vi điều hành của Ban Tổng Giám đốc

- Chưa hoàn thành một số chỉ tiêu kế hoạch theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra như hoạt động đầu tư phát triển chỉ đạt 61,46% so với kế hoạch năm. Nguyên nhân chủ yếu do một số dự án có trong kế hoạch của Công ty mẹ đã được HĐQT Tổng Công ty phê duyệt tách thành lập công ty cổ phần để thực hiện Dự án, một số dự án đang trong quá trình chuẩn bị đầu tư do gặp khó khăn về các thủ tục, thay đổi các chính sách của Nhà nước và thay đổi của quy hoạch nên tạm dừng triển khai hoặc chậm triển khai.

- Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả hoạt động chưa ổn định và chưa hiệu quả (lỗ lớn) ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động chung của Tổng Công ty.

KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2009

Công tác lập và kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2010

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành. Tổng Công ty đã lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt nam, là Công ty kiểm toán độc lập được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán các công ty niêm yết, thực hiện soát xét các báo cáo tài chính giữa niên độ và kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2010. Kiểm toán viên độc lập đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn bộ đối với báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Vinacorex gồm 42 công ty con, 9 công ty liên kết và 03 công ty liên doanh được phản ánh trong Báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính các công ty con đều được

kiểm toán bởi các Tổ chức kiểm toán độc lập. Ý kiến của Kiểm toán viên đối với báo cáo tài chính của các công ty thành viên là ý kiến chấp nhận toàn bộ hoặc có ý kiến ngoại trừ không trọng yếu.

Nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010

Lỗ lũy kế phản ánh trong chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất năm 2010 tăng mạnh so với năm 2009 lên mức 471,3 tỷ đồng. Trong tổng số 42 công ty thành viên có 32 công ty năm 2010 kinh doanh có lãi và 10 công ty thành viên có kết quả kinh doanh bị lỗ. Tổng số lỗ của 10 công ty thành viên là 690,89 tỷ đồng trong đó Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả lỗ 652,17 tỷ đồng và Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình lỗ 9,9 tỷ đồng.

Theo đánh giá của Ban kiểm soát thì hoạt động của Công ty cổ phần xi măng Cẩm Phả có lỗ lớn do các nguyên nhân sau:

- Năm 2010, thị trường ngành xi măng Việt Nam có thêm nhiều nhà máy xi măng mới đi vào hoạt động nên cung đã vượt quá cầu và khiến hoạt động tiêu thụ sản phẩm của công ty gặp nhiều khó khăn. Hơn nữa, chính sách bán hàng của công ty chưa linh hoạt và hiệu quả không cao, chiết khấu và chi phí bán hàng rất lớn (chiếm 19% doanh thu thuần).

- Chi phí tài chính năm 2010 (bao gồm chi phí lãi vay và khoản lỗ chênh lệch tỷ giá) rất lớn khoảng 473 tỷ đồng. Do công ty đầu tư chủ yếu bằng vốn vay cộng thêm lãi suất vay vốn, chênh lệch tỷ giá giữa đồng tiền Việt Nam và các ngoại tệ khác như đồng yên Nhật Bản, đồng Euro tăng cao.

- Hoạt động của các dây chuyền sản xuất xi măng tại Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả năm 2010 không ổn định, thời gian dừng sản xuất để sửa chữa dài (45 ngày - cao gấp 1,5 lần so với thời gian dừng lò năm 2009). Điều này dẫn đến làm tăng giá thành sản phẩm xi măng và chất lượng không ổn định.

Nhà máy xi măng Cẩm Phả hoạt động chưa hiệu quả đã ảnh hưởng đến lợi nhuận của Tổng Công ty trong Báo cáo tài chính hợp nhất và nguồn tiền để trả nợ vay dài hạn từ giai đoạn đầu tư. Tổng công ty đã triển khai nhiều giải pháp để giúp Công ty hoạt động hiệu quả hơn như: thay đổi lại cơ cấu tổ chức, bổ nhiệm mới các cán bộ chủ chốt (trong năm đã bổ nhiệm mới 01 Tổng Giám đốc, 01 phó Tổng giám đốc, miễn nhiệm Tổng giám đốc và 01 phó TGĐ công ty), thành lập Tổ công tác của Tổng công ty công tác biệt phái tại Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả và thực hiện giám sát công tác kiểm kê tại ngày 31/12/2010 của Công ty.

KIẾN NGHỊ

Ban kiểm soát kiến nghị Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và Tổng Giám đốc một số vấn đề sau:

- Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 đã được kiểm toán của Tổng Công ty.

- Đề nghị HĐQT, Ban Tổng Giám đốc cần có biện pháp để thúc đẩy nhanh quá trình thoái vốn của Tổng Công ty tại các công ty thành viên, công ty liên kết, trong đó ưu tiên thoái vốn tại Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả.

- Đề nghị Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chỉ đạo để Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả hoạt động ổn định và đạt hiệu quả.

- Đề nghị Ban Tổng Giám đốc tiếp tục chỉ đạo công tác nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, nhất là hoạt động xây lắp để ngăn ngừa rủi ro và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.



Thành viên Ban Tổng Giám Đốc

1. NGUYỄN THÀNH PHƯƠNG

Ông Phương hiện là Bí thư Đảng ủy - Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc. Với 37 năm hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và gắn bó với Vinaconex từ những ngày đầu thành lập, ông Phương có nhiều kinh nghiệm làm việc tại liên doanh với nước ngoài, thi công các dự án trọng điểm quốc gia, quản trị doanh nghiệp trong ngành xây dựng. Bên cạnh đó, ông Phương còn đang đảm nhận các chức danh như Phó chủ tịch Hội nhà thầu Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng thành viên Liên doanh TNHH Phát triển Đô thị mới An Khánh (Vinaconex – Posco), Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Vinaconex P&C, Phó chủ tịch HĐQT Công ty Phát triển Đô thị mới Vinaconex – Viettel.

3. NGUYỄN NGỌC ĐIỆP

Ông Điệp hiện là Phó Tổng Giám đốc của Vinaconex. Với 27 năm trong nghề, là một trong những cán bộ đầu tiên của Vinaconex, Ông Điệp đã có nhiều năm là trưởng đại diện của Vinaconex ở nước ngoài để chỉ đạo công tác xuất khẩu lao động và chuyên gia kỹ thuật. Ông am hiểu sâu sắc về kỹ thuật trong ngành xây dựng cũng như quản trị doanh nghiệp trong và ngoài nước. Ông Điệp hiện còn tham gia HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 và Công ty Cổ phần Xây dựng số 6.

2. ĐOÀN CHÂU PHONG

Ông Phong hiện là Phó Bí thư Đảng ủy - Phó Tổng giám đốc Vinaconex. Với 30 năm trong nghề trong đó có 16 năm làm việc cho Vinaconex, ông Phong đã có nhiều năm công tác trong lĩnh vực đầu tư, quản lý dự án. Ông đã tham gia nhiều đề tài khoa học chuyên ngành xây dựng, có kinh nghiệm trong quản trị và xây dựng chiến lược phát triển các doanh nghiệp. Các chức danh khác do ông Phong đảm nhận: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Xuân Mai, Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex, Công ty Cổ phần Đầu tư Nhà và Phát triển Đô thị Vinaconex (Vinahud), Phó chủ tịch thường trực Hội đồng khoa học công nghệ Tổng Công ty.

4. VŨ QUÝ HÀ

Ông Hà hiện là Phó Tổng Giám đốc Vinaconex. Với 31 năm làm việc trong lĩnh vực xây dựng, ông Hà có nhiều kinh nghiệm trong việc đấu thầu các dự án có nguồn vốn trong và ngoài nước và điều hành các dự án xây dựng công trình trọng điểm quốc gia. Ông Hà đã từng giữ chức Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng số 2. Hiện ông còn là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Nước sạch Vinaconex và tham gia HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng số 1, Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 và Công ty Cổ phần Xây dựng số 3.

5. MAI LONG

Ông Long hiện là Phó Tổng Giám đốc Vinaconex. Với 33 năm trong nghề trong đó có 22 năm làm việc cho Vinaconex, ông Long đã từng quản lý các đội xây dựng tại Viễn Đông (Liên Xô cũ), nhiều năm là trưởng đại diện tại Liên bang Nga. Ông Long là người am hiểu chuyên môn, có kinh nghiệm trong việc xây dựng lực lượng ở các thị trường. Ông đang là trưởng trực của Ban Tổng Giám đốc để xây dựng lực lượng Vinaconex tại thị trường phía Nam. Ông Long hiện còn là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn, Công ty Cổ phần Xây dựng số 27, Chủ tịch Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Kinh doanh Khoáng sản Vinaconex.

6. VƯƠNG CÔNG SAN

Ông San là Phó Tổng Giám đốc Vinaconex. Với 35 năm trong nghề, ông San có nhiều năm kinh nghiệm trong ngành xây dựng, thông thạo địa bàn miền Trung. Ông San hiện đang là trưởng trực của Ban Tổng Giám đốc để xây dựng lực lượng, phát triển thị trường tại địa bàn miền Trung của Vinaconex. Các chức danh khác ông đang đảm nhận là Chủ tịch HĐQT các công ty thành viên của Vinaconex tại miền trung gồm Công ty Cổ phần Xây dựng số 25, Công ty Cổ phần Vinaconex Đà Nẵng, Công ty Cổ phần Xây dựng số 17, Công ty Cổ phần Vinaconex Dung Quất, Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu Quyết Thắng.

7. NGUYỄN HUY TƯỜNG

Ông Tường hiện là Phó Tổng Giám đốc Vinaconex. Với 31 năm trong nghề trong đó có 20 năm làm việc tại Vinaconex, ông Tường có nhiều kinh nghiệm cùng chuyên gia nước ngoài xây dựng và điều hành sản xuất các dự án sản xuất vật liệu xây dựng. Ông đã từng giữ các chức Giám đốc điều hành các công ty như Công ty Cổ phần Xây dựng số 11, Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 khi các đơn vị này mới ra nhập Vinaconex. Các chức danh khác ông Tường đang đảm nhận là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả, Ủy viên HĐQT các công ty con của Vinaconex.

8. NGUYỄN ĐÌNH THIẾT

Ông Thiết hiện là Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính. Với 27 năm trong nghề tài chính, 15 năm gia nhập Vinaconex, ông Thiết am hiểu sâu sắc về thị trường tài chính Việt Nam và có nhiều kinh nghiệm trong quản trị tài chính doanh nghiệp. Ông đã từng giữ chức Kế toán trưởng Vinaconex, ủy viên HĐQT Vinaconex và các chức danh khác. Hiện ông còn đang là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng số 12.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC 2010



Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bảng 1: Các chỉ số tài chính hợp nhất

Khả năng thanh toán	2010	2009	2008
Hệ số thanh toán hiện hành	1,15	1,08	1,03
Hệ số thanh toán nhanh	0,65	0,59	0,56
Hệ số thanh toán tức thời	0,21	0,20	0,15
Hiệu quả hoạt động	2010	2009	2008
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0,51	0,52	0,46
Doanh thu thuần/ Tài sản cố định	1,41	1,32	1,07
Thời gian thu tiền bình quân (ngày)	106,65	78,20	105,64
Số vòng quay khoản phải thu	2,25	2,54	2,16
Số vòng quay hàng tồn kho	1,92	1,99	1,95
Khả năng sinh lời	2010	2009	2008
Lợi nhuận gộp/ doanh thu thuần	14,54%	13,58%	7,29%
Lợi nhuận trước thuế/ doanh thu thuần	4,92%	1,47%	5,69%
ROA	0,67%	0,02%	1,61%
ROE	6,11%	0,26%	23,71%
Đòn bẩy tài chính	2010	2009	2008
Hệ số nợ/ vốn chủ sở hữu	7,25	7,89	12,46
Hệ số nợ dài hạn/ vốn chủ sở hữu	3,05	3,32	5,69
Hệ số nợ/ tổng tài sản	0,83	0,84	0,89

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán 2008, 2009 và 2010 của Vinaconex

Trong năm 2010, những nỗ lực đáng kể trong việc tái cấu trúc tài chính đã đem lại kết quả tích cực giúp cho Vinaconex từng bước giảm dần tỷ lệ đòn bẩy tài chính, tăng cường khả năng thanh toán cũng như khả năng sinh lời. Trong quý IV năm 2010, Vinaconex đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 1.850 tỷ lên 3.000 tỷ đồng góp phần củng cố năng lực tài chính và giảm dần tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu. Đồng thời, trong năm vừa qua Tổng Công ty cũng đã quyết liệt thực hiện thu hồi công nợ và thoái vốn tại các đơn vị thành viên hoạt động không hiệu quả để tập trung nguồn lực tài chính cho các hoạt động kinh doanh chủ chốt cũng như các dự án trọng điểm.

Bảng 2: Các chỉ số tài chính hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2010	2009	2008
Tổng doanh thu	16.147.992	13.606.459	10.342.673
Trong đó:			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.062.496	13.017.168	9.583.214
Doanh thu hoạt động tài chính	924.318	409.051	307.589
Thu nhập khác	161.178	180.240	451.870
Lợi nhuận gộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh	2.189.366	1.767.379	698.832
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	609.055	555.222	100.377
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	466.069	203.485	491.945
Trong đó:			
Lợi nhuận phải chia cho các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh	33.898	-	-
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	233.585	197.664	92.890
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	198.586	5.821	399.055
Tổng tài sản	31.686.889	27.238.665	22.544.243
Vốn chủ sở hữu	3.140.786	2.313.021	1.400.979
EPS (đồng/CP)	972	32	2.661

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán 2008, 2009 và 2010 của Vinaconex

Hoạt động kinh doanh năm 2010 của Vinaconex tiếp tục tăng trưởng vững vàng với tổng doanh thu đạt xấp xỉ 16.148 tỷ đồng (năm 2009: 13.606 tỷ đồng), trong đó doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 15.062 tỷ đồng (năm 2009: 13.017 tỷ đồng) tăng 15,7% so với năm 2009. Tổng tài sản của Tổng Công ty tăng từ 27.239 tỷ (năm 2009) lên xấp xỉ 31.687 tỷ đồng với mức tăng tương ứng là 16,6%.

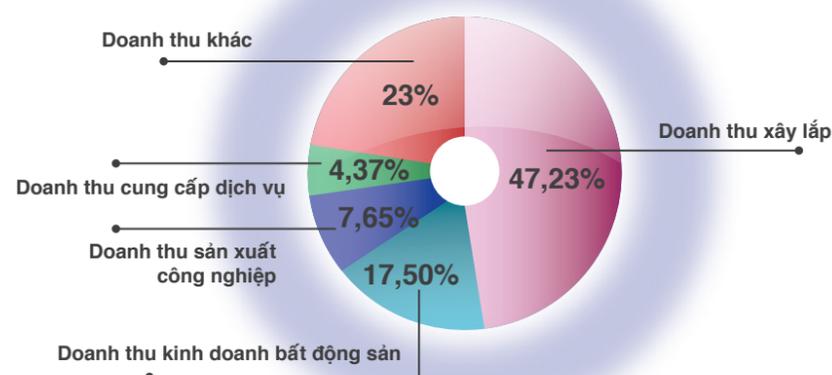
Bên cạnh sự tăng trưởng của doanh thu và tổng tài sản, hiệu quả hoạt động của Vinaconex cũng có sự tăng trưởng đáng kể với lợi nhuận sau thuế năm 2010 đạt 466 tỷ đồng, tăng 29% so với năm 2009. Do đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu của Vinaconex cũng được cải thiện đáng kể và đạt mức 972 đồng/cổ phiếu (năm 2009: 32 đồng/cổ phiếu).

Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc

Bảng 3: Cơ cấu doanh thu thuần hợp nhất

Khoản mục	2010	2009
Doanh thu hoạt động xây lắp	47,23%	54,73%
Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	17,50%	14,61%
Doanh thu hoạt động sản xuất công nghiệp, vật liệu xây dựng	7,65%	24,64%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4,37%	0,98%
Doanh thu hoạt động khác	23,25%	5,05%
Tổng	100,00%	100,00%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán 2008, 2009 và 2010 của Vinaconex

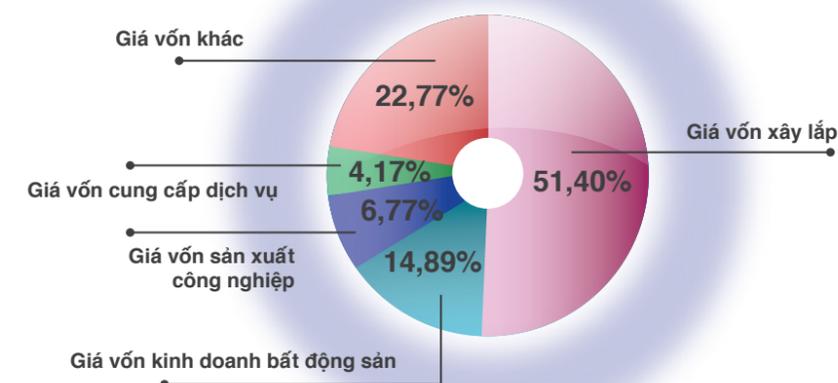


Biểu Đồ Cơ Cấu Doanh Thu Thuần Năm 2010

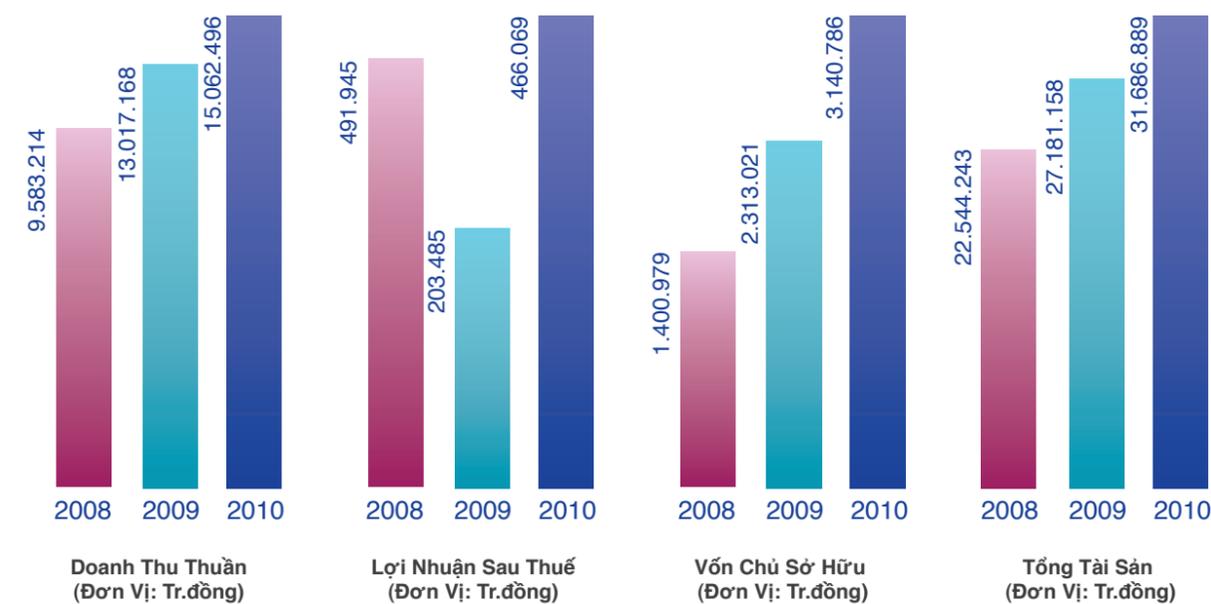
Bảng 4: Cơ cấu giá vốn

Khoản mục	2010	2009
Giá vốn xây lắp	51,40%	57,53%
Giá vốn kinh doanh BĐS	14,89%	13,63%
Giá vốn SXCN	6,77%	23,42%
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	4,17%	0,88%
Giá vốn hàng bán khác	22,77%	4,54%
Tổng	100,00%	100,00%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán 2008, 2009 và 2010 của Vinaconex



Biểu Đồ Cơ Cấu Giá Vốn Năm 2010



Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY MẸ

Bảng 4: Một số chỉ tiêu tài chính công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Đơn vị: Triệu đồng		
	2010	2009	2008
Tổng doanh thu	6.319.613	5.620.924	3.470.447
Trong đó:			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.892.872	3.849.352	2.848.155
Doanh thu hoạt động tài chính	1.310.543	802.940	199.225
Thu nhập khác	116.198	968.632	423.067
Lợi nhuận gộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh	367.959	274.549	80.475
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	569.575	161.813	(113.246)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	499.097	415.263	305.191
Tổng tài sản	17.606.180	16.711.981	13.994.202
Vốn chủ sở hữu	4.081.868	2.820.700	1.307.128
EPS (đồng/cổ phiếu)	2.444	2.317	2.035

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán 2008, 2009 và 2010 của Vinaconex

Năm 2010 vừa qua, hoạt động riêng của công ty mẹ tăng trưởng ổn định, hoàn thành và vượt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Tổng doanh thu riêng năm 2010 tăng trưởng ở mức 12,43% so với năm trước và đạt xấp xỉ 6.320 tỷ đồng (năm 2009: 5.621 tỷ đồng). Hoạt động tái cấu trúc – thoái vốn từ các đơn vị thành viên góp phần đáng kể giúp doanh thu hoạt động tài chính đạt 1.311 tỷ đồng tương ứng với mức tăng trưởng 63,22% so với năm 2009. Lợi nhuận sau thuế đạt 499 tỷ đồng, tăng 20,19% so với năm 2009 và lãi cơ bản trên cổ phiếu tăng 5,48% đạt mức 2.444 đồng/cổ phiếu.

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

Đề mục	Đơn vị: Triệu đồng			
	2010		2009	
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng
Doanh thu hoạt động xây lắp	3.800.798	77.68%	2.936.699	76.29%
Doanh thu kinh doanh bất động sản	953.722	19.49%	749.302	19.47%
Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	138.352	2.83%	163.351	4.24%
Tổng	4.892.872	100.00%	3.849.352	100.00%

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán năm 2009 và 2010 của Vinaconex

Bảng 6. Cơ cấu giá vốn của Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

Đề mục	Đơn vị: Triệu đồng			
	2010		2009	
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng
Hoạt động xây lắp	3.711.995	82.03%	2.870.160	80.29%
Bất động sản	720.135	15.91%	597.364	16.71%
Dịch vụ	92.783	2.05%	107.278	3.00%
Tổng	4.524.913	100.00%	3.574.802	100.00%

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán năm 2009 và 2010 của Vinaconex

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

HOẠT ĐỘNG XÂY LẮP

Trong lĩnh vực xây lắp, năng lực, uy tín và thương hiệu Vinaconex đã được khẳng định và củng cố là đơn vị hàng đầu qua việc hoàn thành đưa vào hoạt động đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng những công trình lớn trong vai trò tổng thầu. Đồng thời, hoạt động xây lắp là hậu thuẫn quan trọng cho hoạt động kinh doanh bất động sản thông qua việc phát hiện cơ hội đầu tư và lực lượng triển khai, thi công dự án. Bên cạnh đó, Tổng Công ty cũng phát huy được hiệu quả ứng dụng công nghệ mới trong hoạt động xây dựng và coi đó là một trong những giải pháp quan trọng để nâng cao năng lực cạnh tranh của đơn vị.

Năm 2010, hoạt động xây lắp vẫn thể hiện vai trò chủ đạo trong hoạt động của Tổng Công ty với doanh thu đạt 7.151 tỷ đồng, chiếm 47,23% tổng doanh thu hợp nhất của Vinaconex. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, mức lạm phát cao đã ảnh hưởng đáng kể đến chi phí xây lắp và khiến lợi nhuận từ hoạt động xây lắp có xu hướng giảm dần.

Theo định hướng phát triển thành một trong những tập đoàn hàng đầu về lĩnh vực xây lắp và đầu tư kinh doanh bất động sản, năm 2010, Tổng Công ty luôn tìm tòi nguồn việc, tham gia đấu thầu các dự án ở miền Trung và miền Nam nhằm mở rộng thương hiệu Vinaconex tại các khu vực này (các tiểu dự án Tam Kỳ, Lăng Cô, thủy lợi Tân Mỹ – Ninh Thuận, đập nhánh hồ chứa nước IAMOR – Gia Lai, khu dân cư Phong Bắc – Nại Hiên Đông, nhà máy xi măng Hiệp Phước, ký túc xá sinh viên Thành phố Hồ Chí Minh...). Các dự án mới đã tạo được nguồn việc lớn cho các đơn vị thi công trên các khu vực trong cả nước là tiền đề cho sự phát triển bền vững và lâu dài của Tổng Công ty nói chung cũng như khẳng định giá trị thương hiệu của từng thành viên nói riêng.

Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc

Bảng 7: Một số dự án xây lắp tiêu biểu đang triển khai

Dự án xây lắp trọng điểm	Giá trị hợp đồng (tỷ đồng)	Giá trị thực hiện năm 2010 (tỷ đồng)	Lũy kế thực hiện (tỷ đồng)	Ghi chú
Đầu tư xây dựng mở rộng và hoàn thiện đường Láng Hòa Lạc	4.692	1.140	3.455	Đang hoàn thiện
Đầu tư xây dựng Bảo Tàng Hà Nội	1.732	814	1.309	Đang hoàn thiện
Thủy lợi thủy điện Cửa Đạt, Thanh Hóa	1.373	55	1.151	Đã hoàn thành
Thủy điện Buôn Kuốp	1.184	2	1.182	Đã hoàn thành
Thủy điện Buôn Tua Srah	660	3	633	Đã hoàn thành
Quốc lộ 38B	240	55	208	Đã hoàn thành
Gói thầu số 5 - Dự án Trung tâm đào tạo vận động viên cấp cao Hà Nội - Giai đoạn 2	205	205	205	Đã hoàn thành
Khu đô thị mới Splendora (Bắc An Khánh) - Giai đoạn 1	3.466	366	578	Dự kiến năm 2012
Gói thầu số A8- Xây dựng đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	1.627	20	38	Dự kiến năm 2013
Gói thầu PK1B và PK2 - QL3 mới (Đông Anh - Yên Phong)	889	30	30	Dự kiến năm 2013
Khu ký túc xá sinh viên 100.000 chỗ Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	677	66	66	Dự kiến năm 2011
Công trình Chung cư 11 tầng tại khu dân cư Phong Bắc và Chung cư 12 tầng tại khu tái định cư làng cá Nại Hiên Đông (Đà Nẵng)	470	19	19	Dự kiến năm 2011
Thi công nâng cấp quốc lộ 21-1 đoạn Nam Định - Cầu Lạc Quần	295	96	125	Dự kiến năm 2011
Dự án thi công đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình	284	70	226	Dự kiến năm 2011
Xây lắp hạng mục nhà làm việc chính, phụ trợ Dự án Đầu tư xây dựng Trụ sở Tổng cục Hải quan	242	111	214	Dự kiến năm 2011

Nguồn: Ban Xây dựng, Ban Đầu tư Vinaconex

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ & KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN

Đầu tư kinh doanh bất động sản là một trong hai lĩnh vực hoạt động then chốt, tạo giá trị gia tăng cao cho Tổng Công ty. Doanh thu kinh doanh bất động sản năm 2010 đạt 2.650 tỷ đồng, tăng trưởng 39% so với năm 2009 và chiếm 17,5% tổng doanh thu. Lợi nhuận từ các dự án bất động sản đạt xấp xỉ 733 tỷ đồng, chiếm 32,3% tổng lợi nhuận gộp từ các hoạt động của Vinaconex.

Năm 2010, Cụm nhà ở hỗn hợp văn phòng – dịch vụ N05 Trung Hòa – Nhân Chính là dự án chính được ghi nhận doanh thu – lợi nhuận kinh doanh bất động sản của Công ty mẹ. Tổng Công ty đã tăng cường công tác thi công, kiểm tra, giám sát công trình, đảm bảo tiến độ, chất lượng theo đúng các điều khoản đã cam kết với khách hàng.

Dự án Splendora đã triển khai mạnh mẽ, các sản phẩm của giai đoạn 1 trong tổng số 6 giai đoạn của dự án được thị trường hấp thụ tốt và đánh giá cao.



Phối cảnh Dự án Cát Bà Amatina

Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc

Bảng 8: Một số dự án đầu tư kinh doanh bất động sản tiêu biểu đang triển khai

Tên dự án	Tổng vốn đầu tư ước tính (Tỷ đồng)	Quy mô (ha)	Chủ đầu tư	Năm hoàn thành
Dự án khu Đô thị mới Bắc An Khánh	38.000	264	Công ty liên doanh TNHH Phát triển đô thị mới An Khánh (*)	Năm 2018
Dự án khu Đô thị tại xã Tây Mỗ và Đại Mỗ, huyện Từ Liêm, Hà Nội	6.000	215	Liên doanh Vinaconex - Viettel - Hòa Phát - ACB	Năm 2020
Dự án nhà ở thu nhập thấp khu đô thị An Khánh	5.000	18,5	Liên doanh Vinaconex Handico	Năm 2017
Dự án khu đô thị du lịch Cái Giã - Cát Bà	4.768	172	Công ty CP Vinaconex ITC	Phần hạ tầng: 2012 Các hạng mục công trình 2015
Dự án cụm nhà ở hỗn hợp văn phòng dịch vụ tại lô đất No5-Trung Hòa	3.682	2,9	Vinaconex	Năm 2011
Dự án cụm nhà ở hỗn hợp chung cư cao cấp và văn phòng cho thuê tại 423 Minh Khai	1.774	3,8	Vinaconex - Dệt Minh Khai	Năm 2013
Dự án trung tâm thương mại chợ Mơ	1.504	1,4	Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex (**)	Năm 2012
Khu đô thị mới phía nam Trần Thị Lý, Đà Nẵng	1.500	2,1	Vinaconex	Năm 2015
Dự án khu đô thị mới Kim Văn - Kim Lũ (giai đoạn 1)	1.495	26,9	Vinaconex 2	Năm 2015
Dự án khu văn phòng và nhà ở cao cấp Vinaconex 1	994.8	1,05	Vinaconex 1	Năm 2012
Dự án khu công nghiệp công nghệ cao II (Khu công nghiệp Bắc Phú Cát)	684	304,4	Vinaconex	Năm 2010
Dự án đầu tư xây dựng công trình văn phòng, dịch vụ công cộng, nhà ở và trường học tại 310 Minh Khai	585	85.548 m2 sàn	Vinaconex 3	Năm 2010
Dự án đầu tư xây dựng khu chung cư Ngô Thì Nhậm	534	2 khối nhà 25 tầng	Công ty Cổ phần Bê tông Xuân Mai	Năm 2011

Nguồn: Ban xây dựng, Ban đầu tư Vinaconex

(*) Liên doanh giữa Vinaconex và Posco E&C Hàn Quốc, trong đó Vinaconex chiếm 50% vốn pháp định

(**) Vinaconex chiếm 55% vốn điều lệ

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP, VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Trong thời gian vừa qua, bên cạnh việc hoàn thành và khai thác có hiệu quả các nhà máy Thủy điện Cửa Đạt, Xi măng Yên Bình, các Nhà máy SX bê tông dự ứng lực..., Vinaconex đã tiếp tục thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư và triển khai các dự án đầu tư mới trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp và vật liệu xây dựng như Thủy điện Xuân Minh, Nhà máy Sản xuất Bê tông khí, Nhà máy sản xuất viên nén nhiên liệu, Nhà máy Sản xuất gạch block,...

Doanh thu hoạt động sản xuất công nghiệp, vật liệu xây dựng năm 2010 đạt 1.158 tỷ đồng, chiếm 7,65% tổng doanh thu. Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất công nghiệp và vật liệu xây dựng đạt 286 tỷ đồng, và chiếm 12,6% so với tổng lợi nhuận gộp.

Trong bối cảnh nền kinh tế vĩ mô còn chưa ổn định, sự biến động mạnh của giá cả vật liệu xây dựng sẽ ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động xây lắp và đầu tư kinh doanh bất động sản của Vinaconex. Do vậy, việc đầu tư và khai thác thành công các nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng không chỉ tạo thêm nguồn lợi nhuận đáng kể mà còn góp phần không nhỏ đến việc triển khai thành công các dự án xây lắp và đầu tư bất động sản của Tổng Công ty.



Nhà máy Xi măng Cẩm Phả

Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc

HOẠT ĐỘNG KHÁC

Lĩnh vực xuất khẩu lao động: Đây là lĩnh vực truyền thống gắn liền với sự ra đời và phát triển của Vinaconex. Hoạt động xuất khẩu lao động của Vinaconex được vận hành theo quy trình quản lý chất lượng ISO 9001-2000 đã được BVQI xác nhận và cấp chứng chỉ đảm bảo hoạt động có chất lượng trong tất cả các khâu từ việc đào tạo, tuyển chọn quản lý chuyên gia và lao động đi làm việc ở nước ngoài cũng như giải quyết các chế độ chính sách cho người lao động. Trong thời gian qua, Vinaconex đã đưa hơn 60.000 lao động sang hơn 100 đối tác tại các nước trên thế giới.

Lĩnh vực tư vấn thiết kế: Với đội ngũ cán bộ, kỹ sư, kiến trúc sư có trình độ chuyên môn cao, lực lượng thiết kế của Vinaconex tự tin đủ năng lực nhận thầu công trình có quy mô lớn. Những sản phẩm tư vấn thiết kế do Vinaconex tạo ra được đánh giá là có chất lượng cao, khẳng định được phong cách ấn tượng. Với mục tiêu hướng vào con người, coi con người là trung tâm, tất cả các phương án quy hoạch, giải pháp kiến trúc, thiết kế, giải pháp môi trường, cảnh quan kết cấu,... của Vinaconex đều nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu của con người về nơi làm việc, nơi ở, sinh hoạt và giải trí.

Lĩnh vực giáo dục: Vinaconex có một hệ thống 03 trường đào tạo dạy nghề, nâng cao tay nghề, ngoại ngữ và giáo dục định hướng cho các chuyên gia và lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài. Bên cạnh đó, hệ thống các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông Lý Thái Tổ của Vinaconex đã khẳng định uy tín của Vinaconex trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo theo chủ trương xã hội hóa mà Chính phủ đã đề ra.

Lĩnh vực dịch vụ tài chính: Việc xây dựng một nền tài chính lành mạnh và không ngừng mở rộng trong lĩnh vực đầu tư tài chính là một trong những định hướng chiến lược của Vinaconex. Tổng công ty hiện đang là cổ đông sáng lập của các công ty như Công ty Tài chính cổ phần Vinaconex – Viettel, Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Minh, Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện, tham gia thành lập Quỹ đầu tư Việt Nam (VIF) - quỹ đầu tư lớn nhất Việt Nam cùng với các doanh nghiệp, tập đoàn hàng đầu như ngân hàng đầu tư BIDV, Vietnam Partner... Bên cạnh đó, Vinaconex có mối quan hệ rộng khắp và toàn diện với hệ thống ngân hàng trong và ngoài nước. như là Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Ngân hàng TMCP Công thương (Vietinbank), Ngân hàng TMCP Kỹ thương (Techcombank), Ngân hàng BNPPARIBAS, Ngân hàng Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JBIC), Ngân hàng Natexis Banques Populaire, Ngân hàng ANZ, Ngân hàng Citibank...

Lĩnh vực thương mại dịch vụ: Sớm nắm bắt được nhu cầu vui chơi giải trí, nghỉ ngơi của các khách hàng trong và ngoài nước trong điều kiện đời sống vật chất và tinh thần của các tầng lớp dân cư ngày được nâng cao, bên cạnh một chuỗi những trung tâm thương mại, siêu thị lớn được Tổng công ty và các đơn vị thành viên xây dựng thành công như là: TTTM Tràng Tiền, TTTM Thanh Hóa, TTTM Hà Đông, TTTM Chợ Mơ,... Vinaconex còn phát triển lĩnh vực kinh doanh du lịch khách sạn và đã đầu tư một hệ thống các khách sạn có quy mô lớn tại đảo Cát Bà (Hải Phòng), Quảng Ninh, Thanh Hóa, Huế.

QUẢN TRỊ VÀ PHÁT TRIỂN NHÂN SỰ

CƠ CẤU NHÂN SỰ

Tổng số lao động của công ty tính đến thời điểm 31/12/2010 là 49.327 người (năm 2009: 44.362 người) trong đó có 6.510 lao động nước ngoài.

Bảng 9: Cơ cấu lao động năm 2010

Khoản mục	2010	Tỷ trọng %
Trình độ trên Đại học	173	0,35%
Trình độ Đại học	5.989	12,14%
Trình độ Cao đẳng	899	1,82%
Trình độ trung cấp và sơ cấp	2.352	4,77%
Công nhân kỹ thuật	29.063	58,92%
Lao động phổ thông	10.851	22,00%
Tổng số lao động	49.327	100,00%

Nguồn: Ban phát triển nhân lực Vinaconex

Trong năm 2010, Tổng công ty và các đơn vị tuyển mới được 13 cán bộ trình độ trên Đại học (đạt 130% kế hoạch), 1000 kỹ sư, cử nhân Đại học (đạt 79% kế hoạch), 254 cử nhân cao đẳng (đạt 89% kế hoạch) và 1.675 công nhân kỹ thuật các nghề (đạt 57% kế hoạch); tuyển bổ sung nhân sự cho một số ban mới thành lập như Ban điều hành Dự án xây dựng Đại học quốc gia TP. HCM, Ban chuẩn bị Dự án Đầu tư xây dựng Cầu Thủ Thiêm 2, Ban điều hành các dự án: Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Bê tông dự ứng lực tại Đà Nẵng, Dự án nhà ở xã hội Vinaconex tại Đà Nẵng, Dự án thi công giai đoạn 1 Khu đô thị Bắc An Khánh. Số lao động tuyển mới về cơ bản được bố trí công việc theo đúng chuyên ngành đào tạo và đáp ứng được yêu cầu công việc. Trong năm 2011, toàn Tổng công ty có nhu cầu tuyển mới 11 cán bộ trình độ trên Đại học, 963 cán bộ trình độ Đại học, 286 cử nhân cao đẳng, trung cấp và 6.134 công nhân kỹ thuật các nghề.

Ngoài việc tuyển dụng mới, Ban Phát triển Nhân lực đã thực hiện việc sắp xếp lại đội ngũ lao động tại các đơn vị hạch toán phụ thuộc theo yêu cầu công việc, bao gồm việc phối hợp với đơn vị xây dựng kế hoạch sử dụng nhân lực, từ đó từng bước bố trí công việc mới hoặc giải quyết chế độ theo luật lao động cho cán bộ nhân viên. Trong năm 2010, Ban Phát triển Nhân lực đã bố trí công việc mới cho 39 cán bộ đã hoàn thành nhiệm vụ thuộc các đơn vị như: Ban điều hành thủy điện Cửa Đạt, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng hệ thống nước Sông Đà - Hà Nội, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc, Ban quản lý các dự án đầu tư Hòa Lạc, Ban điều hành dự án thủy điện Buôn Kuốp, Ban điều hành dự án thủy điện Buôn Tua Srah. Tiến hành thủ tục giải quyết chế độ theo luật lao động cho 03 cán bộ thuộc các đơn vị này.

CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, PHÁT TRIỂN NHÂN SỰ

Trong năm 2010, Tổng công ty và các đơn vị đã tổ chức hoặc cử cán bộ tham gia nhiều khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong nước và nước ngoài thuộc các lĩnh vực: Quản trị doanh nghiệp, quản trị nhân sự, phân tích tài chính và đánh giá doanh nghiệp, quản lý rủi ro và xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ; định giá xây dựng, đấu thầu và quản lý dự án, môi giới bất động sản, ngoại ngữ; cử cán bộ tham dự một số buổi hội thảo chuyên đề hoặc lớp tập huấn nghiệp vụ trong lĩnh vực: đầu tư xây dựng, BHXH, thuế và tài chính doanh nghiệp.

Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc

Bảng 10: Thống kê công tác đào tạo phát triển nhân sự năm 2010

Hoạt động đào tạo	Công ty mẹ		Công ty thành viên	
	Số lượt	Chi phí (triệu đồng)	Số lượt	Chi phí (triệu đồng)
Đào tạo và bồi dưỡng trong nước	707	938	2.321	3.014
Đào tạo và bồi dưỡng nước ngoài	96	1.255	353	2.877
Tổng	803	2.193	2.674	5.891

Ngoài hoạt động đào tạo, trong năm vừa qua Vinaconex còn cử 31 cán bộ chủ chốt của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên tham dự lớp cao cấp lý luận chính trị hành chính, và cử nhiều chuyên viên, kỹ sư tham dự lớp bồi dưỡng nghiệp vụ thi nâng ngạch chuyên viên chính, kỹ sư chính theo quy định, phối hợp với Trường Trung cấp nghề KTXD và nghiệp vụ tổ chức 02 đợt thi nâng bậc cho 169 CNKT, nâng ngạch cho 76 cán bộ thuộc các đơn vị thành viên.

Để phục vụ cho việc nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, Vinaconex đã triển khai 04 lớp học “Quản trị tài chính dành cho nhà quản lý” với tổng số 190 học viên cho cán bộ quản lý từ Phó giám đốc Ban chức năng cơ quan Tổng công ty trở lên và kế toán trưởng các đơn vị thành viên trở lên nhằm cung cấp các kiến thức quản trị doanh nghiệp hiện đại và tăng cường các kỹ năng thực tế về quản trị tài chính doanh nghiệp.

Về hoạt động đào tạo công nhân kỹ thuật của các Trường Trung cấp nghề: Trong năm 2010, tổng số học sinh tốt nghiệp của 02 Trường là 1.595 người, trong đó số học sinh được giới thiệu về làm việc cho các đơn vị thành viên của Tổng công ty là 1.018 người (chiếm 64% tổng số học sinh tốt nghiệp). Tổng kinh phí chi cho hoạt động đào tạo của 02 trường trong năm 2010 là 7 tỷ đồng.

Ngoài ra, Tổng Công ty đã tổ chức Hội thảo về nghiệp vụ trong lĩnh vực tổ chức – lao động năm 2010 với các đơn vị thành viên nhằm mục đích tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện công tác tổ chức lao động trong toàn Tổng công ty năm 2009, từ đó rút ra kinh nghiệm trong nghiệp vụ về lĩnh vực tổ chức, lao động, tiền lương, chế độ chính sách, đào tạo, tuyển dụng, công tác đảng tại các đơn vị và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm năm 2010, đồng thời hướng dẫn các đơn vị thực hiện công tác chuẩn bị, tổ chức đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu Đảng bộ Tổng công ty lần thứ III và đề ra một số nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện trong giai đoạn tới.

HOẠT ĐỘNG MARKETING VÀ QUẢNG BÁ THƯƠNG HIỆU

Xây dựng, phát triển và quản lý thương hiệu

Sau khi đưa vào sử dụng hệ thống nhận diện thương hiệu Vinaconex trong toàn Tổng Công ty từ cuối năm 2009, Vinaconex đã tập trung ưu tiên việc triển khai thống nhất hệ thống này từ khối văn phòng đến các đơn vị thành viên, liên doanh liên kết có sử dụng thương hiệu Vinaconex. Trong năm, phòng PR của Tổng Công ty đã thực hiện hỗ trợ 21 đơn vị thành viên triển khai hệ thống nhận diện thương hiệu và xét duyệt hệ thống nhận diện thương hiệu cho 10 đơn vị. Ngoài ra, Tổng Công ty đã tổ chức khóa tập huấn về triển khai ứng dụng hệ thống nhận diện thương hiệu cho các cán bộ quản lý cũng như cán bộ triển khai công tác thương hiệu của các ban chức năng và các đơn vị thành viên.

Bên cạnh hoạt động xây dựng và phát triển thương hiệu, Vinaconex luôn chú trọng đến việc giám sát việc ứng dụng và tuân thủ hệ thống nhận diện thương hiệu ở Tổng Công ty cũng như các đơn vị thành viên. Trong năm 2010, Vinaconex đã được bảo hộ bản quyền tác giả đối với tác phẩm “Cẩm nang nhận diện thương hiệu Vinaconex” và hình thức thể hiện logo Vinaconex với hiệu ứng lá cờ.

Truyền thông thương hiệu

Năm 2010, thương hiệu Vinaconex đã xuất hiện trong nhiều cuộc bầu chọn và nhận được nhiều giải thưởng có uy tín từ Chương trình Thương hiệu quốc gia, giải Thương hiệu mạnh 2009, cúp vàng “Vì sự phát triển cộng đồng”, Nhân hiệu cạnh tranh nổi tiếng Việt Nam 2010, giải Thương hiệu chứng khoán uy tín 2010, cúp vàng Chất lượng xây dựng 2010, xếp hạng 32 trong 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, ... Nhờ vậy, thương hiệu của Vinaconex ngày càng được nhiều nhà đầu tư cũng như các đối tác trong và ngoài nước biết đến.

Bên cạnh công tác truyền thông báo chí, Phòng PR đã phối hợp thực hiện truyền thông thương hiệu qua hồ sơ giới thiệu doanh nghiệp (brochure), tờ rơi giới thiệu các dự án cần hợp tác (trong khuôn khổ chương trình WEF), báo cáo thường niên 2009...

CÁC HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI

Năm 2010 cũng là năm Tổng Công ty tích cực tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện với sự hưởng ứng nhiệt tình của các thành viên. Đứng trước tình hình lũ lụt nặng nề tại khu vực miền Trung, Tổng Công ty và các đơn vị thành viên đã quyên góp ủng hộ đồng bào số tiền lên tới 1,96 tỷ đồng, ngoài ra còn có hàng trăm túi quà gồm gạo, chăn màn, quần áo, sách vở... được chuyển tới tận tay đồng bào vùng lũ. Tổng số tiền hoạt động xã hội từ thiện năm 2010 qua Tổng Công ty là 2,41 tỷ đồng. Ngoài ra, các đơn vị thành viên của Vinaconex vẫn tiếp tục duy trì các hoạt động nuôi dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng, đóng góp cho quỹ trẻ em nghèo, xây nhà tình nghĩa...

Vinaconex cũng là doanh nghiệp luôn tiên phong trong việc đầu tư nhà ở xã hội, nhà ở cho những người có thu nhập thấp với những dự án cụ thể như là xây dựng 50 căn nhà, trường học cho hai huyện nghèo Thường Xuân và Mường Lát của tỉnh Thanh Hóa theo Nghị quyết 30A của Chính phủ; đầu tư xây dựng Khu nhà ở cho công nhân tại KCN Bắc Thăng Long Hà Nội; khu nhà ở cao tầng tại Chương Mỹ - Hà Nội; dự án nhà ở thu nhập thấp tại thành phố Vinh - Nghệ An; dự án nhà ở thu nhập thấp tại Ngô Thì Nhậm - Kiến Hưng - Hà Đông; khu nhà ở cho công nhân tại Xuân Mai, Vĩnh Phúc... Bên cạnh đó, Vinaconex còn có những hoạt động trợ giúp kỹ thuật phi lợi nhuận



Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc

như: sản xuất và lắp đặt gần 40.000 căn nhà ở vượt lũ cho đồng bào ở Đồng bằng sông Cửu Long; chương trình nhà ở giúp đồng bào Tây Nguyên định cư, xóa bỏ phong tục du canh, du cư; chương trình nước sạch nông thôn...

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 2011

Bước vào năm 2011, tình hình kinh tế thế giới có diễn biến phức tạp, lạm phát tăng, giá nguyên vật liệu cơ bản đầu vào của sản xuất, giá lương thực, thực phẩm trên thị trường thế giới tiếp tục xu thế tăng cao. Trong nước, thiên tai, biến đổi khí hậu, lạm phát tác động bất lợi đến sản xuất và đời sống, nhiều mặt hàng đồng loạt tăng giá, tỷ giá ngoại tệ biến động... Bên cạnh đó, các giải pháp của chính phủ nhằm mục tiêu kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô như: thực hiện chính sách tiền tệ chặt chẽ, điều hành kiểm soát tốc độ tăng trưởng tín dụng, giảm tốc độ và tỷ trọng vay vốn tín dụng của lĩnh vực bất động sản, chứng khoán, cắt giảm chi tiêu công... là những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến hai lĩnh vực hoạt động chính của Tổng Công ty là kinh doanh bất động sản và thị trường xây dựng.

Dựa trên những đánh giá về tình hình kinh tế xã hội và định hướng, giải pháp điều hành của Chính phủ trong năm 2011, Ban Điều hành Tổng Công ty đã chỉ đạo các bộ phận nghiệp vụ tiến hành rà soát, tính toán dự phòng các yếu tố không thuận lợi để xây dựng Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011. Nguyên tắc xây dựng kế hoạch năm 2011 của Vinaconex:

- Tiếp tục nỗ lực triển khai chiến lược phát triển của Tổng Công ty theo định hướng đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, thực hiện tái cơ cấu hoạt động sản xuất kinh doanh mạnh mẽ, tập trung lành mạnh tình hình tài chính của toàn Tổng Công ty.

- Đối với hoạt động xây lắp, mục tiêu đặt ra là bảo toàn vốn, bảo toàn lực lượng.

- Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản: thực hiện tốt các dự án đang triển khai, đảm bảo tỷ suất lợi nhuận cao hơn so với mặt bằng chung.

- Đối với hoạt động đầu tư: cắt giảm, hạn chế và giãn tiến độ các dự án đầu tư chưa cấp bách theo đúng tinh thần của Thủ tướng Chính phủ nhằm kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế; chỉ quyết định đầu tư các dự án khi đã xác định được chắc chắn nguồn vốn cho dự án và hiệu quả của dự án.

Ban Tổng Giám đốc đề xuất với Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông một số chỉ tiêu chính của kế hoạch sản xuất kinh doanh Công ty Mẹ năm 2011 như sau:

Bảng 11: Các chỉ tiêu chính của kế hoạch sản xuất kinh doanh công ty mẹ năm 2011

Chỉ tiêu	Thực hiện 2010	Kế hoạch 2011	% so sánh
			KH 2011/ TH 2010
Tổng doanh thu	6.319,6	6.902	109,2%
Lợi nhuận trước thuế	601,3	813	135,2%
Giá trị đầu tư	2.252,1	1.419,4	63,0%
Cổ tức	7%	12%	171,4%

Các chỉ tiêu chính của kế hoạch sản xuất kinh doanh toàn Tổng Công ty năm 2011 sẽ được tập hợp sau khi kế hoạch của các đơn vị thành viên được Đại hội cổ đông thường niên năm 2011 của đơn vị thông qua.

Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2011:

• Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2011 của Công ty Mẹ dự kiến là 1.419,4 tỷ đồng, bao gồm 24 dự án, chia theo từng lĩnh vực với tỷ trọng như sau:

- Các dự án kinh doanh bất động sản: 86,85%
- Các dự án vật liệu xây dựng: 6,28%

- Các dự án hạ tầng kỹ thuật, xã hội: 6,87%

• Tổng Công ty sẽ sớm triển khai các dự án đầu tư thứ phát tại Khu đô thị Bắc An Khánh (Hà Nội); dự án đô thị Nam Cầu Trần Thị Lý (Đà Nẵng), dự án khu đô thị mới Tây Mỗ,... để chủ động gói đầu công việc cho các năm tiếp theo.

• Tích cực nghiên cứu phát triển các dự án bất động sản mới ở cả ba miền Bắc – Trung – Nam, tập trung ở lĩnh vực đầu tư hạ tầng kỹ thuật và nhà ở xã hội; nghiên cứu mở rộng sản phẩm bất động sản công nghiệp, bất động sản du lịch nghỉ dưỡng để hướng tới khách hàng doanh nhân.

Các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2011:

- Tích cực tìm kiếm nguồn công việc có tính chất an toàn, đảm bảo nguồn vốn và tiến độ thanh toán, cải tiến công tác quản trị, thực hành tiết kiệm để giảm chi phí sản xuất.

- Kiểm soát chặt chẽ dòng tiền đối với các dự án đầu tư. Giám sát quá trình thực hiện các dự án, các công trình xây dựng đang triển khai.

- Tích cực đẩy mạnh công tác thu hồi vốn, làm tốt công tác quản lý công nợ, chi phí dở dang..., giảm tỷ trọng vốn vay, giảm chi phí tài chính, lành mạnh tình hình tài chính, nâng cao hiệu quả sử dụng đồng vốn.

- Đẩy nhanh lộ trình thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp đã được Hội đồng quản trị phê duyệt. Theo đó, Tổng Công ty còn giữ lại 22 đơn vị nòng cốt làm đơn vị thành viên.

- Đối với dự án Xi măng Cẩm Phả, quyết tâm thực hiện thành công việc tái cấu trúc dự án Xi măng Cẩm Phả để thu hồi vốn và giảm tải gánh nặng tài chính cho Tổng công ty.

- Tiếp tục các thủ tục tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty lên 5.000 tỷ đồng nhằm đảm bảo tỷ lệ nợ/vốn chủ sở hữu của Công ty Mẹ dần về mức 2/1 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị, phấn đấu giữ ổn định tỷ lệ này trong các năm tiếp theo. Đa dạng hóa các kênh thu hút vốn, đảm bảo đáp ứng nhu cầu về vốn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư.

- Tiếp tục thực hiện nâng cao hiệu quả công tác nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ mới, coi đó là một trong giải pháp trọng yếu giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, khẳng định vị thế và thương hiệu doanh nghiệp.

- Đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực của Tổng công ty để có đội ngũ có thể kế cận công tác quản trị doanh nghiệp trong nhiệm kỳ mới.

- Kện toàn và nâng cao hơn nữa vai trò người đại diện quản lý vốn tại các doanh nghiệp có vốn của Tổng công ty để bảo toàn và phát triển vốn đầu tư của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác.

- Tiếp tục hoàn thiện và phát triển công tác quản trị thương hiệu Vinaconex, khẳng định vị thế thương hiệu Vinaconex trong nước và quốc tế



THÔNG TIN BỔ SUNG

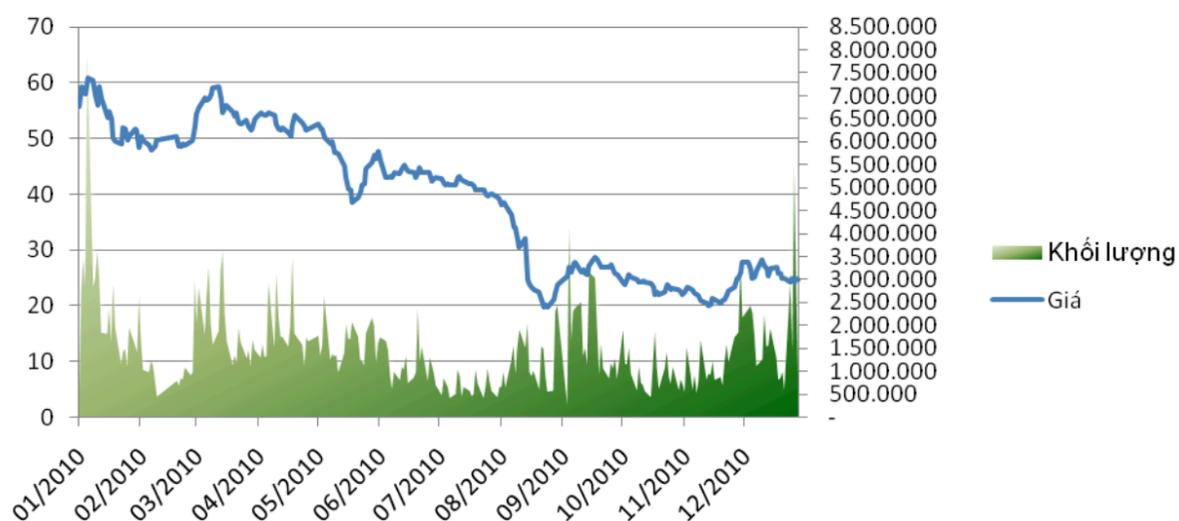
Thông tin Bổ sung

Bảng 12: Các thông tin về cổ phiếu

Thông tin về cổ phiếu	
Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Tổng công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu và Xây dựng Việt Nam
Mã giao dịch	VCG
Mệnh giá	10.000d/Cổ phiếu
Thị trường niêm yết	Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
Giá cao nhất trong năm	60,900
Giá thấp nhất trong năm	19,700
Tổng khối lượng giao dịch năm 2010	369.069.900
Khối lượng cổ phiếu giao dịch bình quân /phiên	1.476.280
Khối lượng cổ phiếu đang niêm yết	300.000.000
Khối lượng cổ phiếu lưu hành	300.000.000
Giá trị vốn hóa thị trường tính đến ngày 31/12/2010 (tỷ đồng)	7.410
Cổ tức dự kiến	13%
Người chịu trách nhiệm công bố thông tin	Phan Vũ Anh

Nguồn: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU



Bảng 13: Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của các thành viên chủ chốt tính đến ngày 05/04/2011

Họ tên	Chức vụ	Sở hữu cá nhân (1)	Đại diện phần vốn góp nhà nước (1)	Tổng số CP sở hữu = (1) + (2)	Tỷ lệ sở hữu
Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị	76,996	30,000,000	30,076,996	10.03%
Hoàng Anh Xuân	Thành viên Hội đồng quản trị	10,000	32,232,060	32,242,060	10.75%
Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên Hội đồng quản trị	10,000	24,174,045	24,184,045	8.06%
Trịnh Hoàng Duy	Thành viên Hội đồng quản trị	47,600	15,000,000	15,047,600	5.02%
Tô Ngọc Thành	Thành viên Hội đồng quản trị	44,100	15,000,000	15,044,100	5.01%
Phan Minh Tuấn	Thành viên Hội đồng quản trị	10,000	-	10,000	0.00%
Nguyễn Thiệu Quang	Thành viên Hội đồng quản trị	10,000	-	10,000	0.00%
Hoàng Nguyên Học	Thành viên Hội đồng quản trị	-	78,150,692	78,150,692	26.05%
Nguyễn Thành Phương	Tổng giám đốc, Thành viên Hội đồng quản trị	156,930	15,000,000	15,156,930	5.05%
Nguyễn Huy Tường	Phó Tổng giám đốc	48,890	-	48,890	0.02%
Đoàn Châu Phong	Phó Tổng giám đốc	47,231	-	47,231	0.02%
Nguyễn Ngọc Điệp	Phó Tổng giám đốc	51,809	-	51,809	0.02%
Vương Công San	Phó Tổng giám đốc	33,700	-	33,700	0.01%
Mai Long	Phó Tổng giám đốc	49,131	-	49,131	0.02%
Vũ Quý Hà	Phó Tổng giám đốc	97,096	-	97,096	0,03%
Nguyễn Đình Thiết	Phó Tổng giám đốc	45,000	-	45,000	0.02%
Đặng Thanh Huấn	Trưởng ban kiểm soát	38,226	-	38,226	0.01%
Phạm Chí Sơn	Thành viên ban kiểm soát	40,500	-	40,500	0.01%
Khổng Văn Minh	Thành viên ban kiểm soát	5,000	-	5,000	0.00%
Phạm Phú Trường	Thành viên ban kiểm soát	5,000	-	5,000	0.00%
Cù Anh Tuấn	Thành viên ban kiểm soát	5,000	-	5,000	0.00%
Nguyễn Quốc Hoà	Kế toán trưởng	175,019	-	175,019	0.06%

Nguồn: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

Thông tin Bổ sung

Bảng 14: Tỷ lệ nắm giữ của cổ đông chiến lược tính đến ngày 05/04/2011

Cổ đông chiến lược	Địa chỉ trụ sở	Số cổ phần	Tỷ lệ %
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Tháp A, Tòa nhà Vincom, 191 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội	2,000,000	0.67%
Công ty cổ phần Đầu tư Masan	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM	267.147	0,09%
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	70-72 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	1,611,603	0.54%

Nguồn: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

Bảng 15: Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông lớn tính đến ngày tính đến ngày 05/04/2011

Cổ đông lớn	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ %
Cổ đông sở hữu từ 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết			
Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước	Số 6 Phan Huy Chú, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	153,150,692	51.05%
Tổng công ty Viễn thông Quân Đội	Số 1 Giang Văn Minh, Ba Đình, Hà Nội	56,406,105	18.80%
Cổ đông sở hữu từ 01% đến dưới 05% cổ phiếu có quyền biểu quyết			
Market Vectors ETF Trust- Market Vectors-Vietnam ETF	99 Park Avenue, 8th F1 New York NY 10016 U.S.A	14.661.997	4,89%
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	25 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.	3.979.410	1,33%
Jaccar Capital Fund	P.1602 81 - 85 Hàm Nghi, Q.1, TP. HCM	3,223,206	1.07%

Nguồn: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

Bảng 16: Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 05/04/2011

	Tỷ lệ sở hữu
Nhà đầu tư trong nước	92,74%
- Tổ chức	74,56%
- Cá nhân	18,18%
Nhà đầu tư nước ngoài	7,26%
- Tổ chức	7,08%
- Cá nhân	0,17%
Tổng	100,00%

Nguồn: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

THÔNG TIN VỀ CÁC ĐỐI TÁC LỚN

Công ty Posco Engineering & Construction (Posco E&C) – Hàn Quốc

Posco E&C là Công ty xây dựng tổng hợp hàng đầu của Hàn Quốc, nằm trong top 30 công ty xây dựng năng động nhất toàn cầu. Posco E&C cùng tập đoàn POSCO bắt đầu gia nhập thị trường Việt Nam từ năm 1992 và đã thực hiện nhiều dự án trong lĩnh vực công nghệ thép, công trình dân dụng và kiến trúc. Năm 2006, Posco E&C cùng Vinaconex thành lập Công ty TNHH Liên doanh An Khánh để đầu tư xây dựng Dự án Phát triển Khu đô thị mới Bắc An Khánh (Splendora) tại Hà Nội.

Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel) – Việt Nam

Tập đoàn Viettel được thành lập năm 2009, là doanh nghiệp kinh tế quốc phòng 100% vốn nhà nước với số vốn điều lệ 50.000 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn gồm có: cung cấp dịch vụ viễn thông, truyền dẫn, bưu chính, phân phối thiết bị đầu cuối, đầu tư tài chính, truyền thông, đầu tư bất động sản, xuất nhập khẩu và đầu tư nước ngoài. Hiện nay, Viettel là cổ đông lớn và là đối tác quan trọng của Vinaconex. Tập đoàn đã tham gia góp vốn cùng Vinaconex để thành lập Công ty Tài chính cổ phần Vinaconex – Viettel và Công ty cổ phần Phát triển đô thị Vinaconex – Viettel.

Tập đoàn Taisei – Nhật Bản

Tập đoàn Taisei được thành lập năm 1873 tại Nhật Bản, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thi công xây lắp, công trình dân dụng và phát triển bất động sản. Các dự án lớn mà Tập đoàn Taisei đã triển khai tại Nhật Bản gồm có: hệ thống tàu điện ngầm đầu tiên năm 1927, cung điện hoàng gia năm 1968, và cầu Vịnh Yokohama năm 1989. Năm 1993, Taisei cùng Vinaconex thành lập Công ty TNHH Liên doanh Vinata chuyên thi công các công trình dân dụng, nhà máy công nghiệp tại Việt Nam.

Công ty Acuatico Pte Ltd - Singapore

Công ty Acuatico Pte Ltd được thành lập và hoạt động theo pháp luật tại Singapore với nhiều năm kinh nghiệm và thế mạnh trong ngành nước. Tháng 10/2010, Công ty Acuatico Pte Ltd đã ký kết Hợp đồng đầu tư với Vinaconex để mua cổ phần của Vinaconex tại Công ty cổ phần Nước sạch Vinaconex (Viwasupco) và Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và Kinh doanh Nước sạch (Viwaco) để tham gia quản lý, vận hành và khai thác Dự án cấp nước sông Đà.

Tập đoàn Sanwa Holdings – Nhật Bản

Được thành lập năm 1956, Tập đoàn Sanwa Holdings có lĩnh vực hoạt động chính là sản xuất cửa cuốn, cửa, vách ngăn, các sản phẩm thép không gỉ và cung cấp dịch vụ bảo dưỡng đối với các sản phẩm và cải tạo nhà ở. Tháng 1/2008, Tập đoàn Sanwa Holdings đã ký Hợp đồng Liên doanh với Vinaconex để thành lập Công ty TNHH Vina-Sanwa chuyên sản xuất cửa xoay, cửa cuốn (gồm cả các loại cửa chống cháy) và cung cấp dịch vụ bảo dưỡng sau bán hàng cho các sản phẩm trên.

Ngân hàng Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JBIC) – Nhật Bản

JBIC là một bộ phận của Tập đoàn Tài chính Nhật Bản (JFC), được thành lập năm 2008 với số vốn là 1.035 tỷ JPY. JBIC đã có quá trình hợp tác và trợ vốn cho nhiều dự án của Vinaconex trong thời gian qua, trong đó lớn nhất là Dự án Xi măng Cẩm Phả tại Quảng Ninh.

Ngân hàng BNP Paribas – CH Pháp

BNP Paribas có lịch sử hình thành từ những năm 1820 tại Pháp, hiện là ngân hàng đứng đầu châu Âu về cung cấp dịch vụ ngân hàng toàn cầu, dịch vụ tài chính và là một trong sáu ngân hàng uy tín nhất thế giới. Đối với Vinaconex, BNP Paribas đã tham gia trợ vốn một số dự án lớn của Tổng công ty như Dự án Xi măng Cẩm Phả, dự án Thủy điện Cửa Đạt, v.v.

Thông tin Bổ sung

Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Việt Nam

BIDV thành lập năm 1957, cung cấp các dịch vụ ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán và đầu tư tài chính. BIDV là một cổ đông chiến lược của Vinaconex và đã hỗ trợ Vinaconex trong việc cho vay vốn nhiều dự án.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) – Việt Nam

Vietcombank thành lập năm 1963, cung cấp các dịch vụ ngân hàng và tham gia góp vốn, liên doanh liên kết với các đơn vị trong và ngoài nước trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, bất động sản, quỹ đầu tư... Với Vinaconex, Vietcombank đã hỗ trợ cho vay vốn nhiều dự án.

Tập đoàn Shimizu – Nhật Bản

Tập đoàn Shimizu thành lập năm 1804, hoạt động trong lĩnh vực thi công xây dựng. Đây là đối tác lớn của Vinaconex trong lĩnh vực xuất khẩu lao động. Hiện nay, hàng nghìn công nhân kỹ thuật và kỹ sư của Vinaconex đang làm việc trên nhiều công trình, dự án của Shimizu tại Nhật Bản, Trung Đông và một số quốc gia khác trên thế giới.



Phối cảnh Dự án Khu đô thị Tây Mỗ - Đại Mỗ

DANH SÁCH CÔNG TY CON

Danh sách công ty con	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ	Lĩnh vực Kinh doanh
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	55%	Xây dựng và đầu tư kinh doanh BĐS
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	51%	Xây dựng và đầu tư kinh doanh BĐS
Công ty Cổ phần Xây dựng số 3	51%	Xây dựng và đầu tư kinh doanh BĐS
Công ty Xây dựng số 4	100%	Xây dựng và đầu tư kinh doanh BĐS
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	51%	Xây dựng và đầu tư kinh doanh BĐS
Công ty Cổ phần Vinaconex 6	51%	Xây dựng và đầu tư kinh doanh BĐS
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	51%	Xây dựng và đầu tư kinh doanh BĐS
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	54%	Xây dựng và đầu tư kinh doanh BĐS
Công ty Cổ phần Vinaconex Đà Nẵng	74%	Xây dựng và đầu tư kinh doanh BĐS
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	51%	Xây dựng và đầu tư kinh doanh BĐS
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	53%	Xây dựng và đầu tư kinh doanh BĐS
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	51%	Xây dựng và đầu tư kinh doanh BĐS
Công ty Cổ phần Xây dựng số 17	82%	Xây dựng và đầu tư kinh doanh BĐS
Công ty Cổ phần Xây dựng số 21	60%	Xây dựng và đầu tư kinh doanh BĐS
Công ty Cổ phần Vinaconex 25	53%	Xây dựng và đầu tư kinh doanh BĐS
Công ty Cổ phần Vinaconex 27	76%	Xây dựng và đầu tư kinh doanh BĐS
Công ty Cổ phần Vimeco	51%	Xây dựng và đầu tư kinh doanh BĐS
Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	66%	Xây dựng và đầu tư kinh doanh BĐS
Công ty Cổ phần VINACONSULT	51%	Xây dựng và đầu tư kinh doanh BĐS
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex E&C	51%	Xây dựng và đầu tư kinh doanh BĐS
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Vinaconex Thanh Hóa	63%	Xây dựng và đầu tư kinh doanh BĐS
Công ty Cổ phần Xây dựng số 16	52%	Xây dựng và đầu tư kinh doanh BĐS
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Xuân Mai	67%	Đầu tư kinh doanh BĐS
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex (ITC)	53%	Kinh doanh bất động sản và Thương mại dịch vụ

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2010 của Vinaconex

Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc

DANH SÁCH CÔNG TY CON

Danh sách công ty con	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ	Lĩnh vực Kinh doanh
Công ty Cổ phần Sàn giao dịch Bất động sản Vinaconex	72%	Dịch vụ và Kinh doanh BĐS
Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex	51%	Sản xuất công nghiệp
Công ty Cổ phần Đá trắng Yên Bình	59%	Sản xuất công nghiệp
Công ty Cổ phần Vinaconex Dung Quất	100%	Sản xuất công nghiệp
Công ty Cổ phần Phát triển điện miền Bắc 2	57%	Sản xuất công nghiệp
Công ty Cổ phần Xi măng Vinaconex Lương Sơn Hòa Bình	55%	Sản xuất công nghiệp
Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	56%	Sản xuất công nghiệp
Công ty Cổ phần bao bì Vinaconex	34%	Sản xuất công nghiệp
Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phá	100%	Sản xuất công nghiệp
Công ty Cổ phần tư vấn, Đầu tư Xây dựng và ứng dụng công nghệ mới (R&D)	51%	Tư vấn thiết kế
Công ty Cổ phần Xây dựng và xuất nhập khẩu Quyết Thắng	57%	Xây dựng và tư vấn thiết kế
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Đô thị Việt Nam	86%	Thương mại dịch vụ
Công ty Cổ phần Siêu thị và Xuất nhập khẩu Thương mại Việt Nam	52%	Thương mại dịch vụ
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh nước sạch	60%	Kinh doanh nước sạch
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Vinaconex (VINAHUD)	70%	Thương mại dịch vụ
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex	55%	Thương mại dịch vụ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex	62%	Thương mại dịch vụ
Công ty Cổ phần vật tư ngành nước	57%	Thương mại dịch vụ
Công ty Cổ phần vận tải Vinaconex	59%	Thương mại dịch vụ

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2010 của Vinaconex

DANH SÁCH CÔNG TY LIÊN DOANH

Công ty liên doanh	Tỷ lệ sở hữu vốn	Tỷ lệ lợi ích	Hoạt động chính
Liên doanh TNHH phát triển đô thị mới An Khánh	50%	50%	Đầu tư kinh doanh Bất động sản
Công ty TNHH Quốc tế Liên doanh Vinaconex Taisei	29%	29%	Xây dựng, kinh doanh BĐS
Công ty TNHH Vina Sanwa	40%	40%	Sản xuất công nghiệp

DANH SÁCH CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty liên kết	Tỷ lệ sở hữu vốn	Tỷ lệ lợi ích	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex	32.48%	32.48%	Sản xuất công nghiệp
Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex	48.53%	46.43%	Thương mại - dịch vụ
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm Vinavico	30.80%	30.80%	Sản xuất công nghiệp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vinaconex UPCG	33.80%	33.32%	Thương mại - dịch vụ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Bắc Miền Trung	21.54%	19.79%	Sản xuất công nghiệp
Công ty Cổ phần Đá ốp lát cao cấp Vinaconex	33.80%	33.32%	Sản xuất công nghiệp
Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex-Viettel	39.00%	36.27%	Tài chính
Công ty Cổ phần Ống sợi thủy tinh	43.89%	27.46%	Sản xuất công nghiệp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị Vinaconex - Hoàng Thành	37.50%	31.89%	Đầu tư kinh doanh Bất động sản
Công ty Cổ phần Vinaconex Cửu Long	23.00%	23.00%	Sản xuất công nghiệp
Công ty Cổ phần Đại dương Thăng Long	20.00%	20.00%	Xây dựng, kinh doanh bất động sản



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	66
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	69
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	71
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	73
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	74
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	76

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty cổ phần Vinaconex

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") đề trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch
Ông Hoàng Nguyên Học	Thành viên
Ông Nguyễn Thành Phương	Thành viên
Ông Trịnh Hoàng Duy	Thành viên
Ông Tô Ngọc Thành	Thành viên
Ông Hoàng Anh Xuân	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Thiệu Quang	Thành viên
Ông Phan Minh Tuấn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thành Phương	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Thiết	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Châu Phong	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Quý Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Tường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Điệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vương Công San	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thành Phương
Nguyễn Thành Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

Số: /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”), từ trang 6 đến 42. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 2 và 3, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý:

- Thông báo số 19/TB-VPCP ngày 23 tháng 02 năm 2011 của Văn phòng Chính phủ thông báo “Ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ về xử lý tài chính sau thanh tra việc cổ phần hóa Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam” có đề cập một số vấn đề đã được nêu trong báo cáo của Thanh tra Chính phủ. Ý kiến kết luận về các vấn đề này có thể làm phát sinh các khoản công nợ tiềm tàng của Tổng Công ty. Hiện tại, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc, giải trình với các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền về các nội dung liên quan đến ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ. Chi tiết của các vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 30 phần Thuyết minh báo cáo tài chính - Công nợ tiềm tàng. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào liên quan đến các vấn đề nêu trên.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (Tiếp theo)

- Như trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Tổng Công ty áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 ("Thông tư 201"). Thông tư 201 quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (VAS10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Ảnh hưởng của việc Tổng Công ty áp dụng Thông tư 201 đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày tại Thuyết minh số 4.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 31 tháng 3 năm 2011
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Ngô Trung Dũng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0784/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		6.648.828.887.376	5.457.514.765.723
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.274.713.542.382	1.198.148.486.656
1. Tiền	111		423.255.473.863	881.105.986.656
2. Các khoản tương đương tiền	112		851.458.068.519	317.042.500.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		50.000.000.000	2.660.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		50.000.000.000	2.660.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.072.020.498.348	2.714.987.537.100
1. Phải thu khách hàng	131		1.771.812.513.448	664.819.758.671
2. Trả trước cho người bán	132		1.065.474.013.401	1.305.172.005.489
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		1.333.984.791.269	905.389.379.571
4. Các khoản phải thu khác	135		89.293.376.478	33.080.392.452
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(188.544.196.248)	(193.473.999.083)
IV. Hàng tồn kho	140	6	1.103.028.244.761	1.287.833.758.899
1. Hàng tồn kho	141		1.105.558.054.005	1.290.363.568.143
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.529.809.244)	(2.529.809.244)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		149.066.601.885	253.884.983.068
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		211.522.110	29.792.184
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.859.889.984	18.028.705.257
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		46.930.259.423	40.141.827.990
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	94.064.930.368	195.684.657.637
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		10.957.351.099.812	11.254.466.327.872
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.829.091.418.683	5.255.583.039.040
1. Phải thu nội bộ dài hạn	213	8	4.829.091.418.683	5.255.583.039.040
II. Tài sản cố định	220		555.076.894.671	679.801.012.926
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	185.782.094.601	241.111.076.038
- Nguyên giá	222		251.656.083.770	339.965.342.182
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(65.873.989.169)	(98.854.266.144)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	12.171.243.667	9.791.667
- Nguyên giá	228		12.222.452.000	82.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(51.208.333)	(72.708.333)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	357.123.556.403	438.680.145.221
III. Bất động sản đầu tư	240	12	457.767.262.400	194.393.568.279
- Nguyên giá	241		505.952.527.839	221.079.507.189
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(48.185.265.439)	(26.685.938.910)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	13	5.096.826.808.950	5.120.923.938.142
1. Đầu tư vào công ty con	251		3.900.643.333.850	3.997.534.217.336
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.018.810.616.329	1.050.317.448.559
3. Đầu tư dài hạn khác	258		469.362.719.531	265.326.859.531
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(291.989.860.760)	(192.254.587.284)
V. Tài sản dài hạn khác	260		18.588.715.108	3.764.769.485
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	18.588.715.108	3.764.769.485
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		17.606.179.987.188	16.711.981.093.595

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty cổ phần Vinaconex

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	MẪU SỐ B 01-DN Đơn vị: VND	
			31/12/2010	31/12/2009
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		13.054.577.542.255	13.314.871.488.187
I. Nợ ngắn hạn	310		6.062.103.665.229	6.605.480.978.494
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	829.919.190.560	1.096.495.095.947
2. Phải trả người bán	312		314.079.485.392	429.319.416.384
3. Người mua trả tiền trước	313		3.164.410.322.878	2.983.389.343.430
4. Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	133.217.487.221	114.929.955.698
5. Phải trả người lao động	315		46.328.487.483	43.475.956.584
6. Chi phí phải trả	316	17	305.439.474.952	254.739.479.608
7. Phải trả nội bộ	317		511.034.171.038	306.662.970.778
8. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	744.477.871.155	1.366.308.425.682
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		13.197.174.550	10.160.334.383
II. Nợ dài hạn	330		6.992.473.877.026	6.709.390.509.693
1. Vay và nợ dài hạn	334	19	6.744.253.167.590	6.477.428.651.197
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.368.984.733	1.423.626.345
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		246.851.724.703	230.538.232.151
B - NGUỒN VỐN (400 = 410+430)	400	20	4.551.602.444.933	3.397.109.605.408
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	4.081.867.566.864	2.820.700.091.099
1. Vốn điều lệ	411		3.000.000.000.000	1.850.803.870.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		355.104.902.000	350.952.370.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(1.300.636.941)	326.948.885
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		295.752.292.131	161.046.777.503
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		63.565.269.013	42.802.116.741
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		368.745.740.661	414.768.007.970
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	20	469.734.878.069	576.409.514.309
1. Nguồn kinh phí	432		469.734.878.069	576.513.755.970
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	(104.241.661)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		17.606.179.987.188	16.711.981.093.595



Nguyễn Thành Phương
 Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2011

(Signature)

Nguyễn Quốc Hòa
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	MẪU SỐ B 02-DN Đơn vị: VND	
			2010	2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		4.892.871.771.472	3.849.385.426.352
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	33.898.600
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	22	4.892.871.771.472	3.849.351.527.752
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	4.524.913.245.754	3.574.802.999.391
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		367.958.525.718	274.548.528.361
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	1.310.543.261.151	802.939.838.443
7. Chi phí tài chính	22	25	909.585.525.198	581.011.848.191
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		478.143.030.189	356.842.992.979
8. Chi phí bán hàng	24		8.940.490.452	2.769.793.979
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		190.400.666.636	331.893.350.389
10. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		569.575.104.583	161.813.374.245
11. Thu nhập khác	31	26	116.198.208.250	968.631.520.638
12. Chi phí khác	32	27	84.467.168.901	574.717.368.186
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		31.731.039.349	393.914.152.452
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		601.306.143.932	555.727.526.697
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	102.209.132.371	140.464.481.258
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		499.097.011.561	415.263.045.439
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	2.444	2.317



Nguyễn Thành Phương
 Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2011

(Signature)

Nguyễn Quốc Hòa
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty cổ phần Vinaconex

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2010	2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	601.306.143.932	555.727.526.697
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	35.584.089.405	21.952.400.824
Các khoản dự phòng	03	94.805.470.641	281.329.060.049
Ghi giảm tài sản cố định		(27.639.542.189)	-
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(11.309.106.378)	326.948.885
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(997.890.539.659)	(176.033.409.507)
Chi phí lãi vay	06	478.143.030.189	356.842.992.979
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động			
	08	172.999.545.941	1.040.145.519.927
(Tăng) các khoản phải thu	09	(261.638.906.782)	(1.678.842.688.911)
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10	184.805.514.138	(162.974.158.643)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	(469.132.311.686)	2.096.716.452.231
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(14.823.945.623)	4.796.420.574
Tiền lãi vay đã trả	13	(386.777.671.421)	(496.682.188.882)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(127.897.134.674)	(80.538.880.967)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(34.031.073.973)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(936.495.984.080)	722.620.475.329
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(289.642.165.857)	(302.597.530.408)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	33.056.363.636	39.080.688.232
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(321.189.338.229)	(87.482.305.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	344.758.468.829	300.794.366.206
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(311.226.543.000)	(646.336.376.822)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	409.280.203.000	169.532.312.500
7. Thu lãi tiền gửi, lãi cho vay và cổ tức	27	378.043.698.408	299.162.837.139
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	243.080.686.787	(227.846.008.153)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của các cổ đông	31	572.142.112.000	701.904.740.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	3.177.971.144.124	1.106.682.712.881
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.628.480.167.805)	(1.635.278.536.919)
4. Cổ tức đã trả cho các cổ đông	36	(351.652.735.300)	(162.883.327.624)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	769.980.353.019	10.425.588.338
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	76.565.055.726	505.200.055.514
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.198.148.486.656	692.948.431.142
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	1.274.713.542.382	1.198.148.486.656

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tiền dùng để mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số tiền 118.391 triệu VND, là số tiền dùng để mua thêm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán và bao gồm số tiền 186.306 triệu VND, là số phải trả cho tài sản cố định mua trong năm trước và được thanh toán trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của các cổ đông trong năm không bao gồm số tiền 581.206 triệu VND, là số tiền không thực góp bằng tiền trong năm nay mà được bù trừ từ khoản mục phải trả, phải nộp ngắn hạn khác. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền chi trả nợ gốc vay trong năm không bao gồm số tiền 696.506 triệu VND, là số tiền không thực trả bằng tiền trong năm mà được bù trừ khoản mục phải thu nội bộ. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.



Nguyễn Thành Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2011

Nguyễn Quốc Hòa
Kế toán trưởng

Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty cổ phần Vinaconex

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”), trước đây là Tổng Công ty Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 992/BXD-TCLĐ ngày 20 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Ngày 18 tháng 3 năm 2005, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 56/2005/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án thí điểm cổ phần hóa Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam. Hoạt động của Tổng Công ty với tư cách là một Tổng Công ty cổ phần đã được đăng ký lại với Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014768 ngày 01 tháng 12 năm 2006, và sửa đổi lần 5 ngày 27 tháng 01 năm 2011. Tổng Công ty có mã số doanh nghiệp là 0100105616.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 1.004 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 1.237 nhân viên).

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm báo cáo tài chính của Văn phòng Tổng Công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty như sau:

Tên	Mô tả
• Khách sạn Holiday View	Được thành lập theo Quyết định số 0735/QĐ/VC-HĐQT ngày 7 tháng 6 năm 2004 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty và đăng ký kinh doanh với Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0213004230 ngày 22 tháng 4 năm 2008. Theo Biên bản bàn giao ngày 1 tháng 3 năm 2010, Tổng Công ty đã bàn giao toàn bộ tài sản, công nợ và lao động cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex.
• Khách sạn Sầm Sơn	Sáp nhập vào Tổng Công ty theo Quyết định số 1803/QĐ/VC-TCLĐ của Hội đồng Quản trị ngày 29 tháng 11 năm 2003 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
• Ban Quản lý dự án Xi măng Cẩm Phả	Được thành lập theo Quyết định số 41/QĐ/VC-TCLĐ của Hội đồng Quản trị ngày 8 tháng 1 năm 2003 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
• Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng Phát triển nhà và Đô thị	Được thành lập theo Quyết định số 266/QĐ/VC-TCLĐ của Hội đồng Quản trị ngày 27 tháng 3 năm 2000 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
• Ban Quản lý các dự án Đầu tư xây dựng Khu công nghệ cao Hòa Lạc	Được thành lập theo Quyết định số 1781/QĐ/VC-TCLĐ của Hội đồng Quản trị ngày 2 tháng 12 năm 2003 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty. Theo Quyết định số 497/2009/QĐ-ĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Tổng Công ty về việc chuyển giao nhiệm vụ từ Ban Quản lý các dự án Đầu tư xây dựng Khu công nghệ cao Hòa Lạc sang Ban Xây dựng Tổng Công ty.

• Ban Quản lý các Dự án đầu tư Hòa Lạc	Được thành lập theo Quyết định số 0734/QĐ/VC-TCLĐ của Hội đồng Quản trị ngày 27 tháng 5 năm 2003 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
• Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng mở rộng Đường Láng Hòa Lạc	Được thành lập theo Quyết định số 1762/QĐ/VC-TCLĐ của Hội đồng Quản trị ngày 2 tháng 12 năm 2003 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
• Ban Điều hành Tổ hợp Dự án Thủy điện Buôn Tua Srah	Được thành lập theo Quyết định số 1548/QĐ/VC-TCLĐ của Hội đồng Quản trị ngày 11 tháng 11 năm 2004 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
• Ban Điều hành Dự án Xây dựng Hồ chứa nước Cửa Đạt	Được thành lập theo Quyết định số 0554/QĐ/VC-TCLĐ của Hội đồng Quản trị ngày 6 tháng 5 năm 2004 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
• Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước Sông Đà Hà Nội	Được thành lập theo Quyết định số 0906/QĐ/VC-TCLĐ của Hội đồng Quản trị ngày 6 tháng 7 năm 2006 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
• Ban Điều hành Dự án Thủy điện Buôn Kuốp	Được thành lập theo Quyết định số 1508/QĐ/VC-TCLĐ của Hội đồng Quản trị ngày 10 tháng 10 năm 2003 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
• Trường Trung cấp Xây dựng Thanh Hóa	Được thành lập theo Quyết định số 1378/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng ngày 4 tháng 10 năm 2006 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
• Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Xây dựng và Nghiệp vụ	Được thành lập theo Quyết định số 172/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng ngày 12 tháng 12 năm 2006 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
• Trường Mầm non Dân lập Vinaconex	Được thành lập theo Quyết định số 447/QĐ-UB của Ủy ban Nhân dân Quận Cầu Giấy ngày 22 tháng 4 năm 2005 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
• Trường Mầm non Dân lập Lý Thái Tổ 2	Được thành lập theo Quyết định số 164/QĐ-UB của Ủy ban Nhân dân Quận Cầu Giấy ngày 21 tháng 1 năm 2009 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
• Trường Tiểu học Dân lập Lý Thái Tổ	Được thành lập theo Quyết định số 1022/QĐ-UB của Ủy ban Nhân dân Quận Cầu Giấy ngày 26 tháng 8 năm 2004 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
• Trường Trung học Dân lập Lý Thái Tổ	Được thành lập theo Quyết định số 4582/QĐ-UB của Ủy ban Nhân dân Quận Cầu Giấy ngày 21 tháng 7 năm 2004 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty cổ phần Vinaconex

- Ban điều hành dự án nhà ở xã hội Vinaconex tại Đà Nẵng. Được thành lập theo Quyết định số 0389 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Hội đồng Quản trị.
- Ban điều hành thi công giai đoạn 1 dự án khu đô thị Bắc An Khánh. Được thành lập theo Quyết định số 0622 ngày 15 tháng 9 năm 2010 của Hội đồng Quản trị.
- Ban điều hành dự án xây dựng Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh. Được thành lập theo Quyết định số 0208 ngày 29 tháng 3 năm 2010 của Hội đồng Quản trị.

Lĩnh vực hoạt động của Tổng Công ty là:

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình thủy điện, nhiệt điện, phong điện, điện nguyên tử, đường dây và trạm biến thế điện đến 500KV;
- Các công trình hạ tầng kỹ thuật, xã hội khu đô thị, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, công trình ngầm, các công trình văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí, công trình du lịch, khách sạn và các loại công trình công cộng khác;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh Bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Sản xuất kinh doanh điện thương phẩm;
- Khai thác sản xuất kinh doanh nước sạch, các sản phẩm phục vụ cho xử lý nước thải, chất thải, bảo vệ môi trường;
- Khai thác, sản xuất chế biến, kinh doanh các loại cấu kiện và vật liệu xây dựng bao gồm đá, cát, sỏi, gạch, ngói, xi măng, kính, tấm lợp, nhựa đường, các loại cấu kiện bê tông, đá nhân tạo và các loại vật liệu xây dựng khác;
- Khai thác, chế biến khoáng sản (trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Đầu tư kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, siêu thị và các loại hình du lịch (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán bar, vũ trường...);
- Quản lý và vận hành các trung tâm thương mại, siêu thị, các khu đô thị, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, dây chuyền công nghệ tự động hóa, phương tiện vận tải, xe gắn máy, hàng tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng nông lâm thủy sản;
- Kinh doanh dịch vụ giao nhận vận chuyển hàng hóa các loại cấu kiện siêu trường, siêu trọng;
- Kinh doanh dịch vụ mua bán rượu, bia, thuốc lá;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nước giải khát, bánh kẹo, hàng công nghệ phẩm, mỹ phẩm và quà lưu niệm (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, quán bar, vũ trường);
- Đại lý bán lẻ xăng dầu;
- Hoạt động xuất khẩu lao động;
- Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, thiết kế quy hoạch đô thị;
- Thiết kế hạ tầng cấp thoát nước đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;

- Thiết kế cấp thoát nước đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình xử lý chất thải rắn;
- Khảo sát trắc địa công trình;
- Thiết kế hạ tầng giao thông, san nền, thoát nước công trình xây dựng;
- Thiết kế điện công trình dân dụng, công nghiệp; tư vấn đầu tư và xây dựng (chỉ thiết kế trong phạm vi các thiết kế đã đăng ký kinh doanh);
- Lập và thẩm định dự án đầu tư;
- Tư vấn đầu thầu và quản lý dự án;
- Tư vấn thiết bị công nghệ mới và thiết bị tự động hóa;
- Đầu tư góp vốn thành lập mới các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn;
- Đầu tư góp vốn vào các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn đang hoạt động;
- Đầu tư kinh doanh cổ phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu và các loại chứng chỉ có giá; đầu tư thành lập các doanh nghiệp liên doanh có 100% vốn của Tổng Công ty cổ phần hoạt động tại nước ngoài;
- Nhận thầu xây lắp các loại hình công trình tại nước ngoài;
- Thực hiện các dịch vụ cung cấp, lắp đặt, sửa chữa, bảo hành điều hòa không khí, điện lạnh, thiết bị phòng chống cháy nổ, thang máy;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Đại lý bán vé máy bay cho các hãng trong và ngoài nước;
- Dệt may công nghiệp;
- Dịch vụ mua bán và chế biến hàng nông lâm sản (trừ các loại gỗ Nhà nước cấm);
- Trồng, chăm sóc, tu bổ, bảo quản rừng, trồng cây công nghiệp và chăn nuôi gia súc, gia cầm;
- Khai thác và sản xuất kinh doanh nước uống tinh khiết;
- Kinh doanh khai thác cầu cảng, bốc xếp hàng hóa thủy, bộ và cho thuê kho bãi;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường sông và đường biển; và
- Tổ chức các hoạt động giáo dục, đào tạo từ bậc mầm non đến bậc trung học phổ thông, giáo dục đào tạo hướng nghiệp, đào tạo ngoại ngữ và tư vấn du học (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính, trừ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Báo cáo tài chính này là báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và không bao gồm báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Tổng Công ty. Giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được phản ánh theo nguyên giá. Tổng Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Tổng Công ty và các công ty con trong một báo cáo khác.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty cổ phần Vinaconex

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Tổng Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì chi phí này đã được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>2010</u> Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	7 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 12
Phương tiện vận tải	7
Tài sản cố định khác	4 - 6

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn nên không cần trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Năm 2010 (Số năm)</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	7 - 25
Quyền sử dụng đất	7 - 25

Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty cổ phần Vinaconex

Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009. Tổng Công ty không trích lập dự phòng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm phá, công ty này đang bị lỗ theo kế hoạch đã được xây dựng trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Tổng Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các Công ty con là các khoản đầu tư vào các đơn vị do Tổng Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Tổng Công ty có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được các lợi ích từ hoạt động này.

Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các công ty liên doanh là các công ty mà Tổng Công ty có quyền đồng kiểm soát các hoạt động của các công ty này, được thành lập theo thỏa thuận hợp đồng và yêu cầu sự nhất trí cao về các quyết định tài chính và hoạt động.

Các khoản vốn góp vào công ty liên kết, liên doanh được ghi nhận theo giá gốc và được phản ánh là một khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh trên báo cáo tài chính.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư mua cổ phần với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty cổ phần, các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 20 năm.

Phí bảo lãnh phát hành trái phiếu

Phí bảo lãnh phát hành trái phiếu thể hiện phí bảo lãnh phát hành trái phiếu đã trả và phải trả cho Ngân hàng liên quan đến việc phát hành trái phiếu dài hạn. Phí bảo lãnh phát hành trái phiếu được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 đến 3 năm kể từ ngày phát hành.

Vốn chủ sở hữu, trích lập quỹ

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu bao gồm Quỹ đầu tư và phát triển, Quỹ dự phòng tài chính và Quỹ khen thưởng và phúc lợi. Việc trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích từ lợi nhuận chưa phân phối hằng năm dựa trên phần trăm theo quyết định của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Các quỹ được sử dụng cho các mục đích cụ thể theo quyết định của cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Đối với bất động sản mà Tổng Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến bất động sản đã được chuyển giao sang người mua. Đối với bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất mà theo đó Tổng Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án bất động sản và người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường, doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành của công việc xây dựng vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá vốn của bất động sản bán trước khi xây dựng hoàn tất được xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh cho xây dựng đất đai và chi phí xây dựng ước tính để hoàn tất dự án bất động sản. Chi phí ước tính để xây dựng bất động sản được trích trước và các khoản chi thực tế sẽ được ghi giảm vào tài khoản chi phí phải trả này.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty cổ phần Vinaconex

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại chưa ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và được phân bổ vào chi phí tối đa không quá 5 năm.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo VAS10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính. Theo đó, việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC làm lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 tăng khoảng 1.300 triệu VND (năm 2009: giảm 326 triệu VND) và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 sẽ giảm một khoản tương ứng so với áp dụng theo VAS10.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập tiền lãi từ các quỹ đầu tư và các khoản cho vay, thu nhập cổ tức, thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và lãi chênh lệch tỷ giá. Thu nhập tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh, sử dụng phương pháp lãi suất thực tế. Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào ngày mà quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty được thiết lập. Doanh thu từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi các rủi ro và lợi ích chủ yếu gắn với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Các rủi ro và lợi ích chủ yếu gắn với quyền sở hữu được chuyển giao phụ thuộc vào việc hoàn thành giao dịch kinh doanh (đối với chứng khoán niêm yết) hoặc việc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với các chứng khoán chưa niêm yết).

Chi phí tài chính bao gồm chi phí tiền lãi từ các khoản vay và lỗ chênh lệch tỷ giá. Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh theo phương pháp lãi suất thực tế, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay phát sinh trong quá trình xây dựng sẽ được vốn hóa vào nguyên giá các tài sản cố định liên quan.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ đông phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm.

Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty cổ phần Vinaconex

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tiền mặt	5.343.239.575	7.364.711.918
Tiền gửi ngân hàng	417.912.234.288	873.741.274.738
Các khoản tương đương tiền (i)	851.458.068.519	317.042.500.000
	1.274.713.542.382	1.198.148.486.656

(i) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy.

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.747.498.195	1.176.226.342
Công cụ, dụng cụ	1.573.901.465	334.871.666
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i)	1.098.236.654.345	1.288.852.470.135
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.529.809.244)	(2.529.809.244)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	1.103.028.244.761	1.287.833.758.899

(i) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang bao gồm chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của các công trình Khu nhà ở công nhân ở xã Kim Chung-Đông Anh Hà Nội, Khu nhà ở cao tầng hỗn hợp N05 Đông Nam Trần Duy Hưng, Dự án Bảo tàng Hà Nội và các công trình khác.

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Chi sự nghiệp (i)	92.603.482.052	122.336.102.236
Tài sản ngắn hạn khác	1.461.448.316	73.348.555.401
	94.064.930.368	195.684.657.637

(i) Tổng Công ty được Nhà nước giao thực hiện một số dự án kinh tế, chính trị, xã hội, ngoài nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh. Các dự án này được trang trải bằng nguồn kinh phí do Ngân sách Nhà nước cấp. Nguồn kinh phí nhận được từ Ngân sách Nhà nước được ghi nhận vào tài khoản "Nguồn kinh phí" thuộc Nguồn kinh phí và quỹ khác. Chi phí dự án phát sinh được ghi nhận vào tài khoản "Chi sự nghiệp" thuộc Tài sản ngắn hạn khác cho tới khi các chi phí này được quyết toán với Nhà nước. Khi đó, chi phí dự án sẽ được giảm trừ vào Nguồn kinh phí. Chi phí dự án được Nhà nước chi trả trực tiếp sẽ được ghi nhận đồng thời vào tài khoản Chi sự nghiệp và Nguồn kinh phí. Nguồn kinh phí do Nhà nước cấp không sử dụng hết sẽ phải được hoàn trả lại Ngân sách Nhà nước. Chi phí dự án còn thiếu sẽ được Ngân sách Nhà nước bồi hoàn.

8. PHẢI THU NỘI BỘ DÀI HẠN

Khoản phải thu nội bộ dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 chủ yếu thể hiện các khoản sau:

- Khoản phải thu Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả với số tiền là 4.457.765 triệu VND từ việc chuyển giao Trạm nghiền và Nhà máy Xi măng Cẩm Phả theo Hợp đồng chuyển giao tài sản ký ngày 16 tháng 3 năm 2009 và Phụ lục Hợp đồng chuyển giao tài sản ký ngày 18 tháng 12 năm 2009 giữa Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam với Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả.

- Khoản phải thu Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex với số tiền là 371.326 triệu VND từ việc chuyển giao theo Quyết định số 305/2009/QĐ-ĐT ngày 29 tháng 4 năm 2009 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty về việc "Quyết toán sơ bộ vốn đầu tư hoàn thành Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông giai đoạn 1, công suất 300.000 m3/ngày đêm" và theo Hợp đồng chuyển giao tài sản hình thành sau đầu tư giai đoạn 1 "Dự án hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông" ký ngày 29 tháng 9 năm 2009 giữa Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam với Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2010	244.250.221.289	46.930.592.596	41.927.522.567	6.857.005.730	339.965.342.182
Tăng trong năm	8.729.555.759	1.584.525.454	1.032.050.727	2.584.191.502	13.930.323.442
Tăng khác	-	119.414.000	-	25.000.000	144.414.000
Thanh lý	-	(179.742.300)	-	(52.970.000)	(232.712.300)
Chuyển sang Bất động sản đầu tư	(18.764.301.812)	-	-	-	(18.764.301.812)
Giảm khác	(36.694.198.272)	(28.536.228.482)	(13.260.344.965)	(4.896.210.023)	(83.386.981.742)
Tại ngày 31/12/2010	197.521.276.964	19.918.561.268	29.699.228.329	4.517.017.209	251.656.083.770

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2010	28.306.826.508	40.798.087.140	29.013.252.587	736.099.909	98.854.266.144
Khấu hao trong năm	10.644.798.863	2.494.269.688	2.382.559.445	255.285.886	15.776.913.882
Tăng khác	-	119.414.000	-	25.000.000	144.414.000
Thanh lý	-	(142.946.400)	-	(46.445.000)	(189.391.400)
Chuyển sang Bất động sản đầu tư	(1.694.651.006)	-	-	-	(1.694.651.006)
Giảm khác	(6.592.881.421)	(28.330.957.226)	(12.093.723.804)	-	(47.017.562.451)
Tại ngày 31/12/2010	30.664.092.944	14.937.867.202	19.302.088.228	969.940.795	65.873.989.169

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 31/12/2010	166.857.184.020	4.980.694.066	10.397.140.101	3.547.076.414	185.782.094.601
Tại ngày 31/12/2009	215.943.394.781	6.132.505.456	12.914.269.980	6.120.905.821	241.111.076.038

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, tài sản cố định hữu hình có nguyên giá là tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 491.941 triệu VND (31/12/2009 là: 115.310 triệu VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty cổ phần Vinaconex

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2010	-	70.000.000	12.500.000	82.500.000
Tăng trong năm	12.163.952.000	-	-	12.163.952.000
Giảm trong năm	-	(24.000.000)	-	(24.000.000)
Tại ngày 31/12/2010	12.163.952.000	46.000.000	12.500.000	12.222.452.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2010	-	60.208.333	12.500.000	72.708.333
Khấu hao trong năm	-	2.500.000	-	2.500.000
Giảm khác	-	(24.000.000)	-	(24.000.000)
Tại ngày 31/12/2010	-	38.708.333	12.500.000	51.208.333
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2010	12.163.952.000	7.291.667	-	12.171.243.667
Tại ngày 31/12/2009	-	9.791.667	-	9.791.667

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Số dư đầu năm	438.680.145.221	5.792.242.073.112
Tăng trong năm	191.180.255.219	1.632.749.465.171
Điều chỉnh cho dự án Nhà máy Xi măng Cẩm Phả	-	6.726.896.151
Chuyển giao cho Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	-	(5.423.906.895.395)
Chuyển giao cho Công ty TNHH Một thành viên nước sạch Vinaconex	-	(1.360.162.018.702)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(116.715.319.676)
Chuyển sang bất động sản đầu tư (i)	(266.108.718.838)	(92.254.055.440)
Khác	(6.628.125.199)	-
Số dư cuối năm	357.123.556.403	438.680.145.221

(i) Tại ngày 01 tháng 10 năm 2010, Tổng Công ty bắt đầu dùng vốn hóa lãi vay và chuyển toàn bộ chi phí dở dang còn lại của Công trình 34 Láng Hạ về tài khoản Bất động sản đầu tư và bắt đầu tính khấu hao toàn bộ tòa nhà từ ngày này. Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Tổng Công ty tại 34 Láng Hạ do Tổng Công ty làm chủ đầu tư đã hoàn thành và đưa vào khai thác sử dụng toàn bộ từ ngày 1 tháng 10 năm 2010 (theo biên bản nghiệm thu công trình ngày 30 tháng 9 năm 2010). Tuy nhiên, hiện tại dự án Trụ sở tại 34 Láng Hạ đang trong giai đoạn quyết toán vốn đầu tư hoàn thành nên Tổng Công ty đang tạm ghi tăng tài sản trên giá trị tạm tính trên cơ sở số liệu báo cáo dự kiến quyết toán của tư vấn quản lý dự án được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12, chi tiết các chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu như sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Nhà máy Xi măng Cẩm Phả	150.770.952	6.726.896.151
Hệ thống cấp nước Sông Đà Hà Nội	15.036.851.643	688.824.606
Trụ sở Vinaconex tại 34 Láng Hạ	-	126.767.125.682
Khu Công nghiệp Bắc Phú Cát	328.802.816.452	294.806.189.190
Nhà máy bê tông dự ứng lực Đà Nẵng	1.827.001.148	-
Các dự án khác	11.306.116.208	9.691.109.592
Tổng cộng	357.123.556.403	438.680.145.221

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2010	9.627.543.200	211.451.963.989	221.079.507.189
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	266.108.718.838	266.108.718.838
Điều chuyển từ tài sản	-	18.764.301.812	18.764.301.812
Tại ngày 31/12/2010	9.627.543.200	496.324.984.639	505.952.527.839
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2010	1.161.308.361	25.524.630.549	26.685.938.910
Khấu hao trong năm	385.101.728	19.419.573.795	19.804.675.523
Điều chuyển từ tài sản	-	1.694.651.006	1.694.651.006
Tại ngày 31/12/2010	1.546.410.089	46.638.855.350	48.185.265.439
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2010	8.081.133.111	449.686.129.289	457.767.262.400
Tại ngày 31/12/2009	8.466.234.839	185.927.333.440	194.393.568.279

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại thời điểm kết thúc năm tài chính cần được trình bày. Tuy nhiên, tại ngày 31/12/2010, Tổng Công ty không trình bày giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có giá thị trường để đánh giá giá trị hợp lý.

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con (*)	3.900.643.333.850	3.997.534.217.336
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	1.018.810.616.329	1.050.317.448.559
Đầu tư dài hạn khác	469.362.719.531	265.326.859.531
Tổng cộng	5.388.816.669.710	5.313.178.525.426
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	(291.989.860.760)	(192.254.587.284)
Tổng cộng	5.096.826.808.950	5.120.923.938.142

Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty cổ phần Vinaconex

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn như sau:

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Số dư đầu năm	192.254.587.284	64.306.850.037
Tăng dự phòng trong năm	122.104.090.019	156.289.134.886
Giảm dự phòng trong năm	(22.368.816.543)	(28.341.397.639)
Số dư cuối năm	291.989.860.760	192.254.587.284

Tổng Công ty trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 về hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Tổng Công ty không trích lập dự phòng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm phá, công ty này đang bị lỗ theo kế hoạch đã được xây dựng trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty có 43 Công ty con. Thông tin chi tiết về một số công ty con chủ yếu của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	Việt Nam	55,1	55,1	Xây dựng, đầu tư và kinh doanh BĐS
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	Việt Nam	51,0	51,0	Xây dựng, đầu tư và kinh doanh BĐS
Công ty Cổ phần Xây dựng số 3	Việt Nam	51,0	51,0	Xây dựng, đầu tư và kinh doanh BĐS
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	Việt Nam	51,0	51,0	Xây dựng, đầu tư và kinh doanh BĐS
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	Việt Nam	54,3	54,3	Xây dựng, đầu tư và kinh doanh BĐS
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	Việt Nam	51,0	51,0	Xây dựng, đầu tư và kinh doanh BĐS
Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	Việt Nam	64,8	64,8	Xây dựng, đầu tư và kinh doanh BĐS
Công ty Cổ phần Vimeco	Việt Nam	51,4	51,4	Xây dựng, đầu tư và kinh doanh BĐS
Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	Việt Nam	51,0	51,0	Sản xuất xi măng
Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phá	Việt Nam	99,6	99,6	Sản xuất xi măng
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	Việt Nam	51,0	51,0	Xây dựng, đầu tư và kinh doanh BĐS
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Vinaconex	Việt Nam	70,0	70,0	Xây dựng, đầu tư và kinh doanh BĐS
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh nước sạch Vinaconex	Việt Nam	75,6	75,6	Kinh doanh nước sạch
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	Việt Nam	67,2	67,2	Sản xuất bê tông, kinh doanh BĐS
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Điện Miền Bắc 2	Việt Nam	54,6	54,6	Sản xuất và kinh doanh điện

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty có 22 Công ty liên kết và liên doanh. Chi tiết tỷ lệ phần trăm sở hữu và lợi ích tại các công ty liên kết và liên doanh chủ yếu như sau:

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

Tên công ty liên kết, liên doanh	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đô thị mới An Khánh	Việt Nam	50,0	50,0	Đầu tư khu đô thị, kinh doanh BĐS
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex	Việt Nam	48,5	48,5	Sản xuất và kinh doanh điện
Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel	Việt Nam	33,0	33,0	Tài chính - ngân hàng
Công ty Cổ phần đá ốp lát cao cấp Vinaconex	Việt Nam	46,1	46,1	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Tại ngày đầu năm	3.764.769.485	8.561.190.059
Tăng	22.049.146.085	462.778.854.501
Phân bổ vào chi phí trong năm	(7.225.200.462)	(467.575.275.075)
Tại ngày cuối năm	18.588.715.108	3.764.769.485

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Vay ngắn hạn	137.696.729.429	463.910.244.974
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 19)	692.222.461.131	632.584.850.973
	829.919.190.560	1.096.495.095.947

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, các khoản vay ngắn hạn chủ yếu bao gồm các khoản vay từ các cá nhân trị giá khoảng 14.741 triệu VND và các khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây.

Các khoản vay ngắn hạn từ các cá nhân không được đảm bảo và chịu lãi suất năm trong khoảng từ 0% đến 10,49%.

Các khoản vay ngắn hạn chủ yếu từ các ngân hàng thương mại sau:

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN - CN Hà Tây (i)	121.093.017.271	129.866.467.722
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN - CN Cầu Giấy	-	125.529.522.184
- SGD Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam	-	126.622.197.852

Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty cổ phần Vinaconex

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)

(i) Bao gồm các khoản vay không có đảm bảo từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây dưới hình thức tín dụng thư và các kế ước vay. Khoản vay dưới hình thức tín dụng thư chịu lãi suất 5,5%/năm đối với USD và 11,8% đến 16,2% đối với VND, khoản vay theo kế ước chịu lãi suất điều chỉnh 3 tháng một lần của ngân hàng.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	37.354.153.964	678.072.687
Thuế xuất nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	70.517.219.687	93.535.580.990
Thuế thu nhập cá nhân	6.015.842.622	765.339.574
Thuế nhà thầu nước ngoài	19.330.270.948	19.950.962.447
Các loại thuế khác	-	-
	<u>133.217.487.221</u>	<u>114.929.955.698</u>

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Chi phí phải trả về hợp đồng xây dựng	29.403.872.672	19.911.688.964
Chi phí tiền lãi phải trả	237.217.574.091	74.961.356.642
Bảo trì chung cư	-	30.438.438.510
Lệ phí trước bạ và thuế chuyển quyền sử dụng đất	14.620.136.000	15.261.963.500
Trích trước chi phí nhà 15T	-	93.220.330.863
Trích trước thuế nhà thầu phải nộp	17.710.269.380	17.847.834.798
Các chi phí phải trả khác	6.487.622.809	3.097.866.331
	<u>305.439.474.952</u>	<u>254.739.479.608</u>

18. PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	642.725.776	843.874.835
Bảo hiểm xã hội	33.677.468	10.651.128
Bảo hiểm y tế	26.185.008	17.966.426
Cổ tức phải trả	1.872.844.349	1.678.842.564
Tiền đặt cọc thuê đất	-	62.616.000.000
Kinh phí bảo trì các tòa nhà (i)	107.291.836.938	29.772.834.048
Nhận trước tiền mua cổ phần từ các cổ đông chiến lược	-	758.455.400.000
Phải trả Công ty Sonakali	-	400.000.000.000
Phải trả Ngân sách phần chênh lệch thu chi của dự án 15T	25.553.949.239	-
Phải trả Công ty Cổ phần tập đoàn Đại dương - tiền đất dự án HH (ii)	570.000.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	39.056.652.377	112.912.856.681
	<u>744.477.871.155</u>	<u>1.366.308.425.682</u>

(i) Kinh phí bảo trì các tòa nhà phải nộp cho Ban quản lý nhà chung cư theo Luật Nhà ở năm 2006.

(ii) Khoản tiền nhận từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương theo cam kết trong hợp đồng hợp tác với Vinaconex về việc thành lập một công ty liên doanh để đầu tư xây dựng một khu tổ hợp thương mại tại Khu đô thị Đông Nam Trần Duy Hưng.

19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Vay dài hạn	5.436.475.628.721	6.110.013.502.170
Trái phiếu phát hành	2.000.000.000.000	1.000.000.000.000
	<u>7.436.475.628.721</u>	<u>7.110.013.502.170</u>
Số phải trả trong vòng 12 tháng	(692.222.461.131)	(632.584.850.973)
Số phải trả sau 12 tháng	<u>6.744.253.167.590</u>	<u>6.477.428.651.197</u>

Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty cổ phần Vinaconex

19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay và nợ dài hạn của Tổng Công ty như sau:

Ngân hàng	Tiền tệ	Lãi suất	Đáo hạn	VND	
				31/12/2010	31/12/2009
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	VND	Lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau +3.5%/năm	2016	-	43.821.871.675
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Hoá	VND	Lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau +3.5%/năm	2012	-	13.828.000.000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Cầu Giấy	VND	Lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau +3.5%/năm	2012	-	217.000.000.000
- SGD Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	Lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau +3.5%/năm	2012	-	12.881.237.927
- Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam	VND	Lãi suất tiết kiệm 12 tháng+ phí ngân hàng 2%/năm	2014	57.095.566.253	73.508.388.260
- Ngân hàng TNCP Công thương Việt Nam	VND	Lãi suất tiết kiệm 12 tháng + 2.75%/năm	2014	147.050.000.000	261.550.000.000
- Ngân hàng TNCP Công thương Việt Nam	VND	Lãi suất tiết kiệm 12 tháng + 2.75%/năm	2014	72.780.000.000	-
- Ngân hàng TNCP Công thương Việt Nam	VND	Lãi suất tiết kiệm 12 tháng + phí ngân hàng 2.75%/năm	2018	1.463.743.190.761	1.610.117.509.838
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam	VND	Lãi suất tiết kiệm 12 tháng+ phí ngân hàng 2%/năm	2018	-	552.715.000.000
- Ngân hàng Trung Quốc - Chi nhánh Hồ Chí Minh	USD	SIBOR 6 tháng + 1.87%/năm	2013	45.514.272.354	57.509.085.809
- Ngân hàng BNP Paribas	EUR	LIBOR USD 6 tháng + 1.87%/năm	2016	226.761.286.304	834.457.044.374
- Ngân hàng BNP Paribas	EUR	EURIBOR + 0.325%/năm	2016	978.943.041.836	228.472.465.807
- Ngân hàng Natexis	USD	LIBOR + 2.35%/năm	2016	193.549.178.208	206.559.461.646
- Tổng Công ty Thiết bị nặng Quốc gia Trung Quốc	USD	Lãi suất 3.78%/ năm	2016	301.424.197.732	333.253.756.607
- Quỹ Đầu tư Phát triển Thành phố Hà Nội	VND	Lãi suất 0%/năm	2012	1.061.359.942.870	499.417.695.510
- Ngân hàng Hợp tác phát triển quốc tế Nhật Bản (JBIC)	JPY	Lãi suất 2.05%/ năm	2018	888.254.952.403	1.164.921.984.717
- Trái phiếu Vinaconex	VND	Lãi suất 3%/ năm	2010	-	1.000.000.000.000
- Trái phiếu Vinaconex	VND	Lãi suất 14%/ năm dồn tiền	2014	2.000.000.000.000	-
				7.436.475.628.721	7.110.013.502.170

(i) Ngày 5 tháng 10 năm 2007, Tổng Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Công thương Việt Nam (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam), với số tiền 261.550.000.000 VND. Khoản vay này sẽ được trả làm 8 kỳ, mỗi kỳ 06 tháng, bắt đầu từ tháng thứ 36 kể từ ngày gửi ngân đầu tiên (ngày 15 tháng 11 năm 2007). Khoản vay chịu lãi suất tiết kiệm 12 tháng cộng (+) 2,75%/năm và được trả cùng với kỳ trả nợ gốc. Tổng Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay và quyền sử dụng đất của Tổng Công ty tại 34 Láng Hạ, Hà Nội để thế chấp cho khoản vay này.

(ii) Khoản vay bổ sung từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam cho dự án 34 Láng Hạ theo hợp đồng vay số 26032010 NHICT-VINACONEX/HIDTD ngày 26 tháng 03 năm 2010. Khoản vay được trả làm 8 kỳ, mỗi kỳ 06 tháng bắt đầu từ ngày 25 tháng 11 năm 2011, lãi vay được trả cùng với kỳ trả nợ gốc. Tổng Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay và quyền sử dụng đất của Tổng Công ty tại 34 Láng Hạ, Hà Nội để thế chấp cho khoản vay này.

19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

(iii) Khoản vay Ngân hàng Công thương Việt Nam (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam) có hạn mức tối đa là 1.830 tỷ VND và chịu lãi suất từ 10,5% đến 13,94% (năm 2009; từ 10,21% đến 18,47%). Khoản vay này được bảo đảm bằng các động sản và bất động sản của Nhà máy Xi măng Cẩm Phả và Trạm nghiền Xi măng Cẩm Phả với giá trị tạm tính là 4.375 tỷ VND và đất và tài sản gắn liền với đất tại số 2 Láng Hạ, Hà Nội.

(iv) Ngày 10 tháng 10 năm 2006, Tổng Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng BNP Paribas, một ngân hàng Pháp có đăng ký kinh doanh số 662042449 tại Phòng Đăng ký Công ty và Thương mại Paris với số tiền 18.055.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này chịu lãi suất là LIBOR 6 tháng cộng (+) 1,87%/năm. Khoản vay này phải được hoàn trả trong 20 kỳ 6 tháng bắt đầu từ ngày 12 tháng 4 năm 2010. Khoản vay này được bảo đảm bằng bảo lãnh của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam thông qua Bộ Tài chính Việt Nam.

(v) Tổng Công ty ký các hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng BNP Paribas, một ngân hàng Pháp có đăng ký kinh doanh số 662042449 tại Phòng Đăng ký Công ty và Thương mại Paris vào ngày 21 tháng 10 năm 2004 và ngày 28 tháng 3 năm 2005 với tổng giá trị các khoản vay là 60.858.000 EURO. Khoản vay này chịu lãi suất là EURIBOR cộng (+) 0,325%/năm. Khoản vay này phải được hoàn trả trong 20 kỳ 6 tháng bắt đầu từ ngày 26 tháng 1 năm 2007 và 30 tháng 6 năm 2008. Khoản vay này được bảo đảm bằng bảo lãnh của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam thông qua Bộ Tài chính Việt Nam.

(vi) Khoản vay này được đảm bảo bởi bảo lãnh của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam thông qua Bộ Tài chính Việt Nam. Khoản vay này chịu lãi suất là LIBOR cộng 2,35%/năm. Khoản vay này phải được hoàn trả trong 20 kỳ 6 tháng bắt đầu từ ngày 31 tháng 12 năm 2007.

(vii) Ngày 27 tháng 9 năm 2006, Tổng Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Tổng Công ty Thiết bị nặng Quốc gia Trung Quốc với số tiền 19.901.767 Đô la Mỹ. Khoản vay này chịu lãi suất là 3,78%/năm. Khoản vay này phải được hoàn trả trong 15 kỳ 6 tháng bắt đầu từ ngày 28 tháng 12 năm 2009. Khoản vay này được bảo đảm bằng bảo lãnh của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam thông qua Bộ Tài chính Việt Nam.

(viii) Khoản vay này được đảm bảo bởi bảo lãnh của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam thông qua Bộ Tài chính Việt Nam. Khoản vay này chịu lãi suất cố định là 2,05%/năm. Khoản vay này phải được hoàn trả trong 20 kỳ 6 tháng bắt đầu từ ngày 8 tháng 9 năm 2008.

(ix) Khoản này thể hiện trái phiếu do Tổng Công ty phát hành ngày 25 tháng 5 năm 2010 với kỳ hạn 2 năm. Khoản trái phiếu này có gốc bằng đồng Việt Nam với mệnh giá là 1.000.000.000 VND/trái phiếu và chịu lãi suất năm đầu là 14%/năm, lãi suất năm sau bằng bình quân lãi suất tiết kiệm cá nhân, trả sau kỳ hạn 12 tháng bằng VND được công bố tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Sở giao dịch 1), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Sở giao dịch), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (Chi nhánh Thành phố Hà Nội) và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Sở giao dịch) cộng với lãi suất biến 3,4%/năm.

Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty cổ phần Vinaconex

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quy đầu tư và phát triển	Quy dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn kinh phí sự nghiệp	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2009	1.499.851.500.000	-	(467.575.275.075)	77.119.118.815	27.542.542.434	170.190.062.910	179.082.805.746	1.486.210.754.830
Tăng trong năm	350.952.370.000	350.952.370.000	-	-	-	-	-	701.904.740.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	415.263.045.439	-	415.263.045.439
Chênh lệch tỷ giá	-	-	326.948.885	-	-	-	-	326.948.885
CLTG kết chuyển vào chi phí	-	-	467.575.275.075	-	-	-	-	467.575.275.075
Chi lương thành viên HĐQT không chuyên trách	-	-	-	-	-	(480.249.240)	-	(480.249.240)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	83.927.658.688	15.259.574.307	(114.680.735.039)	-	(15.493.502.044)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(55.524.116.100)	-	(55.524.116.100)
Nguồn kinh phí thuần nhận được trong năm từ NS Nhà nước	-	-	-	-	-	-	397.326.708.563	397.326.708.563
Tại ngày 01/01/2010	1.850.803.870.000	350.952.370.000	326.948.885	161.046.777.503	42.802.116.741	414.768.007.970	576.409.514.309	3.397.109.605.408
Tăng trong năm	1.149.196.130.000	4.152.532.000	-	-	-	-	-	1.153.348.662.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	499.097.011.561	-	499.097.011.561
CLTG tăng/(giảm) trong năm	-	-	(1.571.049.289)	-	-	-	-	(1.571.049.289)
CLTG kết chuyển vào chi phí	-	-	(56.536.537)	-	-	-	-	(56.536.537)
Chi lương thành viên HĐQT không chuyên trách	-	-	-	-	-	(929.962.530)	-	(929.962.530)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	134.705.514.628	20.763.152.272	(192.536.581.040)	-	(37.067.914.140)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(351.652.735.300)	-	(351.652.735.300)
Quyết toán với nhà nước về kinh phí nhận được	-	-	-	-	-	-	(106.674.636.240)	(106.674.636.240)
Tại ngày 31/12/2010	3.000.000.000.000	355.104.902.000	(1.300.636.941)	295.752.292.131	63.565.269.013	368.745.740.661	469.734.878.069	4.551.602.444.933

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	Năm 2009	
	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	149.985.150	1.499.851.500.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	35.095.237	350.952.370.000
Số dư cuối năm	185.080.387	1.850.803.870.000

	Năm 2010	
	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	185.080.387	1.850.803.870.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	114.919.613	1.149.196.130.000
Số dư cuối năm	300.000.000	3.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

21. CỔ TỨC

Trong năm 2010 Tổng Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức đợt 2 năm 2009 bằng tiền mặt với số tiền là 222.096.464.400 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009. Tiếp đó, Tổng Công ty đã tiến hành tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2010 theo Quyết định số 520/2010/QĐ-HĐQT với số tiền là 129.556.270.900 VND.

22. DOANH THU

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp được ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Doanh thu thuần bao gồm:

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Xây lắp	3.800.797.811.844	2.936.699.284.425
Bất động sản	953.722.124.404	749.301.653.709
Dịch vụ và khác	138.351.835.224	163.350.589.618
4.892.871.771.472	3.849.351.527.752	

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Xây lắp	3.711.995.371.491	2.870.160.160.032
Bất động sản	720.135.207.855	597.364.452.719
Dịch vụ	92.782.666.408	107.278.386.640
4.524.913.245.754	3.574.802.999.391	

Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty cổ phần Vinaconex

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	535.366.949.352	463.891.363.609
Cổ tức	135.916.391.133	75.031.073.493
Lãi chênh lệch tỷ giá	295.270.858.925	86.653.502.906
Lãi chuyển nhượng đầu tư tài chính	333.849.940.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	10.139.121.741	177.363.898.435
	1.310.543.261.151	802.939.838.443

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí lãi vay	478.143.030.189	356.842.992.979
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	101.512.829.079	127.947.737.247
Lỗ chênh lệch tỷ giá	323.642.202.309	92.325.621.693
Chi phí tài chính khác	6.287.463.621	3.895.496.272
	909.585.525.198	581.011.848.191

26. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định hữu hình	256.363.636	1.009.523.810
Lãi từ việc thanh lý các khoản đầu tư bị đánh giá giảm khi xác định giá trị doanh nghiệp	6.885.671.969	-
Thu nhập từ chuyển giao Nhà máy Xi măng Cẩm Phả	-	746.901.734.857
Kết chuyển khấu hao lũy kế Trạm nghiền Xi măng Cẩm Phả	-	21.562.324.031
Thu nhập từ chuyển giao Nhà máy Nước sạch Vinaconex	-	193.417.981.298
Lãi từ khoản đầu tư vốn vào các công ty con và liên kết bằng thương hiệu "Vinaconex"	-	5.000.000.000
Lãi từ chuyển nhượng khách sạn Holiday View	62.910.655.961	-
Giá trị định giá doanh nghiệp tăng lên theo Biên bản xác định giá trị Công ty TNHH MTV Vinaconex Dung Quất	10.452.777.554	-
Thu nhập từ chuyển giao Nhà máy Xi măng Cẩm Phả (*)	32.762.126.766	-
Thu nhập khác	2.930.612.364	739.956.642
	116.198.208.250	968.631.520.638

(*) Ngày 14 tháng 01 năm 2011, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã phê duyệt điều chỉnh bổ sung giá trị tài sản chuyển giao tại Dự án Xi măng Cẩm Phả chuyển giao sang Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả phần chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của trạm nghiền là 32.762.126.766 đồng.

27. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	3.191.920.096
Giá trị còn lại của Khách sạn Holiday View	35.482.219.293	-
Giá trị quyết toán bổ sung của Dự án nhà máy xi măng Cẩm Phả	44.063.635.399	-
Kết chuyển khoản lỗ chênh lệch tỷ giá Dự án Nhà máy Xi măng Cẩm Phả và Nhà máy nước sạch Vinaconex	-	467.575.275.075
Kết quả từ chuyển nhượng khoản đầu tư cho Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Điền	-	94.079.151.688
Chi phí khác	4.921.314.209	9.871.021.327
	84.467.168.901	574.717.368.186

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(a) Đối chiếu thuế suất hiện hành

	Hoạt động chính VND	Lãi từ chuyển nhượng BĐS VND	Lãi từ chuyển nhượng vốn VND	Lãi từ hoạt động giáo dục VND	Tổng cộng VND
Năm 2010					
Lợi nhuận trước thuế	232.329.763.817	162.538.944.183	204.560.740.997	1.876.694.935	601.306.143.932
Chênh lệch tỷ giá các khoản phải thu bằng ngoại tệ	(11.309.106.378)	-	-	-	(11.309.106.378)
	(135.916.391.133)	-	-	-	(135.916.391.133)
Cổ tức và lợi nhuận được chia từ các công ty con, công ty liên kết	(2.381.255.672)	-	-	-	(2.381.255.672)
Lợi nhuận được chia từ Hợp đồng Hợp tác kinh doanh dự án H10 Thanh Xuân	-	-	-	-	-
Thu nhập chịu thuế	82.723.010.634	162.538.944.183	204.560.740.997	1.876.694.935	451.699.390.749
Thuế suất thông thường	25%	25%	25%	10%	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.680.752.659	40.634.736.046	51.140.185.249	187.669.494	112.643.343.448
Thuế suất hiện hành	12,5%	25%	25%	5%	
Ảnh hưởng của việc được miễn/giảm thuế	10.340.376.329	-	-	93.834.748	10.434.211.077
	10.340.376.330	40.634.736.046	51.140.185.249	93.834.746	102.209.132.371

(b) Thuế suất áp dụng

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho Nhà nước theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế. Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập trong 2 năm (2007 và 2008) và giảm thuế 50% thuế thu nhập cho 3 năm tiếp theo (từ 2009 đến 2011).

Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty cổ phần Vinaconex

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trong năm là 499.097.011.561 VND (năm 2009: 415.263.045.439 VND) và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 204.233.656 (năm 2009: 179.231.181), được thực hiện như sau:

(i) **Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông**

	Năm kết thúc ngày 31/12/2010 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2009 VND
Lợi nhuận thuần trong năm phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	499.097.011.561	415.263.045.439

(ii) **Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành**

	Năm kết thúc ngày 31/12/2010 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2009 VND
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	204.233.656	179.231.181
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.444	2.317

30. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Theo Thông báo số 19/TB-VPCP ngày 23 tháng 02 năm 2011 của Văn phòng Chính phủ về việc thông báo “Ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Sinh Hùng tại cuộc họp về xử lý tài chính sau thanh tra việc cổ phần hóa Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam”. Phó Thủ tướng Nguyễn Sinh Hùng có ý kiến kết luận một số vấn đề như sau:

- Khoản tiền lãi do sử dụng các khoản tiền chưa nộp: Vinaconex không phải nộp tiền lãi do sử dụng các khoản tiền chưa nộp.
- Giao Bộ Tài chính ban hành quyết định thu nộp ngân sách Nhà nước giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích 5.562 m² đất lưu không mà Vinaconex xây dựng các nhà nổi tại khu đô thị Trung Hòa – Nhân Chính. Vấn đề này Vinaconex đang giải trình, làm việc với Bộ Tài chính và sẽ trình Thủ tướng Chính phủ để có quyết định cuối cùng.
- Giao Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Thanh tra Chính phủ, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan xác định thời điểm phát sinh giá trị quyền phát triển Khu đô thị Bắc An Khánh để xử lý theo đúng quy định của Pháp luật.
- Giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Thanh tra Chính phủ, Bộ Xây dựng và các cơ quan liên quan kiểm tra, xử lý theo đúng quy định của pháp luật khoản giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích Vinaconex được giao thực hiện dự án khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính và giá trị tầng 1 các chung cư cao tầng khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.
- Giao UBND thành phố Hà Nội trao đổi với các cơ quan liên quan để xử lý đúng quy định đối với khoản tiền Vinaconex thu từ việc chuyển nhượng diện tích 12.996 m² tầng 1 các nhà chung cư cao tầng khu đô thị Trung hòa - Nhân chính.
- Giao Bộ Tài chính xử lý theo đúng quy định của pháp luật đối với khoản tiền do Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Vinaconex không thu của các cổ đông khác khi được Vinaconex bù đắp các khoản lỗ và khoản tiền do các cổ đông là thể nhân và pháp nhân khác chưa nộp khi ghi tăng vốn điều lệ.

30. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG (Tiếp theo)

Phó Thủ tướng Chính phủ cũng giao Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Thanh tra Chính phủ, UBND Thành phố Hà Nội và các đơn vị liên quan thực hiện các ý kiến kết luận nêu trên và báo cáo Thủ tướng trong tháng 4 năm 2011.

Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc, giải trình với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc thực hiện các ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ. Báo cáo tài chính chưa bao gồm bất cứ khoản điều chỉnh nào liên quan đến các vấn đề nêu trên.

31. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Theo Hợp đồng liên doanh ký trong năm 2009 giữa Công ty Sonakali International Limited, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương và Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam thỏa thuận thành lập Công ty TNHH Sonakali Việt Nam, vốn điều lệ của Công ty liên doanh là 350 tỷ VND, trong đó Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam cam kết góp 20% vốn điều lệ tương đương 70 tỷ VND bằng một phần chi phí Khu đất HH, Khu đô thị Đông Nam đường Trần Duy Hưng.

Theo Quyết định số 900/2009/QĐ-HDQT ngày 05 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng Quản trị về việc phê duyệt góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Vinaconex - Viettel (VVHA., JSC). Vốn điều lệ 3.000 tỷ VND, trong đó, Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam góp 780 tỷ VND, tương ứng với 26% vốn điều lệ Công ty. Nguồn vốn góp của Tổng Công ty từ Quỹ phát triển sản xuất và các nguồn vốn hợp pháp khác của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty cổ phần Vinaconex

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	-	21.728.979
Công ty Cổ phần Vinaconex số 6	-	10.977.206
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	60.000.000	600.058.664
Công ty Cổ phần Vinaconex Đà Nẵng	-	65.114.104
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	-	717.101.403
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	-	920.589.734
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2	532.609.134	211.457.389
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vinaconex 45	-	353.081.454
Công ty Cổ phần Vimeco	-	94.049.763
Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	691.556.544	609.448.015
Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư xây dựng và ứng dụng công nghệ mới - R&D	85.160.454	79.443.328
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	758.529.149	662.815.527
Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	77.515.200	87.243.258
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	5.207.080.021	1.325.252.865
Công ty Cổ phần Bao bì Vinaconex	-	85.332.858
Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	1.676.748.750	748.776.141.010
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex	-	10.701.547.924
Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Vinaconex	22.881.258.902	-
Công ty TNHH Một thành viên Nước sạch Vinaconex	-	193.417.981.298
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh thương mại Vinaconex (Hà Đông)	-	83.553.884.729
Công ty CP Đầu tư&Phát triển Du lịch Vinaconex	780.837.255	-
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh nước sạch Vinaconex	427.553.775	-

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Thu nhập từ chuyển nhượng tài sản và đánh giá lại tài sản		
Công ty CP Đầu tư&Phát triển Du lịch Vinaconex	62.604.292.325	-
Công ty CP Vinaconex Dung Quất	10.502.777.554	-
	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Mua hàng hóa và dịch vụ cung cấp		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	45.324.186.464	82.462.063.363
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	127.539.394.300	113.407.424.162
Công ty Cổ phần Xây dựng số 3	6.991.222.847	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	172.074.415.274	180.673.123.850
Công ty Cổ phần Vinaconex số 6	77.550.320.113	36.303.230.871
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	1.026.997.856	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	124.176.479.923	145.037.314.373
Công ty Cổ phần Vinaconex Đà Nẵng	33.965.642.461	66.492.024.322
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	64.725.970.693	135.762.686.057
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	18.249.940.371	50.929.725.886
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	58.532.955.455	44.180.100.909
Công ty Cổ phần Xây dựng số 16	20.154.594.007	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 17	421.468.555	4.988.630.766
Công ty Cổ phần Xây dựng số 21	154.538.935.048	3.525.446.364
Công ty Cổ phần Vinaconex 25	171.916.437.851	91.915.371.787
Công ty Cổ phần VIMECO	379.075.348.007	394.802.919.308
Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	35.882.154.716	16.684.168.391
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Vinaconex	11.280.711.505	9.011.876.427
Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư xây dựng và ứng dụng công nghệ mới - R&D	1.885.550.954	3.398.518.281
Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu Quyết Thắng	86.499.435	-
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	139.180.643.072	97.997.471.470
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Đô thị Việt Nam	8.984.532.021	-
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và kinh doanh nước sạch	523.234.586	-
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển nhà và Đô thị Vinaconex	50.208.756.363	124.409.246.033
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	405.359.823.096	478.099.249.053
Công ty Cổ phần Bao bì Vinaconex	2.535.296.527	1.937.696.981
Công ty Cổ phần Phát triển thương mại Vinaconex	-	10.701.547.924
Công ty Cổ phần sàn giao dịch Bất động sản Vinaconex	4.114.868.182	-

Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty cổ phần Vinaconex

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Thu nhập cổ tức		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	7.344.000.000	1.248.083.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	7.340.475.000	21.180.728.382
Công ty Cổ phần Xây dựng số 3	7.344.000.000	1.224.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	3.570.000.000	3.570.000.000
Công ty Cổ phần Vinaconex số 6	3.060.000.000	612.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	4.284.080.000	3.825.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	13.908.960.000	1.154.658.900
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	3.570.000.000	255.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	4.131.000.000	1.677.901.214
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	7.956.000.000	1.632.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 16	414.000.000	414.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 17	-	565.231.493
Công ty Cổ phần Xây dựng số 20	-	161.098.200
Công ty Cổ phần Xây dựng số 21	1.428.000.000	892.678.500
Công ty Cổ phần Vinaconex số 25	5.100.000.000	3.060.000.000
Công ty Cổ phần VIMECO	5.011.350.000	5.011.350.000
Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	-	1.323.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vinaconex	280.500.000	807.641.000
Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng và ứng dụng công nghệ mới	229.500.000	229.500.000
Công ty Cổ phần Xây dựng & Xuất nhập khẩu Quyết Thắng	-	739.200.000
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	7.650.000.000	7.650.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Lương Sơn - Hòa Bình	660.000.000	770.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Đô thị Việt Nam	562.500.000	486.855.383
Công ty Cổ phần Siêu thị và Xuất nhập khẩu Thương mại Việt Nam		765.000.000
Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex	530.400.000	2.937.600.000
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển nhà và Đô thị Vinaconex	2.780.562.000	1.187.261.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	6.693.750.000	6.120.000.000
Công ty Cổ phần XD Công trình ngầm VINA VICO	2.700.000.000	2.700.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư & thương mại Vinaconex UPGC	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần đá ốp lát cao cấp Vinaconex	24.190.516.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	1.141.896.000	1.141.896.000
Công ty Cổ phần Ống sợi thủy tinh Vinaconex	225.000.000	193.333.333
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Vinaconex Hoàng Thành	3.750.000.000	-

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Các khoản phải thu		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	424.037.606	862.234.606
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	94.600.220.607	43.758.068.012
Công ty Cổ phần Xây dựng số 3	6.420.201.868	3.700.000.000
Công ty Xây dựng số 4	92.343.662.167	81.962.541.840
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	38.002.978.313	10.928.246.871
Công ty Cổ phần Vinaconex số 6	12.668.294.342	5.400.792.048
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	10.500.000.000	3.168.033.167
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	91.733.960.155	43.051.600.915
Công ty Cổ phần Vinaconex Đà Nẵng	15.299.973.648	9.292.705.036
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	35.850.234.935	2.859.485.516
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	66.055.774.968	53.096.649.487
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	828.755.812	12.703.833.781
Công ty Cổ phần Xây dựng số 16	21.884.449.631	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 17	3.040.685.458	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 21	3.302.521.803	14.648.499.803
Công ty Cổ phần Vinaconex số 25	2.347.450.138	-
Công ty Cổ phần Vinaconex 27	30.156.195.288	25.156.607.288
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện miền Bắc 2	44.281.297.447	2.475.120.079
Công ty Cổ phần VIMECO	215.235.358.422	70.951.290.416
Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	11.764.151.450	12.892.495.346
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vinaconex	-	561.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu Quyết Thắng	29.786.393.589	27.318.212.967
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	655.443.000	29.180.000
Công ty Cổ phần Xi măng Vinaconex Lương Sơn Hòa Bình	660.000.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	353.887.959.463	397.846.836.404
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh nước sạch - VIWACO	890.208.645	9.687.946.752
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex - ITC	5.575.355.062	402.806.882
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển nhà và Đô thị Vinaconex	-	21.844.244.397
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	30.381.711.427	53.538.334.394
Công ty CP Đầu tư Thương mại Vinaconex Thanh Hóa	53.639.496.386	60.579.617.887
Công ty Cổ phần Bao bì Vinaconex	-	1.827.815.282
Công ty Cổ phần đá trắng Yên Bình	94.143.014	17.710.854
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex	40.198.526.533	47.779.159.468
Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	4.457.765.000.923	4.175.074.421.466
Công ty Cổ phần nước sạch Vinaconex	371.326.417.760	1.114.522.661.135
Công ty Cổ phần Vinaconex Dung Quất	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Vật tư ngành nước	18.230.873.000	-

Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty cổ phần Vinaconex

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Các khoản phải trả		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	19.327.159.083	17.793.416.752
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	8.720.706.255	7.153.165.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 3	199.880.600	1.663.186.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	54.633.622.568	13.836.940.483
Công ty Cổ phần Vinaconex 6	13.201.218.785	8.054.597.331
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	8.517.809.861	14.490.612.335
Công ty Cổ phần Vinaconex Đà Nẵng	5.617.755.768	8.178.230.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	15.226.184.316	81.568.961.915
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	4.833.256.748	21.512.700.133
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	24.110.712.293	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 16	300.082.310	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 17	-	28.021.842
Công ty Cổ phần Xây dựng số 21	13.570.135.845	6.091.073.085
Công ty Cổ phần Vinaconex 25	-	12.163.256.295
Công ty Cổ phần VIMECO	40.488.522.402	46.312.338.281
Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	-	593.779.387
Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Vinaconex	3.180.900.979	3.179.805.835
Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng và ứng dụng công nghệ mới - R & D	249.575.175	1.718.672.225
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	37.313.725.753	5.338.375.159
Công ty Cổ phần đầu tư và dịch vụ đô thị Việt Nam - VINASINCO	5.823.073.941	343.220.268
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và kinh doanh nước sạch - VIWACO	189.117.529	1.180.880.000
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển nhà và Đô thị Vinaconex	5.687.538.603	161.523.710
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	463.721.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	78.367.207.582	81.959.082.708
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex	67.222.459.588	116.844.459.588
Công ty Cổ phần Sàn giao dịch Bất động sản Vinaconex	627.593.715	-
Vay ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	-	24.000.000.000
Vay dài hạn		
Công ty CP Đầu tư và Phát triển đô thị Vinaconex Hoàng Thành	-	30.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	-	3.989.946.143

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Là số liệu báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán.



Nguyễn Thành Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2011

Nguyễn Quốc Hòa
Kế toán trưởng

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	109
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	111
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	113
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	116
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	117
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	119

Báo cáo tài chính hợp nhất của Vinaconex

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch
Ông Hoàng Nguyên Học	Thành viên
Ông Nguyễn Thành Phương	Thành viên
Ông Trịnh Hoàng Duy	Thành viên
Ông Tô Ngọc Thành	Thành viên
Ông Hoàng Anh Xuân	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Thiệu Quang	Thành viên
Ông Phan Minh Tuấn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thành Phương	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Thiết	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Châu Phong	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Quý Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Tường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Điệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vương Công San	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Vinaconex

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thành Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”), từ trang 5 đến 42. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý:

- Chúng tôi xin lưu ý tới Thuyết minh số 30 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại Thông báo số 19/TB-VPCP ngày 23 tháng 02 năm 2011 của Văn phòng Chính phủ thông báo “Ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ về xử lý tài chính sau thanh tra việc cổ phần hóa Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam” có đề cập một số vấn đề đã được nêu trong báo cáo của Thanh tra Chính phủ. Ý kiến kết luận về các vấn đề này có thể làm phát sinh các khoản công nợ tiềm tàng của Tổng Công ty. Hiện tại, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc, giải trình với các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền về các nội dung liên quan đến ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ. Chi tiết của các vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 30 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - Công nợ tiềm tàng. Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào liên quan đến các vấn đề nêu trên.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Vinaconex

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (Tiếp theo)

Chúng tôi xin lưu ý (Tiếp theo):

- Như trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”). Thông tư 201 quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Ảnh hưởng của việc Tổng Công ty áp dụng Thông tư 201 đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày tại Thuyết minh số 4.



Đặng Chí Dũng
 Phó Tổng Giám đốc
 Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2011

Vũ Mai Hương
 Kiểm toán viên
 Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0897/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN/HN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		17.440.794.658.878	14.263.707.062.491
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.927.852.392.783	2.503.043.407.719
1. Tiền	111		1.197.742.449.391	1.478.781.724.386
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.730.109.943.392	1.024.261.683.333
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	220.191.695.390	177.535.863.867
1. Đầu tư ngắn hạn	121		231.820.808.371	181.074.783.287
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(11.629.112.981)	(3.538.919.420)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.696.126.997.875	5.129.082.206.315
1. Phải thu khách hàng	131		4.462.297.513.238	2.827.575.339.399
2. Trả trước cho người bán	132		1.868.876.335.870	1.937.757.999.426
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		2.722.032.046	968.449.791
4. Các khoản phải thu khác	135	7	437.735.977.420	418.426.714.519
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(75.504.860.699)	(55.646.296.820)
IV. Hàng tồn kho	140	8	6.709.969.685.584	5.662.220.503.648
1. Hàng tồn kho	141		6.727.361.253.190	5.672.336.944.826
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(17.391.567.606)	(10.116.441.178)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		886.653.887.246	791.825.080.942
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		64.717.702.854	27.571.258.702
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		114.098.324.886	46.507.872.716
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		63.596.046.765	42.606.855.915
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	644.241.812.741	675.139.093.609

Báo cáo tài chính hợp nhất của Vinaconex

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN/HN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260+270)	200		14.246.094.516.191	12.917.450.544.320
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		52.652.551.181	168.765.085.978
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		2.295.609.138	1.234.904.780
2. Phải thu dài hạn khác	218		51.225.309.779	168.069.769.367
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(868.367.736)	(539.588.169)
II. Tài sản cố định	220		11.118.629.175.823	10.284.662.461.691
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	9.019.216.567.739	8.810.517.520.903
- Nguyên giá	222		11.019.402.128.800	10.347.211.887.407
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.000.185.561.061)	(1.536.694.366.504)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	11	65.566.280.551	83.771.638.894
- Nguyên giá	225		86.515.273.370	97.122.165.468
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(20.948.992.819)	(13.350.526.574)
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	58.894.662.424	49.473.408.640
- Nguyên giá	228		64.932.574.758	54.603.102.615
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.037.912.334)	(5.129.693.975)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	1.974.951.665.109	1.340.899.893.254
III. Bất động sản đầu tư	240	14	753.656.769.717	284.554.162.790
- Nguyên giá	241		846.728.725.601	339.127.998.151
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(93.071.955.884)	(54.573.835.361)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.731.567.725.181	1.688.718.905.830
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	15	1.207.346.527.056	1.396.695.953.630
2. Đầu tư dài hạn khác	258	16	541.544.490.154	302.984.837.694
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	16	(17.323.292.029)	(10.961.885.494)
V. Lợi thế thương mại	260		7.045.074.832	332.053.854
VI. Tài sản dài hạn khác	270		582.543.219.457	490.417.874.177
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	17	282.390.648.184	210.159.058.207
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		286.376.799.570	275.709.948.977
3. Tài sản dài hạn khác	278		13.775.771.703	4.548.866.993
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280=100+200)	280		31.686.889.175.069	27.181.157.606.811

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN/HN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		26.169.541.470.495	22.794.855.289.587
I. Nợ ngắn hạn	310		15.144.898.171.971	13.199.072.252.303
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	18	4.350.084.623.285	3.553.524.570.737
2. Phải trả người bán	312		2.516.842.576.600	2.216.987.609.056
3. Người mua trả tiền trước	313		4.987.577.658.456	4.076.681.543.540
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	437.221.011.586	429.933.824.148
5. Phải trả người lao động	315		250.978.833.355	201.214.497.191
6. Chi phí phải trả	316		980.569.761.883	708.079.754.326
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	1.573.755.631.198	1.977.073.964.226
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		1.739.385.557	1.660.855.665
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		46.128.690.051	33.915.633.414
II. Nợ dài hạn	330		11.024.643.298.524	9.595.783.037.284
1. Phải trả dài hạn người bán	331		103.988.414.637	111.030.753.016
2. Phải trả dài hạn khác	333		105.414.774.675	463.397.017.655
3. Vay và nợ dài hạn	334	21	9.130.431.005.851	7.632.310.221.036
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	2.668.854.542
5. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		9.650.522.732	8.847.354.088
6. Dự phòng phải trả dài hạn	337		5.702.722.382	7.326.823.293
7. Doanh thu chưa thực hiện	338		1.669.455.858.247	1.370.202.013.654
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		3.610.545.044.690	2.889.430.629.457
I. Vốn chủ sở hữu	410		3.140.786.190.521	2.313.021.115.148
1. Vốn điều lệ	411	22	3.000.000.000.000	1.850.803.870.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	22	355.104.902.000	350.952.370.000
3. Vốn khác của các cổ đông	413	22	954.773.367	269.453.601
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	22	(254.984.742.303)	(119.682.444.292)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417	22	424.136.824.515	243.025.106.060
6. Quỹ dự phòng tài chính	418	22	85.579.674.641	59.594.490.524
7. Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	419	22	1.315.475.876	994.863.116
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	22	(471.320.717.575)	(72.936.593.861)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		469.758.854.169	576.409.514.309
1. Nguồn kinh phí	432		469.758.854.169	576.409.514.309
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		1.906.802.659.884	1.496.871.687.767
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		31.686.889.175.069	27.181.157.606.811



Nguyễn Thành Phương
 Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2011

(Signature)

Nguyễn Quốc Hòa
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Vinaconex

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010	Năm 2009
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của các cổ đông	31	572.142.112.000	1.315.663.009.126
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	10.272.678.441.969	6.522.364.283.747
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(8.604.018.360.017)	(6.144.298.436.919)
4. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(120.229.976)	(10.121.388.846)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho các cổ đông	36	(351.652.735.300)	(250.167.975.418)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.889.029.228.676	1.433.439.491.690
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	424.762.344.673	1.206.463.280.856
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.503.043.407.719	1.296.580.126.863
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	46.640.391	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	2.927.852.392.783	2.503.043.407.719

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền dùng để mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số tiền 372.360 triệu VND, là số tiền dùng để mua thêm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán và bao gồm số tiền 194.158 triệu VND, là số phải trả cho tài sản cố định mua trong năm trước và được thanh toán trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của các cổ đông trong năm không bao gồm số tiền 581.206 triệu VND, là số tiền không thực góp bằng tiền trong năm nay mà được bù trừ từ khoản mục phải trả, phải nộp ngắn hạn khác. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Nguyễn Thành Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

Nguyễn Quốc Hòa
Kế toán trưởng

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty"), trước đây là Tổng Công ty Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 992/BXD-TCLĐ ngày 20 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Ngày 18 tháng 3 năm 2005, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 56/2005/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án thí điểm cổ phần hóa Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam. Hoạt động của Tổng Công ty với tư cách là một Tổng Công ty cổ phần đã được đăng ký lại với Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014768 ngày 01 tháng 12 năm 2006, và sửa đổi lần 5 ngày 27 tháng 01 năm 2011, Tổng Công ty có mã số doanh nghiệp là 0100105616.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty bao gồm Công ty mẹ và 43 công ty con. Quyền biểu quyết của Công ty mẹ tại các công ty con tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty mẹ tại các công ty con. Chi tiết các công ty con và tỷ lệ góp vốn của Công ty mẹ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của các công ty con như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ (%)	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	55%	55%	Xây dựng và đầu tư kinh doanh BDS
2	Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	51%	51%	Xây dựng và đầu tư kinh doanh BDS
3	Công ty Cổ phần Xây dựng số 3	51%	51%	Xây dựng và đầu tư kinh doanh BDS
4	Công ty Xây dựng số 4	100%	100%	Xây dựng và đầu tư kinh doanh BDS
5	Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	51%	51%	Xây dựng và đầu tư kinh doanh BDS
6	Công ty Cổ phần Vinaconex 6	51%	51%	Xây dựng và đầu tư kinh doanh BDS
7	Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	51%	51%	Xây dựng và đầu tư kinh doanh BDS
8	Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	54%	54%	Xây dựng và đầu tư kinh doanh BDS
9	Công ty Cổ phần Vinaconex Đà Nẵng	74%	74%	Xây dựng và đầu tư kinh doanh BDS
10	Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	51%	51%	Xây dựng và đầu tư kinh doanh BDS
11	Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	53%	53%	Xây dựng và đầu tư kinh doanh BDS
12	Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	51%	51%	Xây dựng và đầu tư kinh doanh BDS
13	Công ty Cổ phần Xây dựng số 17	82%	82%	Xây dựng và đầu tư kinh doanh BDS
14	Công ty Cổ phần Xây dựng số 21	60%	60%	Xây dựng và đầu tư kinh doanh BDS
15	Công ty Cổ phần Vinaconex 25	53%	53%	Xây dựng và đầu tư kinh doanh BDS
16	Công ty Cổ phần Vinaconex 27	86%	76%	Xây dựng và đầu tư kinh doanh BDS
17	Công ty Cổ phần Vinaconex Dung Quất	100%	100%	Sản xuất công nghiệp
18	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển điện Miền Bắc 2	60%	57%	Sản xuất công nghiệp
19	Công ty Cổ phần VIMECO	51%	51%	Xây dựng và đầu tư kinh doanh BDS
20	Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	66%	66%	Xây dựng và đầu tư kinh doanh BDS
21	Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Vinaconex (VINACONSULT) Công ty Cổ phần Tư Vấn, Đầu tư xây dựng và Ứng dụng công nghệ	51%	51%	Xây dựng và đầu tư kinh doanh BDS
22	mới (R&D)	51%	51%	Tư vấn thiết kế
23	Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu Quyết Thắng	57%	57%	Xây dựng và Tư vấn thiết kế
24	Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	67%	67%	Đầu tư kinh doanh bất động sản
25	Công ty Cổ phần Xi măng VINACONEX Lương Sơn - Hòa Bình	55%	55%	Sản xuất công nghiệp
26	Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	61%	56%	Sản xuất công nghiệp
27	Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Đô thị Việt Nam	95%	86%	Thương mại dịch vụ
28	Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Kinh doanh nước sạch	60%	60%	Kinh doanh nước sạch
29	Công ty Cổ phần Siêu thị và XNK Thương mại Việt Nam	52%	52%	Thương mại dịch vụ

Báo cáo tài chính hợp nhất của Vinaconex

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Hình thức sở hữu vốn (Tiếp theo)

STT	Tên Công ty	Phần vốn góp (%)	Phần vốn góp (%)	Kinh doanh
30	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển du lịch Vinaconex (ITC)	53%	53%	Kinh doanh bất động sản và Thương mại dịch vụ
31	Công ty Cổ phần ĐTPT nhà và đô thị Vinaconex (VINAHUD)	70%	70%	Thương mại dịch vụ
32	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex (E&C)	51%	51%	Xây dựng và đầu tư kinh doanh BDS
33	Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Vinaconex Thanh Hóa	64%	63%	Xây dựng và đầu tư kinh doanh BDS
34	Công ty Cổ phần Bao bì Vinaconex	50%	34%	Sản xuất công nghiệp
35	Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	100%	100%	Sản xuất công nghiệp
36	Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex	55%	55%	Thương mại dịch vụ
37	Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex	51%	51%	Sản xuất công nghiệp
38	Công ty Cổ phần Đá trắng Yên Bình	66%	59%	Sản xuất công nghiệp
39	Công ty CP đầu tư và kinh doanh Thương mại Vinaconex (Hà Đông)	69%	62%	Thương mại dịch vụ
40	Công ty Cổ phần Vật tư ngành nước	94%	57%	Thương mại dịch vụ
41	Công ty Cổ phần Sản xuất dịch vụ bất động sản Vinaconex	94%	72%	Dịch vụ và kinh doanh BDS
42	Công ty Cổ phần Vận tải Vinaconex (*)	59%	59%	Thương mại dịch vụ
43	Công ty Cổ phần Xây dựng số 16	52%	52%	Xây dựng và đầu tư kinh doanh BDS

(*) Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam có được quyền kiểm soát tại công ty này thông qua quyền kiểm soát gián tiếp từ các công ty con và báo cáo tài chính của công ty trên được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất này.

Lĩnh vực hoạt động của Tổng Công ty

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình thủy điện, nhiệt điện, phong điện, điện nguyên tử, đường dây và trạm biến thế điện đến 500KV;
- Các công trình hạ tầng kỹ thuật, xã hội khu đô thị, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, công trình ngầm, các công trình văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí, công trình du lịch, khách sạn và các loại công trình công cộng khác;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Sản xuất kinh doanh điện thương phẩm;
- Khai thác sản xuất kinh doanh nước sạch, các sản phẩm phục vụ cho xử lý nước thải, chất thải, bảo vệ môi trường;
- Khai thác, sản xuất chế biến, kinh doanh các loại cấu kiện và vật liệu xây dựng bao gồm đá, cát, sỏi, gạch, ngói, xi măng, kính, tấm lợp, nhựa đường, các loại cấu kiện bê tông, đá nhân tạo và các loại vật liệu xây dựng khác;
- Khai thác, chế biến khoáng sản (trừ các loại khoáng sản nhà nước cấm);
- Đầu tư kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, siêu thị và các loại hình du lịch (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán bar, vũ trường...);
- Quản lý và vận hành các trung tâm thương mại, siêu thị, các khu đô thị, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, dây chuyền công nghệ tự động hóa, phương tiện vận tải, xe gắn máy, hàng tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng nông lâm thủy sản;
- Kinh doanh dịch vụ giao nhận vận chuyển hàng hóa các loại cấu kiện siêu trường, siêu trọng;
- Kinh doanh dịch vụ mua bán rượu, bia, thuốc lá;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nước giải khát, bánh kẹo, hàng công nghệ phẩm, mỹ phẩm và quà lưu niệm (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, quán bar, vũ trường);
- Đại lý bán lẻ xăng dầu;
- Hoạt động xuất khẩu lao động;

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Lĩnh vực hoạt động của Tổng Công ty (Tiếp theo)

- Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, thiết kế quy hoạch đô thị;
- Thiết kế hạ tầng cấp thoát nước đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế cấp thoát nước đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình xử lý chất thải rắn;
- Khảo sát trắc địa công trình;
- Thiết kế hạ tầng giao thông, san nền, thoát nước công trình xây dựng;
- Thiết kế điện công trình dân dụng, công nghiệp; tư vấn đầu tư và xây dựng (chỉ thiết kế trong phạm vi các thiết kế đã đăng ký kinh doanh);
- Lập và thẩm định dự án đầu tư;
- Tư vấn đầu thầu và quản lý dự án;
- Tư vấn thiết bị công nghệ mới và thiết bị tự động hóa;
- Đầu tư góp vốn thành lập mới các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn;
- Đầu tư góp vốn vào các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn đang hoạt động;
- Đầu tư kinh doanh cổ phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu và các loại chứng chỉ có giá; đầu tư thành lập các doanh nghiệp liên doanh có 100% vốn của Tổng Công ty cổ phần hoạt động tại nước ngoài;
- Nhận thầu xây lắp các loại hình công trình tại nước ngoài;
- Thực hiện các dịch vụ cung cấp, lắp đặt, sửa chữa, bảo hành điều hòa không khí, điện lạnh, thiết bị phòng chống cháy nổ, thang máy;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Đại lý bán vé máy bay cho các hãng trong và ngoài nước;
- Dệt may công nghiệp;
- Dịch vụ mua bán và chế biến hàng nông lâm sản (trừ các loại gỗ Nhà nước cấm);
- Trồng, chăm sóc, tu bổ, bảo quản rừng, trồng cây công nghiệp và chăn nuôi gia súc, gia cầm;
- Khai thác và sản xuất kinh doanh nước uống tinh khiết;
- Kinh doanh khai thác cầu cảng, bốc xếp hàng hóa thủy, bộ và cho thuê kho bãi;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường sông và đường biển; và
- Tổ chức các hoạt động giáo dục, đào tạo từ bậc mầm non đến bậc trung học phổ thông, giáo dục đào tạo hướng nghiệp, đào tạo ngoại ngữ và tư vấn du học (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép).

Báo cáo tài chính hợp nhất của Vinaconex

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Tổng Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Tổng Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Vinaconex

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì chi phí này đã được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>2010</u> Số năm	<u>2009</u> Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	7 - 25	7 - 25
Máy móc thiết bị	3 - 20	3 - 12
Phương tiện vận tải	6 - 10	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 10	3 - 8

Trong năm, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá lại và thay đổi thời gian sử dụng hữu ích của các tài sản cố định. Thời gian khấu hao mới này phù hợp với quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 về việc hướng dẫn chế độ quản lý và trích khấu hao tài sản cố định. Việc thay đổi này làm cho chi phí khấu hao năm 2010 giảm so với năm 2009 với số tiền khoảng 93,8 tỷ VND, theo đó làm cho khoản mục Lợi nhuận kế toán trước thuế phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty trong năm 2010 tăng lên với số tiền tương ứng.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 44
Máy móc, thiết bị	2 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10

Báo cáo tài chính hợp nhất của Vinaconex

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không trích khấu hao.

Bảng sáng chế và thương hiệu

Bảng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính và phần mềm hệ thống giám sát mạng lưới từ xa được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 8 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	2010
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	7 - 25
Quyền sử dụng đất	7 - 25

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Tổng Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí thuê đất trả trước

Chi phí thuê đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

Lợi thế thương mại và thương hiệu

Lợi thế thương mại và thương hiệu phản ánh giá trị của lợi thế thương mại và thương hiệu "Vinaconex" do Tổng Công ty tạo ra trong nội bộ từ ngày thành lập đến ngày đánh giá lại Tổng Công ty. Giá trị của lợi thế thương mại và thương hiệu được xác định là một phần giá trị đánh giá lại của Tổng Công ty cho mục đích cổ phần hóa theo Thông tư số 126/2004/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 12 năm 2004. Lợi thế thương mại và thương hiệu được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm kể từ ngày ghi nhận ban đầu.

Phí bảo lãnh phát hành trái phiếu

Phí bảo lãnh phát hành trái phiếu thể hiện phí bảo lãnh phát hành trái phiếu đã trả và phải trả cho Ngân hàng liên quan đến việc phát hành trái phiếu dài hạn. Phí bảo lãnh phát hành trái phiếu được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 đến 3 năm kể từ ngày phát hành.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Vinaconex

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Đối với bất động sản mà Tổng Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến bất động sản đã được chuyển giao sang người mua. Đối với bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất mà theo đó Tổng Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án bất động sản và người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường, doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành của công việc xây dựng vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá vốn của bất động sản bán trước khi xây dựng hoàn tất được xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh cho xây dựng, đất đai và chi phí xây dựng ước tính để hoàn tất dự án bất động sản. Chi phí ước tính để xây dựng bất động sản được trích trước và các khoản chi thực tế sẽ được ghi giảm vào tài khoản chi phí phải trả này.

Doanh thu trợ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất khi có Quyết định phê duyệt chính thức cấp kinh phí trợ cấp của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại chưa ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và được phân bổ vào chi phí tối đa không quá 5 năm.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo VAS 10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC làm lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 tăng khoảng 254,9 tỷ VND (năm 2009: tăng khoảng 119,6 tỷ VND) và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 sẽ giảm một khoản tương ứng so với áp dụng theo VAS10.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Vinaconex

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập tiền lãi từ các quỹ đầu tư và các khoản cho vay, thu nhập cổ tức, thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và lãi chênh lệch tỷ giá. Thu nhập tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh, sử dụng phương pháp lãi suất thực tế. Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào ngày mà quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty được thiết lập. Doanh thu từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi các rủi ro và lợi ích chủ yếu gắn với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Các rủi ro và lợi ích chủ yếu gắn với quyền sở hữu được chuyển giao phụ thuộc vào việc hoàn thành giao dịch kinh doanh (đối với chứng khoán niêm yết) hoặc việc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với các chứng khoán chưa niêm yết).

Chi phí tài chính bao gồm chi phí tiền lãi từ các khoản vay và lỗ chênh lệch tỷ giá. Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh theo phương pháp lãi suất thực tế, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình dù điều kiện thì khi đó chi phí vay phát sinh trong quá trình xây dựng sẽ được vốn hóa vào nguyên giá các tài sản cố định liên quan.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính mục nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty có khoản lỗ lũy kế có thể bù trừ với lợi nhuận chịu thuế trong vòng 5 năm tiếp theo. Tuy nhiên, Tổng Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại do không chắc chắn về lợi nhuận trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ đông phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Tiền mặt	45.403.333.079	50.185.069.067
Tiền gửi ngân hàng	1.152.299.116.312	1.423.212.566.319
Tiền đang chuyển	40.000.000	5.384.089.000
Các khoản tương đương tiền (i)	1.730.109.943.392	1.024.261.683.333
	<u>2.927.852.392.783</u>	<u>2.503.043.407.719</u>

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	175.430.464.467	95.186.623.167
Cho vay ngắn hạn	16.800.000.000	59.000.000.000
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	39.590.343.904	26.888.160.120
	<u>231.820.808.371</u>	<u>181.074.783.287</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(11.629.112.981)	(3.538.919.420)
	<u>220.191.695.390</u>	<u>177.535.863.867</u>

(i) Tổng Công ty có các khoản tiền gửi tiết kiệm, kỳ hạn dưới một năm tại các Ngân hàng Thương mại.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Vinaconex

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Phải thu từ các đội xây dựng	71.859.514.332	207.757.407.141
Cho vay ngắn hạn	1.700.000.000	53.951.565.000
Phải thu tiền tạm ứng thực hiện dự án, tạm ứng khác	50.252.748.504	50.314.613.333
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	7.240.421.400	12.233.359.829
Phải thu tiền tạm ứng cổ tức cho cổ đông	-	8.700.000.000
Phải thu lãi tiền gửi	26.394.955.554	4.508.132.127
Phải thu khác	280.288.337.630	80.961.637.089
	437.735.977.420	418.426.714.519

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Hàng mua đang đi đường	9.815.777.375	17.686.316.216
Nguyên liệu, vật liệu	306.260.522.894	247.373.004.651
Công cụ, dụng cụ	195.381.398.688	158.317.887.329
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i)	5.982.882.876.377	5.079.132.895.825
Thành phẩm	203.382.198.966	144.532.332.084
Hàng hoá	24.072.765.185	16.420.828.004
Hàng gửi đi bán	5.565.713.705	8.873.680.717
	6.727.361.253.190	5.672.336.944.826
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(17.391.567.606)	(10.116.441.178)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	6.709.969.685.584	5.662.220.503.648

(i) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang bao gồm chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của các công trình Khu nhà ở công nhân ở xã Kim Chung-Đông Anh Hà Nội, Khu nhà ở cao tầng hỗn hợp N05 Đông Nam Trần Duy Hưng, Dự án Bảo tàng Hà Nội, Khu văn phòng và Nhà ở cao cấp Vinaconex 1, Nhà CT1-CT2 chung cư Ngô Thị Nhậm và các công trình khác.

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Chi sự nghiệp (i)	92.603.482.052	122.336.102.236
Tài sản ngắn hạn khác	551.638.330.689	552.802.991.373
	644.241.812.741	675.139.093.609

(i) Tổng Công ty được Nhà nước giao thực hiện một số dự án kinh tế, chính trị, xã hội, ngoài nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh. Các dự án này được trang trải bằng nguồn kinh phí do Ngân sách Nhà nước cấp. Nguồn kinh phí nhận được từ Ngân sách Nhà nước được ghi nhận vào tài khoản Nguồn kinh phí thuộc Nguồn kinh phí và quỹ khác. Chi phí dự án phát sinh được ghi nhận vào tài khoản Chi sự nghiệp thuộc Tài sản ngắn hạn khác cho tới khi các chi phí này được quyết toán với Nhà nước. Khi đó, chi phí dự án sẽ được giảm trừ vào Nguồn kinh phí. Chi phí dự án được Nhà nước chi trả trực tiếp sẽ được ghi nhận đồng thời vào tài khoản Chi sự nghiệp và Nguồn kinh phí. Nguồn kinh phí do Nhà nước cấp không sử dụng hết sẽ phải được hoàn trả lại Ngân sách Nhà nước. Chi phí dự án còn thiếu sẽ được Ngân sách Nhà nước bồi hoàn.

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2010	4.229.173.325.234	4.618.548.401.986	572.123.382.542	927.366.777.645	10.347.211.887.407
Mua trong năm	4.111.115.328	184.592.974.188	69.535.624.351	57.007.236.741	315.246.950.608
Đầu tư XDCB hoàn thành	89.476.895.241	79.243.516.932	34.699.680.665	18.119.091	203.438.211.929
Tặng/(giảm) khác trong năm	32.652.204.108	(93.424.448.419)	201.380.620.542	12.896.702.625	153.505.078.856
Tại ngày 31/12/2010	4.355.413.539.911	4.788.960.444.687	877.739.308.100	997.288.836.102	11.019.402.128.800
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2010	296.742.995.560	955.521.935.335	233.531.186.827	50.898.248.782	1.536.694.366.504
Khấu hao trong năm	211.477.747.245	247.384.276.886	94.988.784.662	13.002.259.785	566.853.068.578
Tặng/(giảm) khác trong năm	6.351.428.126	(73.611.987.473)	(29.369.534.526)	(6.731.780.148)	(103.361.874.021)
Tại ngày 31/12/2010	514.572.170.931	1.129.294.224.748	299.150.436.963	57.168.728.419	2.000.185.561.061
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2010	3.840.841.368.980	3.659.666.219.939	578.588.871.137	940.120.107.683	9.019.216.567.739
Tại ngày 31/12/2009	3.932.430.329.674	3.663.026.466.651	338.592.195.715	876.468.528.863	8.810.517.520.903

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã thay đổi tỷ lệ khấu hao tài sản cố định hữu hình như trình bày tại Quyết định số 4. Ban Tổng Giám đốc tin rằng việc áp dụng tỷ lệ khấu hao mới sẽ phản ánh chính xác hơn hiệu suất sử dụng tài sản cố định của Tổng Công ty. Nếu tỷ lệ khấu hao trước đây được tiếp tục sử dụng, chi phí khấu hao trong năm 2010 sẽ tăng với số tiền khoảng 93,8 tỷ VND.

Tổng Công ty đã thế chấp tài sản cố định với nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 2.535.740 triệu VND (31 tháng 12 năm 2009: 639.206 triệu VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Toàn bộ giá trị còn lại của Nhà máy Xi măng Cẩm Phả và Trạm nghiền Xi măng Cẩm Phả và các hợp đồng thuê đất của Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả được dùng để làm tài sản đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng dài hạn giữa Tổng Công ty Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam và Ngân hàng thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam cho các khoản vay tài trợ cho Dự án Xi măng Cẩm Phả.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Vinaconex

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2010	3.733.226.249	13.155.646.066	80.233.293.153	97.122.165.468
Tăng trong năm	-	-	971.461.818	971.461.818
Giảm khác	(1.339.267.524)	(800.857.261)	(9.438.229.131)	(11.578.353.916)
Tại ngày 31/12/2010	2.393.958.725	12.354.788.805	71.766.525.840	86.515.273.370
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2010	504.722.619	2.802.398.333	10.043.405.622	13.350.526.574
Khấu hao trong năm	588.975.272	925.153.542	9.289.320.781	10.803.449.595
Giảm khác	(297.601.971)	(737.710.198)	(2.169.671.181)	(3.204.983.350)
Tại ngày 31/12/2010	796.095.920	2.989.841.677	17.163.055.222	20.948.992.819
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2010	1.597.862.805	9.364.947.128	54.603.470.618	65.566.280.551
Tại ngày 31/12/2009	3.228.503.630	10.353.247.733	70.189.887.531	83.771.638.894

Tài sản cố định thuê tài chính chủ yếu thể hiện:

- Hệ thống cấp nước phía Tây Nam thành phố Hà Nội theo Hợp đồng thuê tài sản số 21/HDKT-NSHN và Biên bản bàn giao tài sản ngày 25 tháng 3 năm 2009 ký với Công ty TNHH Một thành viên Nước sạch Hà Nội với tổng giá trị khoảng 93 tỷ VND, trong đó có 11 tỷ VND là tài sản góp vốn theo Biên bản góp vốn ngày 30 tháng 10 năm 2010. Thời hạn thuê của Hợp đồng thuê tài sản kể từ ngày 25 tháng 3 năm 2009 cho đến khi tài sản hết khấu hao. Số tiền thuê hàng năm phải trả bằng với giá trị khấu hao trong năm của tài sản.

- Thuê tài chính máy móc thiết bị và phương tiện vận tải khác.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2010	45.483.293.160	1.001.152.000	8.118.657.455	54.603.102.615
Tăng trong năm	12.163.952.000	35.000.000	2.657.253.900	14.856.205.900
Tăng/(giảm) trong năm	(6.854.351.883)	(988.652.000)	3.316.270.126	(4.526.733.757)
Tại ngày 31/12/2010	50.792.893.277	47.500.000	14.092.181.481	64.932.574.758
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2010	3.479.049.975	299.904.836	1.350.739.164	5.129.693.975
Khấu hao trong năm	1.055.624.510	7.242.163	1.044.670.246	2.107.536.919
Tăng/(giảm) trong năm	(990.068.923)	(290.669.436)	81.419.799	(1.199.318.560)
Tại ngày 31/12/2010	3.544.605.562	16.477.563	2.476.829.209	6.037.912.334
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2010	47.248.287.715	31.022.437	11.615.352.272	58.894.662.424
Tại ngày 31/12/2009	42.004.243.185	701.247.164	6.767.918.291	49.473.408.640

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Công trình Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát	423.307.656.445	196.392.620.815
Khu đô thị du lịch Cái Giá - Cát Bà	387.665.551.825	135.049.075.132
Công trình Khu công nghiệp Bắc Phú Cát	328.802.816.452	294.806.189.190
Công trình Trung tâm Thương mại chợ Mơ	239.747.101.982	72.347.162.862
Dự án 136 Hồ Tùng Mậu	62.616.796.081	302.820.002
Công trình Nhà máy bê tông Dự ứng lực Long An	60.741.011.695	19.575.587.775
Dự án mở đường vào khu Trung Văn	44.326.467.937	43.902.218.270
Dự án 34 Cầu Diễn	37.334.623.812	59.329.574
Công trình xây dựng trụ sở làm việc - Vinahud	35.478.571.901	3.961.522.636
Dự án cấp nước Tây Nam Hà Nội	29.866.806.454	22.236.093.721
Dự án Chung cư 19 Đại Từ	15.170.343.208	18.513.376.686
Công trình Dự án nước Định Công	8.696.186.861	3.419.538.217
Dự án khu trung tâm thương mại	6.403.787.849	18.486.567.882
Công trình Nhà máy Xi măng Cẩm Phả	-	6.726.896.151
Trụ sở Vinaconex tại 34 Láng Hạ, Hà Nội (i)	-	126.767.125.682
Văn phòng làm việc HH2-2, Mễ Trì Hạ, Hà Nội	-	121.094.401.717
Các dự án khác	294.793.942.607	257.259.366.942
	1.974.951.665.109	1.340.899.893.254

(i) Tại ngày 01 tháng 10 năm 2010, Tổng Công ty bắt đầu dừng vốn hóa lãi vay và chuyển toàn bộ chi phí dở dang còn lại của Công trình 34 Láng Hạ về tài khoản Bất động sản đầu tư và bắt đầu tính khấu hao toàn bộ tòa nhà từ ngày này. Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Tổng Công ty tại 34 Láng Hạ do Tổng Công ty làm chủ đầu tư đã hoàn thành và đưa vào khai thác sử dụng toàn bộ từ ngày 1 tháng 10 năm 2010 (theo biên bản nghiệm thu công trình ngày 30 tháng 9 năm 2010). Tuy nhiên, hiện tại dự án Trụ sở tại 34 Láng Hạ đang trong giai đoạn quyết toán vốn đầu tư hoàn thành nên Tổng Công ty đang tạm ghi tăng tài sản trên giá trị tạm tính trên cơ sở số liệu báo cáo dự kiến quyết toán của tư vấn quản lý dự án được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Vinaconex

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa và quyền sử dụng đất VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2010	237.671.000.021	9.627.543.200	91.829.454.930	339.127.998.151
Xây dựng cơ bản hoàn thành	410.011.713.003	-	97.589.014.447	507.600.727.450
Phân loại lại	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2010	647.682.713.024	9.627.543.200	189.418.469.377	846.728.725.601
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2010	39.101.723.010	1.161.308.361	14.310.803.990	54.573.835.361
Khấu hao trong năm	25.731.182.080	385.101.728	12.381.836.715	38.498.120.523
Phân loại lại	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2010	64.832.905.090	1.546.410.089	26.692.640.705	93.071.955.884
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2010	582.849.807.934	8.081.133.111	162.725.828.672	753.656.769.717
Tại ngày 31/12/2009	198.569.277.011	8.466.234.839	77.518.650.940	284.554.162.790

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại thời điểm kết thúc năm tài chính cần được trình bày. Tuy nhiên, tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty không trình bày giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có giá thị trường để đánh giá giá trị hợp lý.

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu vốn (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Hoạt động chính
Công ty Liên doanh					
1	Công ty Liên doanh TNHH phát triển đô thị mới An Khánh	Hà Nội	50,00%	50,00%	Đầu tư kinh doanh bất động sản
2	Công ty TNHH Quốc tế Liên doanh Vinaconex - Taisei	Hà Nội	29,00%	29,00%	Xây dựng, kinh doanh bất động sản
3	Công ty TNHH Vina - Sanwa	Hà Nội	40,00%	40,00%	Sản xuất công nghiệp
Công ty Liên kết					
1	Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex	Hà Nội	32,48%	32,48%	Sản xuất công nghiệp
2	Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex	Hà Nội	48,53%	46,43%	Thương mại - dịch vụ
3	Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm Vinavico	Hà Nội	30,80%	30,80%	Sản xuất công nghiệp
4	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vinaconex UPGC	Hà Nội	33,83%	29,50%	Thương mại - dịch vụ
5	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Bắc Miền Trung	Thanh Hóa	21,54%	19,79%	Sản xuất công nghiệp
6	Công ty Cổ phần Đá ốp lát cao cấp Vinaconex	Hà Nội	33,80%	33,32%	Sản xuất công nghiệp
7	Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel	Hà Nội	39,00%	36,27%	Tài chính
8	Công ty Cổ phần Ông sọt thủy tình Vinaconex	Hà Nội	43,89%	27,46%	Sản xuất công nghiệp
9	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị Vinaconex - Hoàng Thành	Hà Nội	37,50%	31,89%	Đầu tư kinh doanh bất động sản
10	Công ty Cổ phần Bê tông Xây dựng Vinaconex Cửu Long	Tp.HCM	23,00%	23,00%	Sản xuất công nghiệp
11	Công ty Cổ phần Đại dương Thăng Long	Hà Nội	20,00%	20,00%	Xây dựng, kinh doanh bất động sản

Báo cáo tài chính hợp nhất của Vinaconex

16. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán và góp vốn vào Công ty cổ phần	348.792.490.154	262.977.212.093
Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng	150.000.000.000	-
Đầu tư trái phiếu	-	5.000.000
Đầu tư dài hạn khác	42.752.000.000	40.002.625.601
	541.544.490.154	302.984.837.694
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (i)	(17.323.292.029)	(10.961.885.494)
	524.221.198.125	292.022.952.200

(i) Tổng Công ty trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 về hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Lỗi chênh lệch tỷ giá	1.507.625.034	-
Công cụ dụng cụ phân bổ	62.917.389.899	62.029.122.628
Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	5.940.896.918	33.024.871.787
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	5.856.613.707	16.653.965.833
Vật tư luân chuyển	3.969.417.553	1.322.941.893
Chi phí thành lập các công ty con	223.426.116	-
Lợi thế thương mại phát sinh do cổ phần hóa VC4	-	54.526.737.959
Khác	201.975.278.957	42.601.418.107
	282.390.648.184	210.159.058.207

18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn	3.296.779.393.581	2.579.899.027.182
- Vay tại Công ty mẹ	137.696.729.429	463.910.244.974
- Vay tại các công ty con	3.159.082.664.152	2.115.988.782.208
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	1.053.305.229.704	973.625.543.555
- Vay tại Công ty mẹ	692.222.461.131	632.584.850.973
- Vay tại các công ty con	361.082.768.573	341.040.692.582
	4.350.084.623.285	3.553.524.570.737

18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)

Chi tiết vay ngắn hạn như sau:

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Vay ngân hàng	2.663.767.114.119	2.348.965.409.417
Vay ngắn hạn cá nhân	134.635.600.257	229.145.097.216
Vay ngắn hạn khác	498.376.679.205	1.788.520.549
Vay dài hạn đến hạn trả	1.053.305.229.704	973.625.543.555
	4.350.084.623.285	3.553.524.570.737

Các khoản vay ngắn hạn từ các cá nhân không được đảm bảo và chịu lãi suất năm trong khoảng từ 0% đến 10,49%/năm (năm 2009: từ 0% đến 8%/năm).

Khoản vay bằng Đô la Mỹ được đảm bảo và chịu lãi suất cố định 5,5%/năm (năm 2009: 5,5%/năm). Khoản vay bằng VND được đảm bảo và chịu lãi suất trong khoảng từ 10,8% đến 16,56%/năm (năm 2009: 10,8% đến 16,56%/năm).

Chi tiết một số khoản vay ngắn hạn chủ yếu tại Tổng Công ty như sau:

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Nhà Hà Nội (Habubank) (i)	236.923.858.800	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây (ii)	121.093.017.271	129.866.467.722
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long (iii)	81.432.323.762	89.156.429.700
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy (iv)	53.671.731.111	78.038.036.073
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nguyễn Trãi (v)	101.549.113.065	80.837.040.107
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây (vi)	80.344.294.308	76.006.867.457
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (vii)	67.303.143.325	116.813.969.408
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây (viii)	56.279.609.651	53.051.666.352
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Láng - Hòa Lạc (ix)	59.881.956.504	59.784.085.432
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh (x)	292.267.524.180	262.197.724.651
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải - Chi nhánh Quảng Ninh (xi)	247.169.611.131	145.812.910.854
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy	-	125.529.522.184
Sở giao dịch Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	-	126.622.197.852
Sở giao dịch Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái	-	38.018.777.965
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy	-	78.038.036.073
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (VCB) - Chi nhánh Thăng Long	-	10.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	-	29.906.913.719

Báo cáo tài chính hợp nhất của Vinaconex

18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)

- (i) Ngày 1 tháng 7 năm 2010, Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 (VC2), là công ty con của Tổng Công ty, ký hợp đồng vay trung hạn với hạn mức tín dụng là 400.000 triệu VND với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội - Sở giao dịch Hà Nội (Habubank) và Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex-Viettel; trong đó Habubank là ngân hàng đầu mối, tỷ lệ cam kết cấp khoản vay của Habubank và Vinaconex - Viettel lần lượt là 87,5% và 12,5%. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 23 tháng 3 năm 2012 đến ngày 23 tháng 12 năm 2014. Khoản vay chịu lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 3%/năm và được thanh toán vào ngày 23 hàng quý. Khoản vay được sử dụng để thanh toán chi phí đền bù giải phóng mặt bằng của dự án khu đô thị mới Kim Văn - Kim Lũ và các chi phí hợp pháp khác liên quan đến dự án. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay.
- (ii) Bao gồm các khoản vay không có đảm bảo từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây dưới hình thức tín dụng thư và các khế ước vay. Khoản vay dưới hình thức tín dụng thư chịu lãi suất 5,5%/năm đối với USD và 11,8% đến 16,2% đối với VND (năm 2009: 11,8% đến 16,2%/năm), khoản vay theo khế ước chịu lãi suất điều chỉnh 3 tháng một lần của ngân hàng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo, lãi vay được trả hàng tháng.
- (iii) Bao gồm các khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long. Các tài sản đảm bảo để thực hiện hợp đồng vay bao gồm tài sản có giá trị 8.908 triệu VND theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2008/HĐTCTS-NHCTNTL đã được ký ngày 15 tháng 7 năm 2008 và giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Lãi suất tiền vay trong hạn xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 6 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long cộng thêm 3,5% nhưng không thấp hơn sàn lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long.
- (iv) Khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy với hạn mức tín dụng là 180 tỷ VND. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thế chấp và chịu lãi suất 12,96%/năm, lãi vay được trả hàng tháng.
- (v) Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 (VC9), là công ty con của Tổng Công ty, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nguyễn Trãi theo Công văn số 2688/CV-NHCT5 ngày 25 tháng 5 năm 2010 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam cho phép Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - chi nhánh Nguyễn Trãi duyệt hạn mức tín dụng là 280 tỷ VND; trong đó hạn mức tín dụng cho vay ngắn hạn là 100 tỷ VND; hạn mức tín dụng cho vay trung và dài hạn là 30 tỷ VND; hạn mức bảo lãnh là 150 tỷ VND. Lãi suất sẽ được thông báo cho từng thời kỳ. Khoản vay và bảo lãnh ngắn hạn không có tài sản đảm bảo.
- (vi) Khoản vay của Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 (VC9), là công ty con của Tổng Công ty, tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 01/2010/HĐ ngày 22 tháng 6 năm 2010 với thời hạn 6 tháng, mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động với tổng dư nợ tối đa là 120 tỷ VND (bao gồm vay, cấp bảo lãnh thanh toán, mở LC). Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, trong trường hợp có sự biến động của lãi suất thị trường vốn thì Ngân hàng được điều chỉnh lãi suất và thông báo tới VC9 và coi là phụ lục không thể tách rời của hợp đồng tín dụng này. Tài sản đảm bảo tiền vay là toàn bộ số dư tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của VC9 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây và tại các Tổ chức tín dụng khác; các khoản thu theo các Hợp đồng kinh tế được ký kết giữa VC9 và đối tác khác mà VC9 là người thụ hưởng.
- (vii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 (VC11), là công ty con của Tổng Công ty, bao gồm các hợp đồng tín dụng với thời hạn vay là 10 tháng, thời hạn rút vốn là 1 tháng với mục đích cho vay là thanh toán tiền mua vật tư và các chi phí khác để thi công xây lắp các công trình. Hình thức đảm bảo tiền vay chủ yếu là tín chấp.

18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)

- (viii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai (XMC), là công ty con của Tổng Công ty, tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây dưới hình thức tín dụng thư. Khoản tín dụng này có thể rút ra bằng VND, kỳ hạn 6 tháng và đáo hạn trong năm 2011. Khoản vay này có đảm bảo và chịu lãi suất từ 13% đến 16%/năm, lãi suất được trả hàng tháng.
- (ix) Khoản vay của Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai (XMC), là công ty con của Tổng Công ty, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Láng - Hòa Lạc dưới hình thức tín dụng thư. Khoản tín dụng này có thể rút ra bằng VND, kỳ hạn 9 tháng và đáo hạn trong năm 2011. Khoản vay này có đảm bảo và chịu lãi suất từ 12% đến 16,5%/năm, lãi suất được trả hàng tháng.
- (x) Phản ánh khoản vay tín dụng ngắn hạn của Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả, là công ty con của Tổng Công ty, từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh với hạn mức là 400 tỷ VND. Lãi suất áp dụng theo từng thời kỳ và được quy định tại từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể. Khoản vay được bảo lãnh bởi Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam theo Hợp đồng bảo lãnh số 03/2009-HĐ ngày 12 tháng 8 năm 2009.
- (xi) Phản ánh khoản vay tín dụng ngắn hạn của Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả, là công ty con của Tổng Công ty, từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh với hạn mức tín dụng là 250 tỷ VND. Lãi suất áp dụng theo các khế ước nhận nợ từng lần và lãi suất thả nổi điều chỉnh 3 tháng một lần theo thông báo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải. Khoản vay được đảm bảo bằng hàng tồn kho của Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả với tổng giá trị xác định là 200 tỷ VND theo biên bản định giá ngày 6 tháng 9 năm 2010, quyền đòi nợ các khoản phải thu của Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả.

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	227.069.805.355	188.073.022.804
Thuế xuất nhập khẩu	261.945.840	142.533.178
Thuế thu nhập doanh nghiệp	169.149.870.364	210.333.692.983
Thuế thu nhập cá nhân	9.674.765.294	3.016.780.171
Thuế tài nguyên	4.030.359.414	1.479.610.875
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	3.145.372.889	639.392.502
Các loại thuế khác	23.888.892.430	26.248.791.635
	437.221.011.586	429.933.824.148

Báo cáo tài chính hợp nhất của Vinaconex

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Doanh thu chưa thực hiện	-	-
Nhận trước tiền tạm ứng mua cổ phần của cổ đông chiến lược	-	758.455.400.000
Phải trả các đội xây dựng	364.674.914.484	510.702.415.740
Phải trả Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương và Công ty TNHH VNT (i)	570.000.000.000	400.000.000.000
Đặt cọc	28.339.553.052	62.616.000.000
Kinh phí bảo trì nhà chung cư (ii)	116.028.301.892	43.061.473.550
Nộp bổ sung 20% vốn mua cổ phiếu của Tổng Công ty	-	26.029.000.000
Phải trả lãi tiền vay	49.934.423.378	12.781.678.621
Cổ tức phải trả	22.873.032.590	10.517.787.945
Các khoản phải trả về Tổng công ty Vinaconex	-	-
Phải nộp Ngân sách	25.553.949.238	5.948.259.518
Các khoản phải trả, phải nộp khác	396.351.456.564	146.961.948.852
	1.573.755.631.198	1.977.073.964.226

- (i) Khoản tiền nhận từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương và Công ty TNHH VNT theo cam kết trong hợp đồng hợp tác với Vinaconex về việc thành lập một công ty liên doanh để đầu tư xây dựng một khu tổ hợp thương mại tại Khu đô thị Đông Nam Trần Duy Hưng.
- (ii) Kinh phí bảo trì các tòa nhà phải nộp cho Ban quản lý nhà chung cư theo Luật Nhà ở năm 2006.

21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Vay dài hạn	8.108.736.235.555	7.566.900.812.704
- Vay tại Công ty mẹ	5.436.475.628.721	6.742.598.353.143
- Vay tại các công ty con	2.672.260.606.834	824.302.459.561
Trái phiếu phát hành	2.075.000.000.000	1.039.034.951.887
- Tại Công ty mẹ	2.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- Tại các công ty con	75.000.000.000	39.034.951.887
	10.183.736.235.555	8.605.935.764.591
Số phải trả trong vòng 12 tháng	(1.053.305.229.704)	(973.625.543.555)
Số phải trả sau 12 tháng	9.130.431.005.851	7.632.310.221.036

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Vay và nợ dài hạn tại Công ty mẹ	4.073.691.488.119	5.909.926.901.026
Tổng Công ty thiết bị nặng Trung Quốc	301.424.197.732	333.253.756.607
Quỹ Đầu tư Phát triển Thành phố Hà Nội	1.061.359.942.870	499.417.695.510
Trái phiếu phát hành	2.075.000.000.000	1.039.034.951.887
Vay và nợ dài hạn tại các công ty con	2.672.260.606.834	824.302.459.561
	10.183.736.235.555	8.605.935.764.591

21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

Chi tiết một số khoản vay và nợ dài hạn chủ yếu như sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Ngân hàng		
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	-	43.821.871.675
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Hoá	-	13.828.000.000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Cầu Giấy	-	217.000.000.000
- SGD Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	12.881.237.927
- Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam	57.095.566.253	73.508.388.260
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	147.050.000.000	261.550.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	72.780.000.000	1.610.117.509.838
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	1.463.743.190.761	-
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam	-	552.715.000.000
- Ngân hàng Trung Quốc - Chi nhánh Hồ Chí Minh	45.514.272.354	57.509.085.809
- Ngân hàng BNP Paribas	226.761.286.304	834.457.044.374
- Ngân hàng Natexis	978.943.041.836	228.472.465.807
- Tổng Công ty Thiết bị nặng Quốc gia Trung Quốc	193.549.178.208	206.559.461.646
- Quỹ Đầu tư Phát triển Thành phố Hà Nội	301.424.197.732	333.253.756.607
- Ngân hàng Hợp tác phát triển quốc tế Nhật Bản (JBIC)	1.061.359.942.870	499.417.695.510
- Trái phiếu Vinaconex	888.254.952.403	1.164.921.984.717
- Trái phiếu Vinaconex	-	1.000.000.000.000
	2.000.000.000.000	-
Đạo hạn		
2016	-	-
2012	-	-
2012	-	-
2012	-	-
2014	57.095.566.253	73.508.388.260
2014	147.050.000.000	261.550.000.000
2014	72.780.000.000	1.610.117.509.838
2018	1.463.743.190.761	-
2018	-	552.715.000.000
2013	45.514.272.354	57.509.085.809
2016	226.761.286.304	834.457.044.374
2016	978.943.041.836	228.472.465.807
2016	193.549.178.208	206.559.461.646
2016	301.424.197.732	333.253.756.607
2012	1.061.359.942.870	499.417.695.510
2018	888.254.952.403	1.164.921.984.717
2010	-	1.000.000.000.000
2014	2.000.000.000.000	-

Tiền tệ

- Lãi suất**
- VND Lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau +3,5%/năm
 - VND Lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau +3,5%/năm
 - VND Lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau +3,5%/năm
 - VND Lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau +3,5%/năm
 - VND Lãi suất tiết kiệm 12 tháng+ phí ngân hàng 2%/năm
 - VND Lãi suất tiết kiệm 12 tháng + 2,75%/năm
 - VND Lãi suất tiết kiệm 12 tháng + 2,75%/năm
 - VND Lãi suất tiết kiệm 12 tháng + phí ngân hàng
 - VND 2,75%/năm
 - VND Lãi suất tiết kiệm 12 tháng+ phí ngân hàng 2%/năm
 - USD SIBOR 6 tháng + 1,8%/năm
 - USD LIBOR USD 6 tháng + 1,87%/năm
 - EUR EURIBOR + 0,325%/năm
 - USD LIBOR + 2,35%/năm
 - USD Lãi suất 3,78%/ năm
 - VND Lãi suất 0%/năm
 - JPY Lãi suất 2,05%/ năm
 - VND Lãi suất 3%/ năm
 - VND Lãi suất 14%/ năm cầu tiền

Ngân hàng

- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Hoá
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Cầu Giấy
- SGD Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam
- Ngân hàng Trung Quốc - Chi nhánh Hồ Chí Minh
- Ngân hàng BNP Paribas
- Ngân hàng Natexis
- Tổng Công ty Thiết bị nặng Quốc gia Trung Quốc
- Quỹ Đầu tư Phát triển Thành phố Hà Nội
- Ngân hàng Hợp tác phát triển quốc tế Nhật Bản (JBIC)
- Trái phiếu Vinaconex
- Trái phiếu Vinaconex

Báo cáo tài chính hợp nhất của Vinaconex

21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

- (i) Ngày 5 tháng 10 năm 2007, Tổng Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Công thương Việt Nam (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam), với số tiền 261.550.000.000 VND. Khoản vay này sẽ được trả làm 8 kỳ, mỗi kỳ 06 tháng, bắt đầu từ tháng thứ 36 kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 15 tháng 11 năm 2007). Khoản vay chịu lãi suất tiết kiệm 12 tháng cộng (+) 2,75%/năm và được trả cùng với kỳ trả nợ gốc. Tổng Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay và quyền sử dụng đất của Tổng Công ty tại 34 Láng Hạ, Hà Nội để thế chấp cho khoản vay này.
- (ii) Khoản vay bổ sung từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam cho dự án 34 Láng Hạ theo Hợp đồng vay số 26032010 NHCT-VINACONEX/HĐTD ngày 26 tháng 03 năm 2010. Khoản vay được trả làm 8 kỳ, mỗi kỳ 06 tháng bắt đầu từ ngày 25 tháng 11 năm 2011, lãi vay được trả cùng với kỳ trả nợ gốc. Tổng Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay và quyền sử dụng đất của Tổng Công ty tại 34 Láng Hạ, Hà Nội để thế chấp cho khoản vay này.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng Công thương Việt Nam (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam) có hạn mức tối đa là 1.830 tỷ VND và chịu lãi suất từ 10,5% đến 13,94% (năm 2009: từ 10,21% đến 18,47%). Khoản vay này được bảo đảm bằng các động sản và bất động sản của Nhà máy Xi măng Cẩm Phả và Trạm nghiền Xi măng Cẩm Phả với giá trị tạm tính là 4.375 tỷ VND và đất và tài sản gắn liền với đất tại số 2 Láng Hạ, Hà Nội.
- (iv) Ngày 10 tháng 10 năm 2006, Tổng Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng BNP Paribas, một ngân hàng Pháp có đăng ký kinh doanh số 662042449 tại Phòng Đăng ký Công ty và Thương mại Paris với số tiền 18.055.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này chịu lãi suất là LIBOR 6 tháng cộng (+) 1,87%/năm. Khoản vay này phải được hoàn trả trong 20 kỳ 6 tháng bắt đầu từ ngày 12 tháng 4 năm 2010. Khoản vay này được bảo đảm bằng bảo lãnh của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam thông qua Bộ Tài chính Việt Nam.
- (v) Tổng Công ty ký các hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng BNP Paribas, một ngân hàng Pháp có đăng ký kinh doanh số 662042449 tại Phòng Đăng ký Công ty và Thương mại Paris vào ngày 21 tháng 10 năm 2004 và ngày 28 tháng 3 năm 2005 với tổng giá trị các khoản vay là 60.858.000 EURO. Khoản vay này chịu lãi suất là EURIBOR cộng (+) 0,325%/năm. Khoản vay này phải được hoàn trả trong 20 kỳ 6 tháng bắt đầu từ ngày 26 tháng 1 năm 2007 và 30 tháng 6 năm 2008. Khoản vay này được bảo đảm bằng bảo lãnh của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam thông qua Bộ Tài chính Việt Nam.
- (vi) Khoản vay này được đảm bảo bởi bảo lãnh của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam thông qua Bộ Tài chính Việt Nam. Khoản vay này chịu lãi suất là LIBOR cộng 2,35%/năm. Khoản vay này phải được hoàn trả trong 20 kỳ 6 tháng bắt đầu từ ngày 31 tháng 12 năm 2007.
- (vii) Ngày 27 tháng 9 năm 2006, Tổng Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Tổng Công ty Thiết bị nặng Quốc gia Trung Quốc với số tiền 19.901.767 Đô la Mỹ. Khoản vay này chịu lãi suất là 3,78%/năm. Khoản vay này phải được hoàn trả trong 15 kỳ 6 tháng bắt đầu từ ngày 28 tháng 12 năm 2009. Khoản vay này được bảo đảm bằng bảo lãnh của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam thông qua Bộ Tài chính Việt Nam.
- (viii) Khoản vay này được đảm bảo bởi bảo lãnh của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam thông qua Bộ Tài chính Việt Nam. Khoản vay này chịu lãi suất cố định là 2,05%/năm. Khoản vay này phải được hoàn trả trong 20 kỳ 6 tháng bắt đầu từ ngày 8 tháng 9 năm 2008.
- (ix) Khoản này thể hiện trái phiếu do Tổng Công ty phát hành ngày 25 tháng 5 năm 2010 với kỳ hạn 2 năm. Khoản trái phiếu này có gốc bằng đồng Việt Nam với mệnh giá là 1.000.000.000 VND/trái phiếu và chịu lãi suất năm đầu là 14%/năm, lãi suất năm sau bằng bình quân lãi suất tiết kiệm cá nhân, trả sau kỳ hạn 12 tháng bằng VND được công bố tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Sở giao dịch 1), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Sở giao dịch), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (Chi nhánh thành phố Hà Nội) và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Sở giao dịch) cộng với lãi suất biên 3,4%/năm.

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của các cổ đông VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quy đầu tư phát triển VND	Quy dự phòng tài chính VND	Quy khác thuộc chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Tại ngày 01/01/2009	1.499.851.500.000	-	1.483.899.008	(467.572.275.075)	170.200.697.351	43.557.510.668	(1.704.929.064)	155.142.443.632
Tăng trong năm	350.952.370.000	350.952.370.000	-	-	-	-	-	5.820.971.113
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(130.820.567.120)
Chênh lệch tỷ giá tăng trong năm	-	-	-	467.572.275.075	107.429.824.318	20.690.950.622	2.699.792.180	(103.079.441.486)
Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	-	-	(34.605.415.609)	(4.653.970.766)	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(119.682.444.292)	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá giảm trong năm	-	-	(1.214.445.407)	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	269.453.601	(119.682.444.292)	243.035.106.060	59.594.490.524	994.863.116	(72.936.593.861)
Tại ngày 01/01/2010	1.850.803.870.000	350.952.370.000	269.453.601	(119.682.444.292)	413.235.797.351	64.248.461.290	994.863.116	198.585.779.361
Tăng trong năm	1.149.196.130.000	4.152.532.000	685.319.766	-	1.903.127.652	-	-	39.500.837.656
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(208.757.132.748)
Phân bổ chênh lệch tỷ giá của khoản vay dài hạn theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính	-	-	-	14.697.959.500	-	-	-	(76.060.872.683)
Tang do lợi ích Công ty mẹ thay đổi do bổ sung/giảm trừ vốn đầu tư tại các Công ty con	-	-	-	-	-	28.234.377.795	1.314.164.150	(351.652.735.300)
Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ thương mại điều hành	-	-	-	-	179.208.590.803	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá của khoản vay dài hạn theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính	-	-	-	(150.000.257.511)	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần từ Công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	(2.249.193.678)	(993.551.390)	-
Tại ngày 31/12/2010	3.000.000.000.000	355.104.902.000	954.773.367	(254.984.742.303)	424.136.824.515	88.579.674.641	1.315.475.876	(471.320.717.575)

Báo cáo tài chính hợp nhất của Vinaconex

23. CỔ TỨC

Trong năm 2010, Tổng Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức đợt 2 năm 2009 bằng tiền mặt với số tiền là 222.096.464.400 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009. Đồng thời, Tổng Công ty đã tiến hành tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2010 theo Quyết định số 520/2010/QĐ-HĐQT với số tiền là 129.556.270.900 VND.

24. DOANH THU

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu xây lắp	7.150.913.504.800	7.141.326.239.588
Doanh thu sản xuất công nghiệp	1.157.945.131.246	3.215.034.183.915
Doanh thu kinh doanh bất động sản	2.650.053.695.987	1.905.704.400.346
Doanh thu cung cấp dịch vụ	662.043.949.613	127.346.453.933
Doanh thu khác	3.519.536.122.883	658.506.853.146
	15.140.492.404.529	13.047.918.130.928
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	72.862.714.287	30.629.252.438
Giảm giá hàng bán	36.727.951	84.950.188
Hàng bán bị trả lại	5.097.128.945	36.298.600
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.062.495.833.346	13.017.167.629.702

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá vốn xây lắp	6.616.280.484.122	6.514.515.930.829
Giá vốn sản xuất công nghiệp	871.945.946.943	2.611.641.567.899
Giá vốn kinh doanh bất động sản	1.917.189.849.070	1.519.981.401.594
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	536.369.567.096	97.722.325.278
Giá vốn hàng bán khác	2.931.344.163.162	505.926.943.183
	12.873.130.010.393	11.249.788.168.783

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi chuyển nhượng đầu tư tài chính	333.849.940.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	306.234.589.335	88.228.220.045
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	245.046.308.319	112.389.641.193
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.913.922.552	4.111.610.306
Doanh thu hoạt động tài chính khác	36.272.819.739	204.321.284.713
	924.317.579.945	409.050.756.257

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí lãi vay	908.793.130.221	592.382.204.033
Lỗ chênh lệch tỷ giá	318.021.605.757	93.436.844.026
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	53.632.605.334	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	203.000.000	-
Chi phí tài chính khác	44.313.626.525	1.361.762.364
	1.324.963.967.837	687.180.810.423

28. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Thu từ chuyển nhượng quyền phát triển dự án	-	145.783.010.000
Thu từ thanh lý tài sản cố định	94.981.994.393	33.060.384.084
Các khoản thu nhập khác	66.195.841.329	1.396.704.109
Thu nhập khác	161.177.835.722	180.240.098.193
Kết quả từ chuyển nhượng vốn đầu tư cho Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Điền	-	94.079.151.688
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	467.575.275.075
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	61.808.642.428	13.952.507.315
Giá trị quyết toán bổ sung Xi măng Cẩm Phá	44.063.635.399	-
Các khoản chi phí khác	21.950.178.063	3.947.409.225
Chi phí khác	127.822.455.890	579.554.343.303
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	33.355.379.832	(399.314.245.110)

Báo cáo tài chính hợp nhất của Vinaconex

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trong năm là 466.069.346.318 VND (năm 2009: 203.484.956.932 VND) và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 208.477.212 (năm 2009: 179.231.181), được thực hiện như sau:

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	466.069.346.318	203.484.956.932
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông Công ty mẹ	198.585.779.361	5.820.971.113
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	204.233.656	179.231.181
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	972	32

30. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Theo Thông báo số 19/TB-VPCP ngày 23 tháng 02 năm 2011 của Văn phòng Chính phủ về việc thông báo “Ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Sinh Hùng tại cuộc họp về xử lý tài chính sau thanh tra việc cổ phần hóa Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam”. Phó Thủ tướng Nguyễn Sinh Hùng có ý kiến kết luận một số vấn đề như sau:

- Khoản tiền lãi do sử dụng các khoản tiền chưa nộp: Vinaconex không phải nộp tiền lãi do sử dụng các khoản tiền chưa nộp.
- Giao Bộ Tài chính ban hành quyết định thu nộp ngân sách Nhà nước giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích 5.562 m² đất lưu không mà Vinaconex xây dựng các nhà nổi tại khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính. Vấn đề này Vinaconex đang giải trình, làm việc với Bộ Tài chính và sẽ trình Thủ tướng Chính phủ để có quyết định cuối cùng.
- Giao Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Thanh tra Chính phủ, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan xác định thời điểm phát sinh giá trị quyền phát triển Khu đô thị Bắc An Khánh để xử lý theo đúng quy định của Pháp luật.
- Giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Thanh tra Chính phủ, Bộ Xây dựng và các cơ quan liên quan kiểm tra, xử lý theo đúng quy định của pháp luật khoản giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích Vinaconex được giao thực hiện dự án khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính và giá trị tầng 1 các chung cư cao tầng khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.
- Giao UBND thành phố Hà Nội trao đổi với các cơ quan liên quan để xử lý đúng quy định đối với khoản tiền Vinaconex thu từ việc chuyển nhượng diện tích 12.996 m² tầng 1 các nhà chung cư cao tầng khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính.
- Giao Bộ Tài chính xử lý theo đúng quy định của pháp luật đối với khoản tiền do Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Vinaconex không thu của các cổ đông khác khi được Vinaconex bù đắp các khoản lỗ và khoản tiền do các cổ đông là thể nhân và pháp nhân khác chưa nộp khi ghi tăng vốn điều lệ.

Phó Thủ tướng Chính phủ cũng giao Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Thanh tra Chính phủ, UBND thành phố Hà Nội và các đơn vị liên quan thực hiện các ý kiến kết luận nêu trên và báo cáo Thủ tướng trong tháng 4 năm 2011.

Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc, giải trình với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc thực hiện các ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ. Báo cáo tài chính hợp nhất chưa bao gồm bất cứ khoản điều chỉnh nào liên quan đến các vấn đề nêu trên.

31. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Theo Hợp đồng liên doanh ký giữa Công ty Sonakali International Limited, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương và Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam thỏa thuận thành lập Công ty TNHH Sonakali Việt Nam, vốn điều lệ của công ty liên doanh là 350 tỷ VND, trong đó Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam cam kết góp 20% vốn điều lệ tương đương 70 tỷ VND bằng một phần chi phí Khu đất HH, Khu đô thị Đông Nam đường Trần Duy Hưng.

31. CÁC KHOẢN CAM KẾT (Tiếp theo)

Theo Quyết định số 900/2009/QĐ-HĐQT ngày 5 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng Quản trị về việc phê duyệt góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Vinaconex - Viettel (VVHA., JSC), vốn điều lệ 3.000 tỷ VND, trong đó, Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam góp 780 tỷ VND, tương ứng với 26% vốn điều lệ Công ty. Nguồn vốn góp của Tổng Công ty từ Quỹ phát triển sản xuất và các nguồn vốn hợp pháp khác của Tổng Công ty.

32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Trong vòng một năm	2.034.828.180	2.034.828.180
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	6.252.363.720	6.252.363.720
Sau năm năm	50.661.263.140	52.696.091.320
	58.948.455.040	60.983.283.220

Các khoản cam kết thuê hoạt động thể hiện chủ yếu:

- Tổng số tiền thuê 2.713,9 m² đất tại 34 Láng Hạ theo Hợp đồng thuê đất số 104-2004/TNMTND-HĐĐTĐTN ký với Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất thành phố Hà Nội với thời hạn thuê trong 20 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2004, với đơn giá thay đổi theo thời điểm và mục đích sử dụng.
- Tổng số tiền thuê 486 m² tại 249 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội với đơn giá thay đổi theo thời điểm. Hợp đồng thuê đất số 06-ĐCND-HĐĐTĐTN ngày 29 tháng 4 năm 1999 được ký với Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất thành phố Hà Nội có thời hạn thuê là 20 năm.
- Tổng số tiền thuê 84.622 m² tại xã Hồng Tiến, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên với đơn giá 545 VND/m²/năm. Hợp đồng thuê đất số 01/HĐĐTĐ/Đ ngày 24 tháng 7 năm 2003 ký với Sở Tài nguyên Môi trường Thái Nguyên với thời hạn thuê là 50 năm.
- Tổng số tiền thuê 70.935 m² tại xã Nam Tiến, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên với đơn giá 60 VND/m²/năm. Hợp đồng thuê đất số 149/HĐĐTĐ ngày 8 tháng 6 năm 2006 ký với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên có thời hạn thuê là 50 năm.
- Tổng số tiền thuê 657.548m² tại phường Cẩm Thạch, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh để xây dựng Nhà máy Xi măng Cẩm Phả, thời gian thuê là 50 năm và hết hạn sử dụng vào ngày 31 tháng 3 năm 2053. Tiền thuê đất được trả hàng năm, được miễn 3 năm từ ngày ký hợp đồng thuê đất theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 8484 BKH/PTDN ngày 6 tháng 12 năm 2005.
- Tổng số tiền thuê 782.918m² tại phường Quang Hanh, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh để làm khu khai thác đá, làm vành đai và các công trình phụ trợ, thời gian thuê là 30 năm và hết hạn sử dụng vào ngày 03 tháng 11 năm 2034. Tiền thuê đất được trả hàng năm, được miễn 3 năm từ ngày ký hợp đồng thuê đất theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 8484 BKH/PTDN ngày 6 tháng 12 năm 2005.
- Tổng số tiền thuê 340.108m² tại hai phường Cẩm Thủy và phường Cẩm Thạch, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh để xây dựng tuyến băng tải và bến xuất nhập nguyên vật liệu, luồng sà lan chuyên dùng, thời gian thuê là 50 năm và hết hạn sử dụng vào ngày 30 tháng 8 năm 2055. Tiền thuê đất được trả hàng năm, được miễn 3 năm từ ngày ký hợp đồng thuê đất theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 8484 BKH/PTDN ngày 6 tháng 12 năm 2005.
- Tổng số tiền thuê 473.255m² tại xã Cộng Hòa, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh để làm khu khai thác đá sét và xây dựng các công trình phụ trợ phục vụ khai thác đá sét, thời gian thuê là 30 năm và hết hạn sử dụng vào ngày 6 tháng 8 năm 2037. Tiền thuê đất được trả hàng năm, được miễn 3 năm từ ngày ký hợp đồng thuê đất theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 8484 BKH/PTDN ngày 6 tháng 12 năm 2005.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Vinaconex

32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

- Tổng số tiền thuê 93.588,7m2 tại hai phường Cẩm Thủy và phường Cẩm Thạch, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh để xây dựng tuyến băng tải vận chuyển đá vôi, thời gian thuê là 44 năm và hết hạn sử dụng vào ngày 7 tháng 6 năm 2052. Tiền thuê đất được trả hàng năm, được miễn 3 năm từ ngày ký hợp đồng thuê đất theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 8484 BKH/PTDN ngày 6 tháng 12 năm 2005.
- Tổng số tiền thuê 111.807,72m2 tại Khu công nghiệp Mỹ Xuân A mở rộng, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để đặt Trạm nghiên Xi măng, thời gian thuê là 48 năm kể từ ngày giao đất. Tiền thuê đất được trả hàng năm với đơn giá thuê là 0,7 USD/m2/năm, tiền thuê thanh toán hàng năm trước ngày 31 tháng 01 của năm đó.
- Tổng số tiền thuê 403m2 tại tầng 1, tòa nhà 17T9, Khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội để làm văn phòng làm việc, thời gian thuê là 5 năm kể từ ngày 21 tháng 3 năm 2009. Tiền thuê văn phòng được trả 6 tháng/lần với đơn giá thuê là 25 USD/m2/tháng.
- Tổng số tiền thuê 169,43m2 tại số 47 Điện Biên Phủ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh để làm văn phòng làm việc, thời gian thuê ban đầu là 2 năm từ ngày 02 tháng 5 năm 2008. Tiền thuê văn phòng được trả 3 tháng/lần với đơn giá thuê là 2.541,45 USD/tháng.

33. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết số 01/2011/NQ-HĐQT ngày 28 tháng 3 năm 2011, Hội đồng Quản trị đã thống nhất về chủ trương tăng vốn điều lệ lên 5.000 tỷ VND. Ủy quyền cho người đại diện quản lý vốn Nhà nước bàn bạc và quyết định việc đưa ra Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011.

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể:

Khoản mục	Số trước phân loại	Số sau phân loại lại	Chênh lệch VND
	lại 31/12/2009 VND	31/12/2009 VND	
Chi phí trả trước dài hạn - mã số 271 (i)	267.666.371.992	210.159.058.207	57.507.313.785
Chênh lệch tỷ giá hối đoái - mã số 416 (i)	(62.175.130.507)	(119.682.444.292)	57.507.313.785
Quỹ khen thưởng phúc lợi - mã số 431 (ii)	33.915.633.414	-	33.915.633.414
Quỹ khen thưởng phúc lợi - mã số 323 (ii)	-	33.915.633.414	(33.915.633.414)
Phải trả dài hạn khác - mã số 333 (ii)	1.370.202.013.654	-	1.370.202.013.654
Doanh thu chưa thực hiện - mã số 338 (ii)	-	1.370.202.013.654	(1.370.202.013.654)

- (i) Phân loại lại số dư chênh lệch tỷ giá hối đoái của khoản vay dài hạn theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- (ii) Theo quy định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp”: đổi số hiệu tài khoản 431 - “Quỹ khen thưởng, phúc lợi” thành tài khoản 353 - “Quỹ khen thưởng, phúc lợi”. Đồng thời, “Quỹ khen thưởng, phúc lợi” sẽ trình bày trên bảng cân đối kế toán tại khoản mục “Nợ phải trả” với mã số 323 thay vì trình bày tại khoản mục Nguồn vốn với mã số 431. Bổ sung chi tiêu “Doanh thu chưa thực hiện” với mã số 338.



Nguyễn Thành Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

Nguyễn Quốc Hòa
Kế toán trưởng

“Xây những giá trị, dựng những ước mơ”



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tòa nhà VINACONEX 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-4) 6284 9234 **Fax:** (84-4) 6284 9208

Email: info@vinaconex.com.vn

www.vinaconex.com.vn